



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Huệ Cảnh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh
Chủ bút: Vĩnh Hào

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: Tâm Quang
Hình bìa: Chen Victor (Pixabay.com)

LIÊN LẠC:

• **Bài vở:** baivochanhphap@gmail.com

• **Quảng cáo / Phát hành:**

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **CHUÔNG TÌNH THỨC, THIÊN TRÀ...** (thơ Thăng Hoan), trang 8
- ♦ **BÓN BÀI THI KỆ QUA HAI THỜI ĐẠI** (ĐNT. Tin Nghĩa), trang 10
- ♦ **THÔNG TƯ LỄ TRUY TÁN CÔNG HẠNH ĐLHT THÍCH TRÍ QUANG** (GHPGVNTNHHK), trang 12
- ♦ **TIÊU TRUYỆN TỰ GHI** (Thích Trí Quang), trang 13
- ♦ **ĐIỀU VẤN KÍNH DÂNG ĐỨC CỐ ĐLHT THÍCH TRÍ QUANG** (Thích Chúc Hiền), trang 16
- ♦ **CHÍN MƯƠI SÁU PHÚT VỚI TT. THÍCH TRÍ QUANG** (Ngô Thế Vinh), trang 18
- ♦ **TRÍ QUANG ĐẠI SĨ ĐI XA** (thơ Tâm Nhiên), trang 23
- ♦ **CÂU ĐỐI CÙNG ĐƯỜNG ĐLHT THÍCH TRÍ QUANG** (Thích Nguyên Hiền), tr. 24
- ♦ **HT. THÍCH TRÍ QUANG VÀ MỘT CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ** (Huỳnh Kim Quang), trang 25
- ♦ **TRÍ QUANG - NGƯỜI CON CỦA MẸ, NGƯỜI HÙNG CỦA CHÍNH ÔN...** (Thích Nguyên Siêu), trang 30
- ♦ **SƠ LƯỢC TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG** (Môn đồ pháp quyền), trang 31
- ♦ **THIÊN SỰ KHÁNH HÒA VÀ CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG Ở NAM KỶ** (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **NHỚ ÔN, NGỌN LỬA TRÁ TỶ** (thơ Thích Giác Tâm), trang 37
- ♦ **BẮC ĐẠI TRÍ ĐẪY DUNG DỊ** (Thích Viên Thành), trang 38
- ♦ **MẸ HIỀN LINH CẨM** (thơ Tâm Ngọc – Thư Hoàng), trang 40
- ♦ **SỰ THÀNH CÔNG CỦA MỘT NGƯỜI THẤT BẠI** (TN. Huệ Trân), trang 41
- ♦ **HÌNH ẢNH TANG LỄ ĐLHT THÍCH TRÍ QUANG Ở HUẾ** (giacngo & phattuvietnam), trang 43a
- ♦ **THẦY ĐÃ RA ĐI** (thơ & nhạc Tuệ Minh), trang 45
- ♦ **THIÊN TÔNG NHƯ BÈ PHÁP QUA SÔNG** (Nguyễn Giác), trang 46
- ♦ **TRUYỆN CỤC NGÂN** (Steven N.), tr. 50
- ♦ **RONG CHƠI HOÀI VIÊN XÚ** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 51
- ♦ **TÔN KÍNH BẠC ĐĂNG KÍNH** (Thích Thanh Thắng), trang 52
- ♦ **SÁNG NGÔI BIÊN TRÍ** (thơ Tâm Quang), trang 53
- ♦ **NHẬN XÉT VỀ MỘT CÂU TRẢ LỜI CỦA ĐỨC DALAI LAMA** (Tâm Cảnh Nguyễn Ngọc Cảnh), trang 54
- ♦ **SỨC SẮC TÂM ĐỘC** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 55
- ♦ **BỆNH DẪN TÍNH MẠCH CHÂN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: HÁ CẢO** (mevaobep), trang 57
- ♦ **PHẬT PHÁP CÓ THỂ GIÚP GÌ CHO TRẺ EM?** (Diệu Liên Lý Thu Linh dịch) trang 58
- ♦ **NGÔI SAO SÁNG TRÊN NỀN TRỜI PHẬT GIÁO...** (thơ Tánh Thiện), tr. 61
- ♦ **LỄ TRUY TÁN CÔNG HẠNH ĐLHT THÍCH TRÍ QUANG** (Bình Sa), tr. 62
- ♦ **HÌNH ẢNH LỄ TRUY TÁN CÔNG HẠNH ĐLHT THÍCH TRÍ QUANG TẠI CHÙA BÁT NHÃ...** (Bình Sa), trang 64
- ♦ **ĐỔI ĐIỆN VÔ THƯỜNG** (Diệu Huyền), trang 66
- ♦ **STORY OF THE BADDIYA BHIKKHUS** (Daw Tin), trang 69
- ♦ **GIẾT NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi), trang 70
- ♦ **TÔN GIẢ PHÚ LẬU NA...** (Truyện cổ Phật giáo), trang 71
- ♦ **ĐI TÌM TIẾNG VỌNG** (Nguyễn Cẩn), trang 74
- ♦ **NHUỘM, VÈ CỘI, NGỘ...** (thơ Mãn Đường Hồng), trang 75
- ♦ **BỤI ĐƯỜNG – chương 15, t.t.** (Vĩnh Hào), trang 76
- ♦ **GIÁC MỘNG ĐÀU ĐÔNG** (thơ Pháp Hoan), trang 79



Báo Chánh Pháp số 97, tháng 12.2019, do Thiền Tịnh Đạo Tràng (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ân tặng. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

BẤT ĐỘNG TRÍ QUANG

TRÍ bất hữu-vô, bi nguyện rộng
QUANG phi sinh-diệt, trùm thái-không
Hành vô-hành hạnh tâm vô-trước
TRÍ HẢI thậm thâm chiêu vô cùng.

Thị-hiện ta-bà khua trống Pháp
Phụ-chánh tòi-tà gióng chuông Tâm
Bạt vĩa ma quân lừng thiên cô
Văn bút nhà thiên rạng viên-âm.

Một thoáng canh tàn nơi liêu vắng
Nghiên mực gác lại bên thư-song
Cười vỡ trăm năm cơn đại-mộng
Bạch hạc bay về chôn vô tung.

Trí Quang đạt giả vô danh tướng
Tiêu-sái cõi ngoài bước thông dong
Bất-động như như tâm kiên-cố
Vô-vi tịch-lặng không hoàn không.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HÀN QUỐC: Triển lãm các tác phẩm thư pháp của vị anh hùng Phật giáo Samyeong

Từ ngày 15-10 đến 17-11-2019, Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc triển lãm nguyên bản 5 tác phẩm thư pháp của Hòa thượng Samyeong (1554-1610), nhà sư nổi tiếng của Triều đại Joseon (1342-1910) cả Triều Tiên.

Trong chuyến đi đến Kyoto, sư Samyeong đã lưu trú tại chùa Koshou ở Uji, và ông đã để lại chùa này 5 tác phẩm nói trên.

Viện Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc nói rằng viện tổ chức cuộc triển lãm các tác phẩm của sư Samyeong - mượn từ chùa Koshou - là để làm nổi bật nỗ lực giảng hòa của ông với Nhật Bản và cứu người dân Triều Tiên bị nạn trong cuộc chiến tranh 7-năm giữa 2 nước vào thế kỷ thứ 16.

Hòa thượng Samyeong, pháp danh Yujeong, đã lãnh đạo một đội quân tăng sĩ để chống quân xâm lược Nhật. Sau chiến tranh, sư Samyeong theo lệnh vua đã đến Kyoto vào năm 1605 để ký hiệp định hòa bình Nhật-Triều với Tướng quân Tokugama Ieyasu. Ông đã trở về quê hương cùng 3,000 người

Triều Tiên vốn là tù binh của Nhật.

(Yonhap - October 15, 2019)



Tranh chân dung và nguyên bản các tác phẩm thư pháp của Hòa thượng Samyeong (1554-1610)—
Photos : Yonhap

HOA KỲ: Diễn đàn Phật giáo tại Liên Hiệp Quốc

New York, Hoa Kỳ - Ngày 12-10-2019, đại diện các cộng đồng Phật giáo từ Trung Quốc, Hoa Kỳ và Gia Nã Đại đã tổ chức một diễn đàn tại trụ sở Liên Hiệp Quốc ở New York để thảo luận về những nỗ lực để xây dựng một cộng đồng tương lai chung cho nhân loại.

Diễn đàn Phật giáo Trung Quốc-Hoa Kỳ-Gia Nã Đại năm 2019 là lần thứ hai, sau lần tổ chức đầu tiên thành công tại Ga Nã Đại vào năm 2017.

Trong sự kiện diễn ra trong một ngày này, các diễn giả khách mời đã chia sẻ quan điểm về cách mở rộng tác

động tích cực của cộng đồng Phật giáo của 3 nước. Các bài thuyết trình và các cuộc thảo luận đã thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và học hỏi lẫn nhau giữa Phật giáo và nền văn minh hiện đại.

(Big News Network - October 15, 2019)



Đại diện các cộng đồng Phật giáo từ Trung Quốc, Hoa Kỳ và Gia Nã Đại tại diễn đàn ở trụ sở Liên Hiệp Quốc (New York, Hoa Kỳ)—Photo: Hong Xiao

THÁI LAN: Đài BBC Anh Quốc ghi tên Dhammananda Bhikkhuni - nữ tu sĩ Phật giáo đầu tiên của Thái Lan - trong danh sách 100 phụ nữ có ảnh hưởng của năm 2019

Đài BBC Anh Quốc ghi tên Dhammananda Bhikkhuni - nữ tu sĩ Phật giáo đầu tiên của Thái Lan - trong danh sách 100 phụ nữ truyền cảm hứng và có ảnh hưởng nhất của năm 2019, dựa trên những thành tích và thành tựu của những người phụ nữ có ảnh hưởng và đáng chú ý trên toàn cầu.

Ni sư Dhammananda xuất gia tại Tích Lan vào năm 2003, trở thành Tỳ kheo ni đầu tiên của Thái Lan trước sự phản đối của công chúng - do đất nước này chưa bao giờ chính thức



công nhận việc xuất gia hoàn toàn của phụ nữ, và các Tỳ kheo ni thường không được hưởng mức độ chấp nhận thuộc xã hội như các đồng đạo nam của họ.

Trước đó ni sư Dhammananda được biết đến với tước danh Chatsumarn Kabilsingh, một tác giả và là giáo sư đại học về nghiên cứu tôn giáo và triết học.

Và bây giờ, là trụ trì của Tu viện Songolhammakalyani – tu viện Phật giáo toàn nữ đầu tiên của Thái Lan, ni sư Dhammananda nói đơn giản về trường hợp của mình, và với một logic nhẹ nhàng, bà lưu ý rằng chính Đức Phật đã thành lập tông phái tỳ kheo ni, trong đó có mẹ nuôi của Ngài.

(Buddhistdoor Global – October 17, 2019)



Dhammananda Bhikkhuni – nữ tu sĩ Phật giáo đầu tiên của Thái Lan

khác nhau, thông qua nữ Tổng thống Bidya Devi Bhandari của Nepal.

Bà Bhandari cùng phái đoàn Nepal đang có mặt tại Miến Điện trong chuyến thăm cấp nhà nước kéo dài 5 ngày.

Nhân dịp này, một đại biểu của phái đoàn là Bộ trưởng Ngoại giao Pradeep Bidya Devi đã nói rõ rằng những pho tượng này tượng trưng cho mối quan hệ bền vững giữa Nepal và Miến Điện. Ông nói rằng hòa bình, tử bi, hữu nghị và không bạo lực – những nguyên lý của triết học Phật giáo – vẫn còn có liên quan trong xã hội hiện tại. Ông kêu gọi người dân Miến Điện đến thăm Nepal và đặc biệt là viếng Lâm Tì Ni trong 'Năm Viếng thăm Nepal 2020'.

(The Himalayan Times – October 19, 2019)



Nữ Tổng thống Bidya Devi Bhandari (áo xanh) dẫn đầu một phái đoàn Nepal đến Miến Điện trong chuyến thăm cấp nhà nước kéo dài 5 ngày
Photo: RSS

ẤN ĐỘ: Tàu lửa Đặc biệt Mạng mạch Phật giáo từ Ấn Độ đến Nepal

Tàu lửa Đặc biệt Mạng mạch Phật giáo của Hòa xa Ấn Độ bắt đầu hành trình của mình từ ngày 19 đến 26-10-2019. Tàu sẽ đi đến các địa điểm kết nối với Đức Phật Cồ Đàm trải dài khắp Ấn Độ và Nepal.

Theo Công ty kinh doanh Dịch vụ ăn uống và Du lịch Ấn Độ (IRCTC), tàu lửa này sẽ bao gồm hầu hết các di tích quan trọng của Phật giáo.

Tàu sẽ khởi hành từ Ga Xe lửa Safdarjung ở New Delhi và kết thúc hành trình cũng

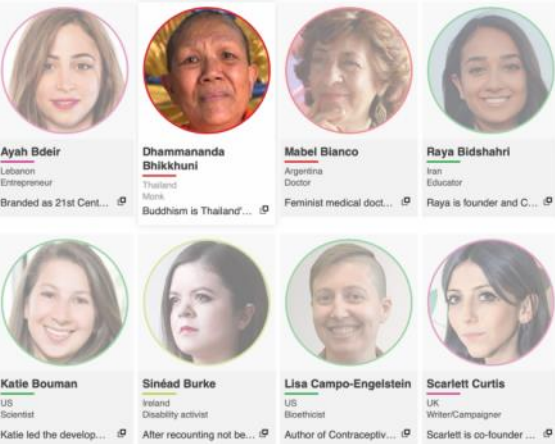
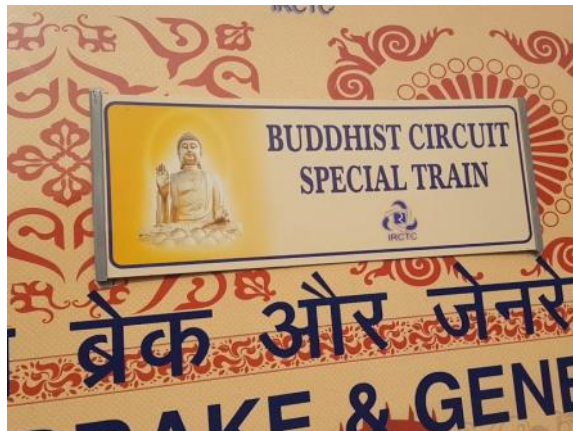
tại ga này sau khi đi đến những nơi gắn liền với cuộc đời Đức Phật Cồ Đàm.

Tour trọn gói của tàu lửa mạng mạch Phật giáo sẽ bao gồm chỗ ở trong các khách sạn sang trọng, vận chuyển bằng xe buýt máy lạnh tại nhiều nơi khác nhau và có hướng dẫn viên du lịch của các ngôn ngữ khác nhau cùng đồng hành với hành trình đường sắt này.

(jagranjosh.com – October 19, 2019)



Tàu lửa Đặc biệt Mạng mạch Phật giáo của Hòa xa Ấn Độ
Photos: jagranjosh.com & Nepali Sansar



Photos: youtube.com & bbc.co.uk

MIẾN ĐIỆN: Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagu tặng Nepal 30 tượng Phật

Yangon, Miến Điện – Ngày 18-19-2019, Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagu (SIBA) tại Yangon đã tặng Nepal 30 tượng Đức Phật bằng kim loại ở các tư thế

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma gặp gỡ các thành viên của Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế

Ngày 21-10-2019, tại tu viện Thekchen Choling ở Dharamsala, bắc Ấn Độ, Đức Đạt lai Lạt ma đã tổ chức một buổi tiếp kiến các thành viên của Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế (INEB), do nhà hoạt động Phật giáo nổi tiếng Sulak Sivaraksa dẫn đầu.

Các thành viên INEB từ khắp nơi trên thế giới vẫn tập tại tu viện Thekchen Choling để gặp gỡ Đức Đạt lai Lạt ma.

Cộng đồng Phật giáo quốc tế INEB được thành lập tại Thái Lan vào năm 1989 bởi nhà hoạt động, nhà hoạt động xã hội và nhà phê bình nổi tiếng người Thái Sulak Sivaraksa và một nhóm các nhà tư tưởng Phật giáo và phi-Phật giáo và các nhà hoạt động xã hội. Mục đích của INEB là kết nối các Phật tử dẫn thân trên khắp thế giới và quảng bá sự thông cảm, hợp tác và kết nối giữa các nhóm liên-Phật giáo và liên-tôn giáo để giải quyết các vấn đề toàn cầu như: quyền con người, giải quyết xung đột và các vấn đề môi trường.

Các thành viên của INEB bao gồm chư tăng ni, các nhà hoạt động, học giả và nhân viên xã hội từ hơn 25 quốc gia ở Úc, Á châu, Âu châu và Bắc Mỹ.



(Buddhistdoor Global October 22, 2019)

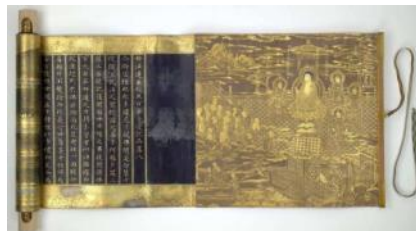


Đức Đạt lai Lạt ma và các thành viên của Mạng lưới Phật tử Dẫn thân Quốc tế (INEB)—Photos: INEB

ANH QUỐC: Triển lãm 'Khám phá Nguồn gốc và Sự liên quan của Phật giáo' tại Thư viện Anh Quốc

Từ ngày 25-10-2019 đến 23-2-2020, Thư viện Anh Quốc tổ chức một cuộc triển lãm mang tính bước ngoặt: khám phá các nguồn gốc của truyền thống tâm linh Phật giáo, cung cấp những hiểu biết sâu sắc về lịch sử và các nền tảng triết học của Phật giáo, và xem xét sự liên quan mà giáo lý nhà Phật tiếp tục giữ được cho đến ngày nay đối với hàng trăm triệu tín đồ trên khắp thế giới.

Triển lãm bao gồm sách, bản thảo, cuộn sách, và các đồ vật quý hiếm từ 20 quốc gia trong hơn 2,000 năm của 3 trường phái Phật giáo. Các hiện vật gồm có những tác phẩm kinh và văn học cổ xưa, cũng như những bài bình luận và những câu chuyện lịch sử, những bản thảo viết trên vỏ cây và lá cọ cho đến văn học thế kỷ 20 từ các truyền thống



Tranh Đức Phật A Di Đà bằng vàng trong cuộn sách kinh Pháp Hoa (Nhật Bản, 1636) được triển lãm tại Bảo tàng Anh Quốc—Photo: bl.uk

Tiểu Thừa, Đại Thừa và Kim Cương Thừa.

(Buddhistdoor Global – October 24, 2019)

ẤN ĐỘ: Bảo tháp Phật giáo bị sụp sau những trận mưa

Visakhapatnam, Andhra Pradesh – Mưa lớn trong 24 giờ đã khiến một di tích Phật giáo 2,000 năm tuổi bị sụp đổ vào ngày 23-10-2019.

Mái vòm của Đại Bảo tháp tại di tích ở khu phức hợp Phật giáo tại Thotlakonda bị hư hại do mưa.

Đây là một di tích được Cục Khảo cổ bang Andhra Pradesh bảo vệ ở vùng ngoại ô của thành phố Visakhapatnam. Cục đã phát hiện và khai quật di tích này vào những năm 1980. Một khu phức hợp Phật giáo được cho là đã phát triển tại đây vào khoảng 2,000 năm trước.

Di tích này từng bị hư hại nhiều lần nhưng mỗi lần như vậy đều được xây dựng lại. Các viên chức kỹ thuật của Cục Khảo cổ bang đang đến Visakhapatnam để đánh giá thiệt hại và phác thảo kế hoạch tái thiết mái vòm này.

(Deccan Chronicle – October 24, 2019)



Mái vòm của Đại Bảo tháp tại di tích ở khu phức hợp Phật giáo tại Thotlakonda bị hư hại do mưa lớn

Photo: Deccan Chronicle

NHẬT BẢN: Phát hiện phần nền móng của ngôi đền Phật giáo thế kỷ thứ 9 tại Kyoto

Ngày 24-10-2019, các quan chức thành phố Kyoto công bố đã khai quật đá nền đá của một giảng đường Phật giáo tại di tích ngôi đền Saiji – vốn bị phá hủy cách đây nhiều thế kỷ.

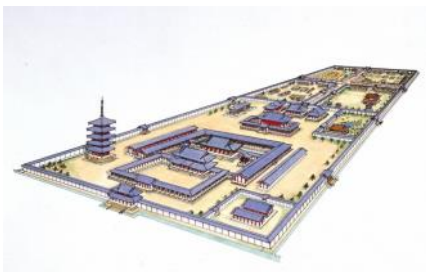
Nền móng của những gì được cho là một ngôi chùa 5-tầng cũng đã được tìm thấy.

Theo cơ quan bảo vệ tài sản văn hóa của Kyoto, đây là lần đầu tiên các tàn tích cấu trúc của các tòa nhà chính của ngôi đền Saiji bị biến mất này được phát hiện.

Những viên đá nền nói trên là tàn tích xây dựng đầu tiên từng được tìm thấy từ thủ đô Heian-kyo cổ đại trong thời kỳ Heian (794-1185) của Nhật Bản – nay là Kyoto.

Ngôi đền Saiji đã bị phá hủy trong thời Kamakura (thế kỷ 12 - 14).

(Maichini Japan – October 26, 2019)



Cảm nhận của một họa sĩ về khu phức hợp đền thờ Saiji thời Heian



Nền móng của những gì được cho là một ngôi chùa 5-tầng tại khu đền Saiji



Nền đá của một giảng đường Phật giáo tại di tích ngôi đền Saiji—Photos: Maichini Japan

NEPAL: Chư ni Ấn Độ luyện tập Kung Fu tại Ni viện ở Nepal

Hơn 700 nữ tu sĩ Phật giáo thuộc dòng truyền thừa Drukpa đến từ Thung lũng Spiti và vùng Ladakh (Ấn Độ) - trong độ tuổi từ 8 đến 80 - đã ở lại Ni viện Núi Druk Amitabha tại Nepal.

Những người trong độ tuổi từ 8 đến 35 đến lưu trú và rèn luyện, và đặt niềm tin vào việc luyện tập và sử dụng chuyên môn võ thuật để thử thách các vai trò về giới tính.

Trong nhiều thế kỷ, chư tăng Phật giáo chiếm vị trí quyền lực trong tôn giáo này - để lại cho chư ni thực hiện các công việc mang tính chất đàn ông.

Nhưng Đức Pháp vương Gyalwang Drukpa, vị lãnh đạo tinh thần và là người sáng lập tông phái Drukpa, đã khuyến khích các ni cô luyện tập Kung Fu để tạo dựng sự tự tin với tư cách là những người lãnh đạo.

Và những ni cô này đang phá vỡ khuôn mẫu, vượt ra ngoài việc cầu nguyện và thiền định để điều hành các phòng khám sức khỏe, giải cứu và chữa trị cho các động vật bị thương, học về lắp đặt hệ thống ống nước và điện, lái xe va đi xe đạp; đấu tranh với nạn buôn người, và bảo vệ sự bền vững môi trường bằng cách dọn hàng ngàn kg rác nhựa trên khắp dãy Hy Mã Lạp Sơn bằng thủ công.

Các nữ tu sĩ này sống khăng khít trong cộng đồng tu tập và quyết tâm đưa ra các lựa chọn có ảnh hưởng đến toàn bộ cách sống của họ.

(Financial Express – October 27, 2019)



Các ni cô Drukpa luyện võ thuật Photos: Financial Express

HOA KỲ: Trung tâm Cứu trợ Từ bi của Hội Từ Tế khánh thành tại thành phố New York

Hội Phật giáo Từ Tế Hoa Kỳ đã tổ chức lễ khánh thành Trung tâm Cứu trợ Từ bi mới tại thành phố New York vào ngày 13-10-2019.

Trung tâm mới tọa lạc tại 229E đường 60 ở bờ đông Thượng Manhattan, gần trụ sở Liên Hiệp Quốc.

Sự kiện này bao gồm một lễ khai mạc và phần phát biểu của các diễn giả quan trọng và chư đại sư đến từ Đài Loan. Buổi lễ cũng kỷ niệm 30 năm thành lập của Từ Tế tại Hoa Kỳ.

Trung tâm Từ Tế New York có không gian rộng mở, các khu vực bán lẻ dành cho Nhà sách Jing Si và các sản phẩm Công nghệ DA.AI thân thiện với môi trường, các khu triển lãm trưng bày về lịch sử và về các nỗ lực cứu trợ trên khắp thế giới của hội Từ Tế, và một không gian thiền định công cộng.

(tipitaka.net – November 1, 2019)



Trung tâm Cứu trợ Từ bi mới của Hội Từ Tế tại thành phố New York—Photo: Peter Chu

Đức Pháp vương Gyalwang Drukpa (người đeo mắt kính) và chư ni dòng Drukpa

PAKISTAN: Phái đoàn Phật giáo từ Thái Lan hành lễ tại Haripur và Khanpur

Ngày 2-11-2019, Sư trưởng Arayawangso của Thái Lan cùng một phái đoàn gồm 9 thành viên đến từ Thái Lan đã viếng Bảo tháp Bhamala ở thành phố Khanpur, tỉnh Punjab, để hành lễ và cầu nguyện cho hòa bình và thịnh vượng của khu vực.

Trước đó, ngày 1-11, sư trưởng Arayawangso cùng phái đoàn cũng đã hành lễ tại thành phố Haripur ở tỉnh Khyber-Pakhtunkhwa (KP).

Sư trưởng Arayawangso cho biết ông sẽ nói chuyện với khoảng 39 quốc gia có tín đồ Phật giáo về các di tích thiêng liêng của đạo Phật tại Pakistan. Ông tin rằng điều đó sẽ giúp gia tăng số lượng tu sĩ Phật giáo đến viếng đất nước này.

Tỉnh KP có hơn 2,000 thánh địa Phật giáo. Chính quyền liên bang Pakistan và các tỉnh cung cấp nhiều khoản kinh phí để bảo tồn các di tích này.

(tribune.com.pk - November 2, 2019)



Sư trưởng Arayawangso nói về tầm quan trọng của Bảo tháp Bhamala (Khanpur, Pakistan)



Photos: tribune.com.pk & tipitaka.net

HÀN QUỐC: Bức tranh Phật giáo Hàn Quốc thế kỷ 19 về lại bản quốc sau khi bị mất cách đây hơn nửa thế kỷ

Một bức tranh Phật giáo Hàn Quốc thế kỷ 19 đã trở về bản quốc sau khi bị mất cách đây hơn 50 năm.

Ngày 5-11-2019, Tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc đã trưng bày bức tranh nói trên tại Đại sảnh Kỷ niệm Lịch sử và Văn hóa Phật giáo Hàn Quốc.

Bức tranh khổ lớn "Chư Hộ pháp của Chùa Beomeosa" mô tả nhiều vị hộ pháp này do Thượng tọa Minkyu, nhà sư-họa sĩ thời Joseon, vẽ vào năm 1891.

Ban đầu thuộc sở hữu của chùa Beomeosa tại Busan, họa phẩm nói trên đã bị đưa ra khỏi Hàn Quốc giữa những năm 1950-1960.

Vào ngày 6-10-2019, Quỹ Di sản Văn hóa Hàn Quốc (OKCHF) đã thắng phiên đấu giá bức tranh này trong một cuộc đấu giá tại Los Angeles, Hoa Kỳ.

Tranh "Chư Hộ pháp của Chùa Beomeosa" đã trở về Hàn Quốc vào ngày 30-10 và trải qua việc bảo tồn tại Bảo tàng Phật giáo Trung ương, sau đó được trả lại cho chùa Beomeosa vào ngày 6-11.

(heraldcorp.com - November 5, 2019)



Bức tranh "Chư Hộ pháp của Chùa Beomeosa" do Thượng tọa Minkyu, nhà sư-họa sĩ thời Joseon, vẽ vào năm 1891
Photo: Yonhap

VƯƠNG QUỐC ANH: Cảnh sát ở Anh và xứ Wales áp dụng thiên định lấy cảm hứng từ Phật giáo

Có đến 200,000 sĩ quan và nhân viên cảnh sát tại Anh và xứ Wales sẽ sớm được tiếp cận với những bài học thiên định nhằm cải thiện hạnh phúc, sự hài lòng về cuộc sống, khả năng phục hồi và hiệu suất làm việc. Động thái này diễn ra sau một chương trình thử nghiệm với hơn 600 sĩ quan và nhân viên trong 5 lực lượng, bao gồm Avon&Somerset, Bedfordshire, Cambridgeshire, Hertfordshire và South Wales.

Thử nghiệm ngẫu nhiên có kiểm soát đã diễn ra trong 6 tháng, và những người tham gia thực hành chánh niệm đã trải nghiệm 'những cải thiện đầy ý nghĩa' theo tiêu chí đo lường.

Trong tháng này, bản báo cáo "Chánh niệm trong Cảnh sát" đã được Trưởng Cao đẳng Cảnh sát phát hành.

Các thử nghiệm tương tự đã được tiến hành tại Hoa Kỳ và Gia Nã Đại với những hiệu quả tích cực. Ngay từ năm 2003, cảnh sát ở Hoa Kỳ đã làm việc với nhà hoạt động hòa bình và là tác giả Phật giáo Thích Nhất Hạnh để giúp đỡ sĩ quan cảnh sát đối phó với căng thẳng và giận dữ, thất vọng không đúng chỗ.



Cảnh sát tại Vương quốc Anh tham gia thiên định
Photo: theguardian.com

TÍCH LAN: Ủy ban Nhân quyền Tích Lan kêu gọi Ủy ban Bầu cử bảo vệ quyền bầu cử của chư ni

Colombo, Tích Lan - Ủy ban Nhân quyền Tích Lan (HRCSL) đã viết thư cho Ủy ban Bầu cử, yêu cầu bảo đảm quyền bầu cử của khoảng

8,000 nữ tu sĩ Phật giáo, những người không thể bỏ phiếu trong cuộc bầu cử Tổng thống.

Trong một lá thư gửi Chủ tịch Ủy ban Bầu cử Mahinda Deshapriya, HRCSL thông báo rằng một tình huống đã phát sinh khi hàng ngàn ni cô không thể bỏ phiếu trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2019, do Bộ Đăng ký Người đã không cấp Thẻ Căn cước Quốc gia cho họ như những "Tỳ Kheo Ni".

(ColomboPage - November 11, 2019)



*Biểu trưng của Ủy ban Nhân quyền Tích Lan (HRCSL)
Photo: ColomboPage*

VƯƠNG QUỐC ANH: Các nhà sư Tây Tạng trình diễn tụng niệm và múa tại Quay Arts

Các nhà sư Tây Tạng từ Tu viện Tashi Lhupo (nam Ấn Độ) sẽ viếng Trung tâm Quay Arts tại Newport, đảo Wight, vào ngày 16-11-2019 - điểm dừng chân cuối cùng của chuyến lưu diễn tại Vương quốc Anh của họ.

Các sư sẽ trình diễn các bài tụng niệm và các điệu vũ mặt nạ nghi lễ cổ xưa, cũng như trình bày nghệ thuật Mạn đà la Cát - tạo ra các biểu tượng Phật giáo từ hàng ngàn hạt cát màu.

Trong khi âm thanh của họ bị cấm bởi Apple Music tại Trung Quốc, Tu viện Tashi Lhupo lại đón nhận cuộc sống ở thế kỷ 21, và các nhà sư đang phát trực tuyến một album mới về thiền định hướng dẫn, tạo nhạc chuông cho điện thoại thông minh từ tiếng kèn xướng đũa người, và nghiên cứu khoa học cùng với kinh sách.

(countypress.co.uk - November 10, 2019)

*Các nhà sư Tây Tạng từ Tu viện Tashi Lhupo (nam Ấn Độ) sẽ viếng Trung tâm Quay Arts
Photo: countypress.co.uk →*

MIẾN ĐIỆN: Mandalay tổ chức lễ cúng dường 30,000 nhà sư

Để tôn vinh Phật giáo, chính quyền vùng Mandalay sẽ tổ chức lễ cúng dường 30,000 tăng sĩ lần thứ 3 vào tháng tới, như một phần của Lễ Dạng Y.

Lễ cúng dường sẽ diễn ra vào ngày 8-12-2019 tại phi trường Chan Mya Tharsi trên đường Yangon-Mandalay.

Trong buổi lễ, mỗi nhà sư sẽ nhận K30,000 (US\$20) tiền mặt, và người dân có thể cúng dường những phẩm vật khác. Sẽ có 30 đoàn tăng sĩ, mỗi đoàn 1,000 vị, nhận vật phẩm cúng dường cùng một lúc.

Người dâng cúng được yêu cầu mặc quần áo trắng và có mặt tại vị trí trước khi buổi lễ bắt đầu 30 phút.

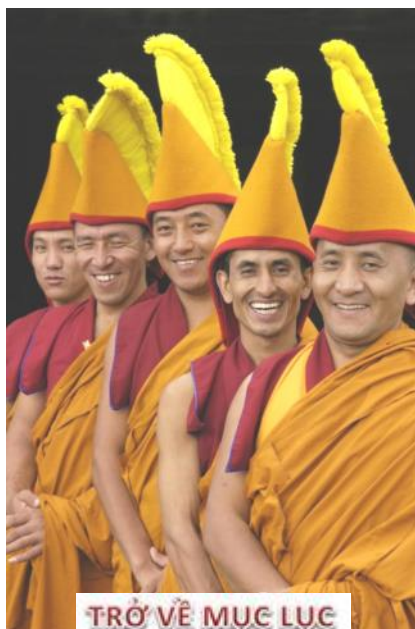
(Myanmar Times - November 8, 2019)

AFGHANISTAN: Anh quốc trả lại cổ vật cho Afghanistan sau 17 năm

Ngày 11-11, cảnh sát Anh cho biết một số tác phẩm điêu khắc Phật giáo, vốn được chuyển từ Afghanistan sang Anh cách đây gần 20 năm để tránh bị chế độ Taliban hủy diệt, sẽ được đưa trở lại bản quốc.

Các tác phẩm này có từ thế kỷ thứ 4 đến thứ 6 sau Công nguyên, khi Afghanistan là một quốc gia có đa số dân theo đạo Phật.

Số tác phẩm điêu khắc nói trên sẽ được trả lại cho Bảo tàng Kabul vào cuối tháng 12



TRỞ VỀ MỤC LỤC

sau khi được trưng bày tại Luân Đôn.

Kể từ năm 2009 2,345 cổ vật - hầu hết trong số đó đã bị buôn bán bất hợp pháp - đã được Bảo tàng Kabul giúp trả lại cho Afghanistan, Iraq và Uzbekistan.

(DW - November 11, 2019)



Viện Bảo tàng Kabul, Afghanistan - Photo: DW

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma tương tác với các sinh viên, các nhà lãnh đạo cộng đồng từ tiểu bang Washington, Hoa Kỳ

Dharamshala, Ấn Độ - Ngày 11-11-2019, Đức Đạt lai Lạt ma đã tổ chức một cuộc trò chuyện tương tác về 'Tu tập Từ bi trong thế hệ tiếp theo' với các đại biểu, gồm các sinh viên và các nhà lãnh đạo cộng đồng từ tiểu bang Washington, Hoa Kỳ. Có hơn 1,500 thành viên đã tham gia cuộc thảo luận này thông qua các hội nghị video từ 6 trường đại học và học viện khác nhau.

Cuộc trò chuyện đã chạm đến các vấn đề chính như: giảm thiểu biến đổi khí hậu, khắc phục bất bình đẳng và cải thiện diện mạo dân sự trong chính trị.

Phái đoàn đã kết thúc chuyến thăm 5-ngày của họ tại nơi cư trú của Đức Đạt lai Lạt ma ở Dharamshala cùng ngày.

(Phayul - November 11, 2019)



Đức Đạt lai Lạt ma tương tác với phái đoàn sinh viên và các nhà lãnh đạo cộng đồng đến từ tiểu bang Washington, Hoa Kỳ

thơ THẮNG HOAN

CHUÔNG TỈNH THỨC

Ta có từ vô thí
Ta là của muôn phương
Ra đi bao giờ nhĩ
Lạc mãi giữa đường trần.

Qua rồi bao thế hệ
Đổi thay mấy lớp hình
Từ côn trùng nhỏ bé
Chuyển sang kiếp nhân sinh.

Mang thân người nghệ sĩ
Đầy tim ủ men thơ
Nhạc thiêng về trong gió
Hoà cảm ta say mơ.

Bôn ba đời ảo mộng
Thân gầy mang thời gian
Đại khờ đua bắt bóng
Thất thế ngã ba đàng.

Cô thôn chuông chùa đổ
Tiếng chuông quyện hồn thơ
Ngân lên lời giác ngộ
Ta quay về quê xưa.

TA VỚI TA...

Vị Thiên không thanh sắc
Hương Thiên khi nở hoa
Thiên nhân vào tỉnh thức
Thì đây, Ta với Ta...

(trích từ Thăng Hoan Thi Tập)

THIÊN TRÀ

Ta ngồi đây bên giác
Sấn bên kỷ thiên trà
Với trầm hương giải thoát
Thưởng thức Ưu Đàm hoa.

Bờ kia trường biển mộng
Vạn vật không ngừng trôi
Trên dòng đời di động
Họ tưởng rằng an vui.

Phù sinh bao thế hệ
Biến thiên mấy nhịp cầu
Sầu biệt ly đắm lệ
Rơi thắm kiếp ngàn dâu.

Tuy họ về quá khứ
Nhưng ta vẫn ngồi đây
Ra ngoài vòng sanh tử
Còn chi có đổi thay.

Ta ngồi từ vô thí
Nơi bờ giác uống trà
Sáng soi trăng trí tuệ
Độc tấu bản thiên ca.



BỐN BÀI THI - KỆ QUA HAI THỜI ĐẠI

Điều ngự tử Tín Nghĩa

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Hằng năm cứ vào ngày mồng Hai tháng Mười âm lịch là ngày giỗ Tổ Giác Tiên, khai sơn Tổ Đình Trúc Lâm Đại Thánh. Tổ Giác Tiên là Một trong Chín vị mang chữ Giác (*Cửu Giác - chúng tôi đã trình bày trong bài "Tôi Có Duyên Với Sư Bà Đại Lão THÍCH NỮ ĐIỀU-LÝ", Chánh pháp số 94 tháng 09 - 2019, trang số 9 hoặc vào trang nhà Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại, mục Thư tịch của Hòa thượng Thích Tín Nghĩa, thì sẽ rõ hơn...*), tất cả là đệ tử của Tổ Tâm Tịnh, khai sơn Tây Thiên Di Đà Tổ Đình. Và Tổ Giác Tiên cũng có Năm vị đệ tử mang chữ Mật là:

*.- Thiên sư Mật Tín, trưởng tử của Tổ, mất sớm.

*.- Thiên sư Mật Khế, *Tổng thư ký và là phóng viên trẻ tuổi nhất của Hội An Nam Phật Học.*

*.- Thiên sư Mật Hiển, với lời khẳng định: *"Làm thầy tu thì đừng sợ chết, mà sợ chết thì đừng làm thầy tu."*

*.- Thiên sư Mật Nguyên, với lời khẳng khái: *"...Giáo hội Tăng già là đoàn người thực hiện và tượng trưng cho giáo chế của đấng Giáo chủ Phật giáo. Từ khi Phật giáo có mặt trên lãnh thổ Việt Nam đến nay, đã hơn 18 thế kỷ, trải qua các thời đại Đinh, Lê, Lý, Trần, ... khi thịnh cũng như khi suy, Giáo hội vẫn luôn luôn được công nhận là một tổ chức lãnh đạo của một tôn giáo thuần túy. Do đó, Giáo hội không bị ràng buộc bởi thể chế của một hiệp hội. Công nhận sự có mặt của Phật giáo là công nhận sự hiện hữu của Tăng già."*

Trách nhiệm truyền thống của đạo pháp không một tổ chức nào khác có thể chịu mọi trách nhiệm và Phật giáo trước quần chúng, trước lịch sử nếu không phải là Tăng già, ..."

*.- Thiên sư Mật Thể, tác giả của *"Việt Nam Phật Giáo Sử Lược"*.

Hai vị Tỷ kheo ni đó là Trưởng lão Thích nữ Diệu Huệ và Trưởng lão Thích nữ Diệu Không (hai vị này là chị em ruột, con gái của Đại thần Hồ Đắc Trung, người đã đứng ra viết thư bảo chứng và can gián với Pháp khi Vua Duy Tân bị bắt và bị đày xa xứ) và một vị tại gia Bồ tát giới, đó là Bắc sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám (linh hồn dịch thuật bộ *Lăng Nghiêm Trục Chi*).

Tổ Giác Tiên, trước khi chính thức đặt tên cho Tổ Đình Trúc Lâm, ngài ra núi Yên Tử, tham thiền và tìm hiểu tường tận của ba vị Tổ Trúc Lâm Yên Tử gần một năm. Sau đó trở lại chùa đặt tên là Trúc Lâm và được triều đình nhà Nguyễn sắc phong là Trúc Lâm Đại Thánh.

Tổ đã tự thân vào tận Bình Định để thỉnh Quốc sư Phước Huệ ra chủ giảng, tổ Giác Tiên làm Đốc giáo cho Phật học Đường Trúc Lâm, đó là Đại học Phật Giáo đầu tiên (1935), gồm các học tăng: Quảng Huệ, Trí Thủ, Thiên Trí, Chánh Thống, Mật Hiển, Mật Nguyên và Mật Thể được đào tạo tại Trúc Lâm Đại Thánh. Sau đó, dời về Phật Học Đường Báo Quốc và năm 1944, được dời về Tu viện Kim Sơn ở làng Liễu Bảo. Nơi đây đã phát xuất ra lớp Cử Trí mà Cổ đô Huế cũng như miền Trung xưng tụng lớp bác học Cử Trí là vậy. Chúng tôi không nhớ được hết, nhưng tạm ghi ra đây quý ngài mà chúng tôi biết rõ như: Thiên sư Trí Đức (*tức ôn Thiên Siêu, gốc Huế*), thiên sư Trí Quang (*gốc Quảng Bình*), Thiên sư Trí Nghiễm (*tức ôn Thiên Minh gốc Quảng Trị*), thiên sư Trí Thuyên (*gốc Quảng Ngãi*), Thiên sư Trí Hữu (*tức ôn Lương Sơn, gốc Đà Nẵng*), Thiên sư Trí Tịnh (*gốc Gài Gòn*), thiên sư Trí Thành (*gốc Phú Yên*), ...

Chư Tăng Ni trẻ và Phật tử hậu bối cũng nên biết thêm, Phật giáo có hai vị Thiên sư lỗi lạc đương thời:

*.- Thiên sư Phước Huệ, làm Tọa chủ chùa Thập Tháp Di Đà, Bình Định. Năm 1901, được triều đình nhà Nguyễn ban giới đao và độ điệp, làm Tăng Cang cho chùa Thập Tháp. Năm 1908, được các vua Thành Thái, Duy Tân và Khải Định mời thuyết giáo, giảng kinh; cũng là lúc trực tiếp giảng dạy cho lớp Đại học Phật Giáo tại Tổ Đình Trúc Lâm qua sự cung thỉnh của Tổ Giác Tiên. Ngoài ra, ngài còn trực tiếp giảng dạy các cấp Trung học tại Tường Vân và Tây Thiên; Vì vậy được tôn xưng là quốc sư.

*.- Thiên sư Phước Huệ (*Huế*), Tọa chủ chùa Hải Đức, Huế, cách Tổ đình Ân Tôn Từ Đàm khoảng 800 mét về hướng bắc và Tọa chủ chùa Hải Đức, Nha Trang. Sau này ngài cúng dường cho Tăng già để làm nơi đạo tạo tăng tài, đó là Phật học Viện Hải Đức Nha Trang bây giờ. Ngài có một người con Mỹ trắng của tiền

kiếp. Năm 1960, người con tiền kiếp này nằm mộng, thấy cha mình ở Việt Nam, ông xin chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đến Việt Nam để tìm cho biết tông tích. Bức ảnh ngài Phước Huệ và người con tiền kiếp hiện còn treo nơi hậu tổ chùa Hải Đức, Huế và Hải Đức, Nha Trang.

Tổ Giác Tiên là vị có công tạo dựng trường sở các cấp để đào tạo Tăng tài, song song Tổ còn cung thỉnh quý ngài Giác Nhiên, Giác Nguyên, Tịnh Hạnh, Tịnh Khiết cùng đứng ra xiển dương và quần chúng hóa bằng cách thành lập hội An Nam Phật Học. Nhưng sự thành tựu lớn lao này là nhờ vị đệ tử lớn là thiền sư Mật Khê cùng với đệ tử tại gia Bồ tát giới là Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám hết lòng vì Phật pháp. Khi ngài viên tịch, đệ tử gồm ôn Mật Hiến, ôn Mật Nguyên và sư bà Diệu Không cùng với bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám đứng ra lo xây cất bảo tháp để phụng thờ. Trong lúc tức cảnh nhớ người, Nữ sĩ Diệu Không nhớ sư phụ, đã thốt lên thành thơ:

"Đêm qua trăng sáng cả vườn Thông (),
Thử hỏi vì sao nay lại không?
Hay bởi đám mây làm chướng ngại?
Để người trường da luống ngời trông".*

(Diệu Không)

(*) Tổ có Pháp danh là Trùng Thành, tự Chí Thông hiệu Giác Tiên, là sư phụ của của những vị trên đây đang trông coi xây tháp. Chữ Thông trong bài thơ là Chí Thông vậy.

Sư bà nữ sĩ Diệu Không tức cảnh nhớ thầy nên đã thốt lên thành thơ như vậy. Ôn Mật Nguyên thì cười, rồi im lặng. Riêng ôn Mật Hiến là sư bà và bảo:

Tu là phải thoát tục, phải hiểu vạn pháp duy tâm tạo. Đang xây tháp không lo chú tâm mà còn hướng vào mê lộ, vọng cảnh. Khóc lóc, thương tiếc thì đâu có phải là đệ tử của Thầy Không đúng chánh pháp! ...

Ngay lúc đó, ôn Mật Hiến liền sửa lại rất trong sáng và giải thoát theo lý Kim Cang Bát nhã như sau:

*"Nhìn trăng trực nhận thể viên thông,
Vạn pháp không ngoài lý diệu không,
Ai dám bảo rằng không với có?
Có không, không có bởi người trông".
(Mật Hiến họa nguyên vận).*

Sau khi chúng tôi được Sư phụ dạy cho rõ thể nào là Tiệm tu và Đốn tu, thể nào là thoát tục.

Do đó, chúng tôi hoát nhiên liễu triệt và nhớ lại hai bài kệ của Thượng tọa Thần Tú và tổ Huệ Năng cùng là đệ tử thâm tín của đức Ngũ tổ Hoảng Nhân đã làm để trình lên sư phụ.

Bài của Thượng tọa Thần Tú:

*Âm:
Thần thị Bồ đề thọ,
Tâm như minh cảnh đài,
Thời thời thương phát thức,
Vật sử nhạ trần ai?*



THIÊN SƯ THÍCH MẬT HIẾN
(1907—1992)

Tọa chủ Tổ Đình Trúc Lâm, Huế
Giám Luật Hội Đồng Lương Viện GHPGVNTN

*Dịch:
Thân là cây bồ đề,
Tâm như đài gương sáng,
Hằng ngày siêng lau chùi,
Chớ cho dính bụi trần.
Bài của Tổ Huệ Năng:*

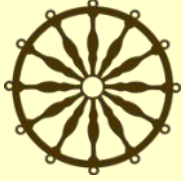
*Âm:
Bồ đề bốn vô thọ,
Minh cảnh diệc phi đài,
Bốn lai vô nhứt vật,
Hà xứ nhạ trần ai?*

*Dịch:
Bồ đề vốn chẳng phải cây,
Gương sáng chẳng phải đài,
Xưa nay vốn không một vật,
Chỗ nào bám được bụi trần?*

Hai bài kệ của hai ngài chúng tôi chỉ ghi lại, trước là để nhớ mà tu; đồng thời, thấy rõ pháp tu qua hai kệ, cũng như sự nhận thức của hai bài thơ cũng có phần tương đồng ý nghĩa. Tất cả đã được chư tôn đức và quý thức giả đã từng dịch giải và phổ biến qua sách vở cũng như đã đăng tải trên diễn đàn hay google rất nhiều.

Kính mong tất cả đều hoan hỷ.

Trọng đông Kỳ hợi, Nov. 01, 2019



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

Phật Lịch 2563

Số 40/HĐĐH/TT/CT

THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý Cư sĩ thành viên, các cơ sở tự viện thuộc GHPGVNTNHK, Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ

Trích yếu: **V/v Tổ chức Lễ Truy Tán Công Hạnh của Đức Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Quang**

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK vừa nhận được ai tín: Đại Lão Hòa Thượng Đạo hiệu THÍCH TRÍ QUANG, húy thượng NHẬT hạ QUANG, pháp tự TRÍ HẢI, nguyên Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống; nguyên Cố Vấn Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo GHPGVN Thống Nhất; đã thâu thân thị tịch vào lúc 09 giờ 45 tối thứ Sáu, ngày 08 tháng 11 năm 2019 (nhằm 12 tháng 10 năm Kỷ Hợi) tại Chùa Từ Đàm, Huế, Việt Nam, trụ thế 97 năm, 72 hạ lạp.

Đại lão Hòa thượng là bậc Hùng Sư trí tuệ của Phật giáo Việt Nam, đã từng lãnh đạo cuộc đấu tranh, sẵn sàng hy sinh thân mệnh để bảo vệ Đạo Pháp; chấp bút soạn thảo Hiến Chương GHPGVNTN và là một trong những bậc lãnh đạo tài đức sáng lập nên Giáo Hội này. Với trí tuệ uyên thâm và văn tài lỗi lạc, Ngài cũng đã dành trọn đời cho việc trước tác, phiên dịch, để lại nhiều dịch phẩm và tác phẩm giá trị cho kho tàng kinh điển và văn học Phật giáo Việt Nam.

Tri ân và kính tiếc bậc Thầy kỳ vĩ của nhiều thế hệ Tăng Ni Việt Nam, toàn thể thành viên GHPGVNTNHK, nhất tâm đánh lễ Giác Linh Đức Cố Đại Lão Hòa Thượng, và xin thành kính phân ưu cùng chư tôn đức môn đồ pháp quyến.

Mặc dù với Di Huấn của Đại lão Hòa thượng dặn dò chỉ lo một hậu sự đơn giản, Giáo Hội xin tâm lĩnh tôn ý, nhưng Giáo Hội cũng xin được trân trọng tổ chức một buổi lễ Truy Tán Công Hạnh của Đức Cố Đại Lão Hòa Thượng để hàng Tăng Ni và Phật tử hậu bối tại Hoa Kỳ có cơ hội cùng tựu về tri ân, đánh lễ.

Lễ Truy Tán Công Hạnh Đức Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Quang sẽ được Giáo Hội long trọng tổ chức **vào lúc 02 giờ chiều, ngày thứ Bảy, ngày 16 tháng 11 năm 2019** (nhằm ngày 20 tháng 10 năm Kỷ Hợi), **tại Chùa Bát Nhã, Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK** (4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703).

Giáo Hội thành tâm cung thỉnh toàn thể thành viên hai Hội Đồng cùng quang lâm dự lễ truy tán; đồng thời Giáo Hội cũng kính mong chư tôn đức Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni hành đạo tại Hoa Kỳ, xin tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công đức lớn lao mà Đức Cố Đại Lão Hòa Thượng đã một đời cống hiến cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nay thông tư,

California, ngày 08 tháng 11 năm 2019,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Nơi nhận:

- Chư tôn túc trưởng lão Hòa Thượng Chứng Minh để “kính thăm tường,”
- Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK để “kính tường,”
- Chư tôn đức Tăng, Ni và quý Cư sĩ thành viên các Hội Đồng, các Tổng Vụ để “tri hành,”
- Hồ sơ lưu.

TIỂU TRUYỆN TỰ GHI

Thích Trí Quang

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Truyện của tôi không đáng gì mà phải ghi. Chỉ vì truyện ấy, hơn vài thập kỷ trước thập kỷ 2530 (1975-1985), có liên quan đến Phật giáo VN, lại bị hư cấu truyện và phim sai quá nên phải ghi. Nhưng ghi như dưới đây thì chỉ là có còn hơn không mà thôi.

Sinh chính quán của tôi là làng Diêm Điền, thuộc khu vực phía tây sông Nhật Lệ, nằm phía Bắc con đường cái quan nối liền công Quảng Bình, trung tâm thành phố Đồng Hới, đến tận của Vũ Thắng, ven chân dãy núi Hoành Sơn. Cả làng gốc Bắc, có lẽ di cư thời kỳ tiếp thu đất sình lầy công chúa Huyền Trân, giọng nói đặc biệt, không như cả vùng Quảng Bình gốc Nghệ Tĩnh. Gia đình theo Phật tử đời Cổ. Cha pháp danh Hồng Nhật, mẹ pháp danh Hồng Trí, cùng là đệ tử của ngài Đắc Ấn, Quốc Ấn Tự, Huế, nguyên người Đức Phổ, đồng hương mẹ tôi. Cha tôi từng là nhân viên mặt của một trong hai quân thứ Phan Đình Phùng ở Quảng Bình.

Tôi sinh giờ Thìn, ngày 14-11 Quý Hợi 2467 (21-12-1923). Xuất gia vào giờ giao thừa vía Đức Di Lặc năm Bính Tý 2480 (1936). Bốn sư là ngài Hồng Tuyên, đồng sư với cha mẹ tôi, sáng lập và trụ trì Phổ Minh Tự, nơi được kể như tổ đình của Phật giáo Quảng Bình mà ngày nay hầu như không có gì.

Xuất gia một năm, năm sau Đinh Sửu 2481 (1937) tôi nhập học Phật Học Viện của Tổng Trị Sự Hội Phật Học, Huế. Thân giáo sư là ngài Trí Độ, trưởng giả Tâm Minh Lê Đình Thám cũng như một vị giáo sư nữa. Ngài Trí Độ thọ giáo với ngài Phước Huệ, Thập Tháp Tự, Bình Định, thọ Bồ tát giới với ngài Đắc Quang, Quốc Ấn Tự, Huế - hai ngôi chùa này cùng do ngài Nguyễn Thiều, vị Tổ khai sơn Phật giáo Nam Hà thời Trịnh Nguyễn phân tranh, sáng lập.

Nhập học Phật Học Viện từ năm 2481 (1937) đến năm 2487 (1943) thì có một kỳ thi khác thường. Phật Học Viện có học trình 10 năm : ba năm sơ đẳng, ba năm trung đẳng, hai năm cao đẳng, hai năm siêu đẳng. Mỗi năm có một kỳ thi, đề tài lấy trong kinh sách đã học năm đó. Kỳ thi 2487 (1943) là tốt nghiệp trung đẳng, đột nhiên có quyết định thi hết kinh sách đã học từ năm ấy trở lui. Có vài môn thi vốn không học như thi viết luận Hoa văn, thi nói Nghi lễ mà các điều tán là chính. Viện cho biết

thi tuyển sẽ khó khăn, và trúng tuyển kỳ thi này là trúng tuyển tốt nghiệp. Học trình hai năm cao đẳng và hai năm siêu đẳng sẽ dồn lại làm một và không thi nữa. Kỳ thi này tôi có số điểm cao nhất. Và hai năm sau, Ất Dậu 2489 (1945) tại Đại Tông Lâm Kim Sơn, cách một con sông sau chùa Thiên Mộ, cơ sở mới của Phật Học Viện, lễ tốt nghiệp được tổ chức, chỉ vài ngày trước ngày Nhật đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương.

Sau kỳ thi 2487 (1948), Phật Học Viện tổ chức lễ phát nguyện cho Sa Di giới do ngày Đắc Quang chứng minh, ngài Trí Độ cho mỗi người một pháp hiệu với chữ Trí đứng đầu. Cái tên Trí Quang có từ đó. Mùa hè năm ấy, ngài Hồng Tuyên chính thức cho tôi pháp danh Nhật Quang, pháp tự Trí Hải, lại tập chúng cử tôi làm Trú trì của Phổ Minh. Mùa hè 2489 (1945), sau khi làm lễ tốt nghiệp, tôi về Phổ Minh thì đến Vu Lan xảy ra Cách Mạng Tháng Tám. Giao thừa vía Đức Di Lặc năm sau, Bính Tuất 2490 (1946), ngài Hồng Tuyên tổ chức truyền thọ Tỷ Kheo giới và đặc pháp cho tôi với hiệu Thiên Minh. Mùa xuân năm ấy, lần đầu tiên, tôi thảo đề án thống nhất Phật Giáo VN, kèm theo một hiến chương cũng được dự thảo, gửi đến Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đường bưu điện. Nhưng mùa hè năm ấy, ngài Trí Độ được Phật giáo Bắc mời ra lập Phật Học Viện. Tôi cũng được mời đi



với ngài. Khi ra Quán Sứ, việc đầu tiên là thầy Tổ Liên cho tôi biết Chủ tịch Hồ Chí Minh có mời thầy và trao đề án nói trên. Nhưng lúc bấy giờ đang tiến hành thành lập Phật Học Viện nên chưa ai có thì giờ và cơ hội làm gì về đề án đó.

Phật Học Viện của Phật giáo Bắc thành lập cũng khá qui mô, đặc biệt tuyển sinh chu đáo, trên một tháng mà đã khai giảng được hai lớp chính. Tăng Ni tu học thật đáng trọng. Nhưng không mấy chốc mà đến tháng 9 kháng chiến toàn quốc. Tôi về quê nhà Quảng Bình, có tin chắc chắn Pháp sẽ đổ bộ nên mong 8 tháng 2 năm sau, Đinh Hợi 2491 (1947), tôi xin ngài Hồng Tuyên truyền thọ Bồ tát giới. Bấy giờ đang tàn cư, người chạy giặc, đồ dẫu giặc, nên một thầy một trò trước bàn Phật chỉ còn tượng Ngài với bát nhang mà thôi, ngài Hồng Tuyên truyền thọ Bồ tát giới cho tôi, với lời kết thúc buổi lễ như vậy : Nguyên rằng đời đời kiếp kiếp tôi với thầy được làm thầy làm bạn với nhau, truyền thọ cho nhau Bồ tát giới của Phật.

Thọ Bồ tát giới rồi, không đầy một tháng sau Pháp đổ bộ Đông Hới, tôi tham gia kháng chiến. Nhưng tháng 10 năm ấy, mẹ tôi bệnh nặng, bốn anh em tôi đều đi kháng chiến, người thứ ba tử trận một tuần sau ngày Pháp đổ bộ, hai người thứ nhất và thứ tư ở xa, tôi ở gần nhà nhất nên phải về nuôi mẹ. Hôm tôi về đúng vào ngày 23 tháng 10, mất tang cha tôi mất từ năm Ất Dậu. Năm sau, Mậu Tý 2492 (1948), tôi vào Huế, giảng dạy cho Phật Học Viện Báo Quốc. Năm sau nữa, Kỷ Sửu 2493 (1949), lần đầu tiên có quyết định Tăng sĩ đảm nhận Tổng trị sự Hội Phật Học, thầy Đôn Hậu hội trưởng, tôi phó. Cuối năm ấy, lần đầu tiên tôi vào Sài Gòn, ăn Tết Canh Dần 2494 (1950) tại đây. Dịp này cũng làm được vài việc: chung sức vận động hợp nhất ba Phật Học Đường Liên Hải, Mai Sơn và Ứng Quang (sau đổi Ấn Quang), thành lập Phật Học Viện Nam Việt, lại chung sức vận động thành lập Hội Phật Học Nam Việt. Rồi về Huế, làm chủ bút tạp chí Viên Âm tái bản. Cuối năm ấy bắt đầu vận động thống nhất Phật Giáo VN, có một phần do kích thích tổ Phật Giáo Đôn Thế Giới Hữu Nghị thành lập tại Tích Lan, Phật Đản Tân Mão 2495 (1951), Đại Hội Phật Giáo Toàn Quốc, gồm cả hai tập đoàn Tăng sĩ và cư sĩ của ba miền, họp tại Từ Đàm, Huế, và Tổng Hội này gặp đủ thứ ma chướng: trong nhà có ba tập đoàn thiếu hoan hỷ, ở ngoài thì chính quyền Trần Văn Hữu làm khó, chính quyền Nguyễn Văn Tâm sau đó càng làm khó hơn; bằng hiệu văn phòng bị hạ, ngài Hội chủ Thích Tịnh Khiết bị buộc nạp khuôn dấu, nhân viên Quản Trị Trung Ương người phải lánh, người bị tù. Tôi mạo hiểm năm việc. Sau một năm xuôi ngược, đầu năm Quý T? 2497 (1953), Tổng Hội được thừa nhận và đúng 10 năm sau, chính Tổng Hội này là chủ chốt trong Pháp nạn Quý Mão 2507 (1963). Trong khi vận động cho Tổng Hội Phật Giáo VN được thừa nhận, có sự đề phòng không thành



nên Giáo Hội Tăng Già Toàn Quốc được thành lập bởi ba tập đoàn Tăng sĩ của ba miền, họp tại Quán Sứ, Hà Nội, năm Nhâm Thìn 2496 (1952).

Giáp Ngọ 2498 (1954), kháng chiến chống Pháp kết thúc. Miền Nam ông Ngô Đình Diệm đứng ra. Việc này được biết rõ khi hội nghị Genève sắp kết thúc. Lần chót, trước khi Nam Bắc phân cách, mẹ con tôi đã nói chuyện với nhau khá nhiều. Rốt cuộc mẹ tôi bảo, vậy là miền Nam "quạ lang" vẫn hoành hành! Thôi thì con đi mà lo báo bổ cho Phật. Tôi đi, và Ất Mùi 2499 (1955), nhận chức vụ Hội Trưởng Tổng Trị Sự Hội Phật Học, vận động đổi tên Phật Học ra Phật Giáo, đưa Tổng Hội Phật Giáo VN vào đặt trụ sở ở Sài Gòn. Rồi nghỉ việc cho đến Quý Mão 2507 (1963) nhận lại chức vụ nói trên. Với chức vụ này, Phật Đản năm ấy tôi phát động, và chung sức lãnh đạo, việc chống chế độ Ngô Đình Diệm.

Ông Ngô Đình Diệm muốn Thiên Chúa Giáo của ông độc tôn, muốn anh của ông là Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục làm Hồng Y giáo chủ, nên ông kỳ thị đàn áp Phật Giáo. Áp chiến lược chỗ thì rào chùa vào trong để hạn chế đi lại, chỗ thì rào chùa ra ngoài để tự do bắn phá. Khu trừ mật thì bắt cán bộ cơ sở của Phật Giáo phá nhà bỏ của mà đi. Quân địch thì bắt Tăng sĩ Phật Giáo làm những chức vụ nguy hiểm mà vô quyền, để tu sĩ Thiên Chúa ra mà nắm quyền chỉ huy ngay từ hạ tầng. Giải thưởng văn chương thì thưởng cho cuốn văn chương bình dân nội dung cốt chống Phật Giáo. Chương trình tú tài C thì đổi toàn lý thuyết thượng đế và nhân vị, lại thêm một bằng ban D với cổ ngữ La Tinh. Sát hại Phật tử thì có tập thể lên đến 36 người ở một nơi cùng một lúc, không còn lẻ tẻ nữa. Cả gan huy bỏ ngày Phật Đản trong danh sách ngày lễ được nghỉ của công tư chức, và danh sách này bao giờ Thiên Chúa Giáo cũng gặp đôi Phật Giáo cả ngày và giờ nghỉ. Dự số 10 được thêm dự bổ túc, tăng cường sự hạ giá và kèm chế đối với Phật Giáo. Rồi sửa điện Thái Hòa của hoàng thành Huế thì có lưỡng long mà không có nhật nguyệt để phòng cấm thành giá. Mọi việc xuôi xả thì tòa Hồng Y giáo chủ sẽ đặt ở đó. Cái làm cho không xuôi là cờ Phật Giáo. Vatican điều tra thấy Huế, địa phận của Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục sao mà Phật Giáo nhiều quá : Phật

Đàn thì cờ Phật Giáo đầy hai bên đường từ Huế ra La Vang, kiêu đức Mẹ thì từ La Vang vào Huế không có cờ của Vatican. Ông Ngô Đình Diệm bèn bắt công chức Huế kê tên cả nhà để đưa cho anh mình báo cáo là giáo dân, và Phật Đản 2507 (1963) thì triệt hạ cờ Phật Giáo để Vatican thấy dân Huế theo anh mình hết rồi. Phật Giáo thì suốt thời Pháp thuộc cho đến lúc đó chống chất bao nhiêu chịu đựng. Nay thì không chịu nữa. Ngay sau khi tuyên bố như vậy, tôi gửi đến Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc một điệp văn nêu lên tình hình vi phạm nhân quyền và kỳ thị tín ngưỡng của chế độ Ngô Đình Diệm. Từ đó cho đến ngày ông bị lật đổ, mọi hoạt động trong và ngoài nước ai cũng biết không nhiều thì ít, không thể kể cho hết được. Có điều phải nói, trước và sau 1963, cho đến 1975, Phật Giáo VN không bao giờ nằm trong tay ai cả, mặc dầu suốt thời gian này việc gì nổi lên mà không có sự khai thác theo ý riêng. Như bản thân tôi đây, vì ngài Quảng Đức tự thiêu nên ông Ngô Đình Diệm phải mời phái đoàn Phật Giáo mở hội nghị với phái đoàn chính phủ, tôi phải vào Sài Gòn để cùng quyết định tại chỗ những gì phái đoàn hợp, theo tư thế của tôi và theo sự ủy nhiệm, phải chung quyết thay ngài Hội Chủ. Chuyển đi có ngài, có thầy Thiện Minh và tôi, đi xe từ sân chùa Từ Đàm thẳng xuống sân bay Phú Bài. Ai cũng nghĩ tôi đi tiễn, khi máy bay sắp cất cánh mới biết tôi đi thì phản ứng không kịp, và việc này chỉ do sự sắp đặt khéo léo một chút của một Phật tử. Nhưng phi cơ thay vì vào Sài Gòn lại lên Kontum, đậu ở đó đến ba tiếng. Nhân viên phi hành đoàn bí mật cho tôi hay vì tôi, và đang chờ Sài Gòn quyết định. Sài Gòn đã quyết định để bay về đây, coi như không có việc gì. Đại họa như thế, chưa bao giờ tôi thoát hiểm bởi ai mà tôi không quen biết. Ngay như tài liệu tôi gửi Liên Hiệp Quốc, nhiều đến một valy phải vài người khiêng, nhưng từ Xá Lợi đi ra và qua cầu Liên Hiệp Quốc là do chính ông Bửu Hội, người của ông Ngô Đình Nhu, khi gặp tôi thì tình nguyện giúp bất cứ việc gì giúp được.

Nhưng ông Ngô Đình Diệm đổ rồi, đúng như tôi dự đoán, vấn đề Phật Giáo không phải kết thúc mà là bắt đầu. Từ đây sắp đi, Phật Giáo ở trong tình trạng cây muốn lặng mà gió không ngừng; mặt khác, cường độ chiến tranh khiến Phật Giáo phải chống chiến tranh. Chỉ nói vắn tắt hai câu như vậy cũng thừa để thấy vấn đề Phật Giáo ngang trái đến mức nào. Những cái gọi là Thượng Hội Đồng Quốc Gia, Quốc Hội Lập Hiến hay thành phần đối lập, cùng những sự lên xuống của bao chính phủ, toàn không có gì đáng nói. Công bình mà nói thì cũng có sự toan họa hổ mà lại loại cầu. Cho đến Bình Ngô 2510 (1966), vấn đề đã lên cao độ. Sau một cuộc họp của Phật Giáo, tôi nói với người Mỹ rằng Phật Giáo phải chính thức vận động hòa bình, người Mỹ nói với tôi rằng hòa bình là chiến tranh tàn rụi dần đi. Quan điểm tương phản đến mức đó nên phải có vụ 1966; có vụ

ám sát thầy Thiện Minh (mà không chết); có vụ âm mưu lừa tôi ra đi mà từ 1965 đã được bản lén; có vụ cầm tù tôi ở đường đường Duy Tân; có vụ Viện Hóa Đạo của Việt Nam Quốc Tự; có vụ hủy bỏ hiến chương Phật Giáo; có vụ ra giá nếu tôi chịu cho thu thanh một lời lên án việc tấn công nhân Tết Mậu Thân thì trả hiến chương, bỏ Tâm Châu, biếu tặng quyền lợi thật hấp dẫn; có vụ bắt tôi sau đó; có vụ ly gián Phật Giáo lẫn nữa theo kế hoạch Thiệu Trung; có vụ một viên tướng tướng mình đàn áp được Phật Giáo năm 1966 nhưng sau nhờ một viên tướng đàn anh đến vận động tôi ủng hộ cho ứng cử Tổng Thống, vì, cho đến nay, vẫn cho rằng mình làm Tổng Thống thì miền Nam không bại trận mà còn chiến thắng. Tuy có lắm vụ mà có vụ chỉ là trò bằng phẳng như vậy, nhưng từ tháng 9-1966, tôi đã biết đích xác Hoa-Mỹ sẽ quan hệ bình thường, cuộc chiến Việt Nam sẽ thương thuyết kết thúc, mọi cường độ quân sự chỉ là áp lực tranh thắng.

Ấy thế, mọi việc diễn ra có lúc đến chóng mặt. Cho đến mùa xuân 2519 (1975) thì một ngày mà có người ba lần đến vận động tôi đứng chống việc ông Dương Văn Minh đứng ra, "vì chính quyền của ông ấy sẽ có bảy phần mười là người tiến bộ." Tôi không nói lại gì cả, chỉ quan tâm lời thầy Trí Thủ nói, rằng chim cá còn mua mà phóng sinh, lẽ nào đồng bào mà không hy sinh cấp cứu. Rồi ông Dương Văn Minh gặp tôi, đưa ra hai mảnh giấy báo cáo mật cho thấy ngân hàng trống rỗng và quân sự nguy ngập, và nói ông không vụ lợi vì lợi không còn gì, không cầu danh vì danh đến quốc trường là cùng, ông chỉ không nỡ ngồi nhìn chết chóc. Tôi nói, nếu lòng ông như thế là ông làm như lời thầy Trí Thủ nói, và có nghĩa ông thay người khác mà vác cờ trắng! Sau đó mấy tháng, tôi trả lời một thầy Phật Giáo cấp Tỉnh, rằng nay Phật Giáo VN bước qua một giai đoạn khác.

Tổng chi, tôi có tham vọng không? Có, mà có đến nỗi có người đã nói hơi chướng nữa. Tham vọng của tôi không mơ mộng Phật Giáo trở lại vị thế quốc giáo như thời xa xưa, càng không mong muốn Phật Giáo thành một Thiên Chúa Giáo thứ hai. Tôi chỉ mong ước, trong cơn nghiêng ngửa của đất nước, ai nhìn vào Phật Giáo cũng nghĩ rằng đất nước này còn có cái ấy.

Nhưng tôi không chế ngự nổi hoàn cảnh đó, sự mong ước như vậy thể hiện cho thật vừa ý. Truyền của tôi là truyền buồn cho tôi, ở chính cái điểm này. Truyền của tôi đúng là

**Cao cao sơn thượng hành thuyền,
thâm tâm hải để tẩu mã:
ngựa phi dưới nước,
thuyền chèo trên non.**

(Trích từ Bài Tiểu Truyện Tự Ghi của Hòa thượng Thích Trí Quang, nguyên là Phụ lục 3 trong bản thảo của cuốn Bồ Tát Giới của Hòa thượng in sau năm 1975 tại Việt Nam)

Điều trần

Thành kính tưởng niệm Trưởng Lão Hoà Thượng Tân Viên Tịch thượng TRÍ hạ QUANG

Than ôi!
Trời Cổ Đô sao mờ trắng khuyết,
Đất Thành Kinh mây phủ mưa giăng
Chùa Từ Đàm cây lặng gió yên
Dòng Hương Giang sóng lan hình quỳện
Thế là: Cúi hết lửa tắt, nhứt vãng nguyệt lai
Tử biệt sanh ly, Ta Bà cõi tạm, Tịnh Độ quê chơn.
Sống gởi thác về, Tịch nhi phi tịch.

Nhớ giác linh xưa:
Tại làng Diêm Điền bên bờ Tây dòng Nhật Lệ: tùy duyên xuất thế,
Ở nước Việt Nam nơi miền Bắc tỉnh Quảng Bình: hiện hạnh sanh thân
Thơ âu thông minh đỉnh ngộ, tánh nét ngoan hiên,
Lớn lên mẫn tuệ khiêm từ, tâm tư thuần hậu
Gia đình mộ Phật, nương Tôn sư Thích Đắc Ân học đạo
Thân phụ thương dân, dựa chí sĩ Phan Đình Phùng phò nghiệp.



Gia cảnh trong ám ngoài êm. Sớm hôm được cha thương mẹ quý, anh em đùm bọc chở che, láng giềng bầu bạn thân gần, bà con nội ngoại khen ngợi. Bỗng dưng, vào một ngày lành, đem giao thừa năm Bình Tý nọ, lễ vía Đức Di Lặc, tức duyên hồi khởi, nguyện lực quay về, hoa giác ngộ bừng nở, trí Bát Nhã chiếu soi, quyết lìa bỏ thế tục, tịnh hưởng thiên môn Quốc Ân, nương Bốn Sư Hồng Tuyên thế phát, xuất gia học đạo, sớm kệ chiều kinh, cơm rau đạm bạc qua ngày, áo vải nâu sồng trái tháng, tận đạo nghiêm thân, thúc liễm oai nghi, trau dồi đức hạnh, nên được thầy thương bạn mến, bốn đạo nê vì.

Khi vào Phật Học Viện, nhận Tôn Sư Trí Độ làm thân giáo Sư, Trưởng giả Tâm Minh làm thiện tri thức. Kể từ đó, đêm ngày miệt mài cần mẫn, chăm chỉ nghiên tâm bối điệp, sôi kinh nấu sữ, trải qua sơ đẳng rồi đến trung đẳng, đèn sách ứng thi, điem đạt đứng đầu, dự vào cao đẳng siêu đẳng.

Thế rồi lần lượt Sa Di đàn giới Đại Tông Lâm Phật Học Viện Kim Sơn nạp thọ, được Đức Tôn Sư Đắc Quang chứng minh, Thân Giáo Sư Trí Độ truyền đăng cho pháp hiệu Trí Quang. Cũng vào năm ấy, Bốn Sư Hồng Tuyên ban cho pháp danh Nhật Quang, pháp tự Trí Hải; vâng lời Bốn Sư đảm nhiệm trú trì Phó Minh tự, dắt dìu Phật tử tu học.

Tết Nguyên Đán năm Bình Tuất vía Đức Di Lặc được Tôn Sư Hồng Tuyên truyền Cụ Túc giới ban hiệu Thiên Minh. Từ đó, giới thể châu viên, đèn tâm tỏ rạng, hạnh đức sáng ngời, đạo phong rực rỡ. Sau khi tốt nghiệp Cao Đẳng Siêu Đẳng tại Phật Học Đường, thì cũng là lúc chiến tranh loạn lạc, bom đạn bủa vây, vận nước chao nghiêng, nhân sanh điên đảo, thân phụ qua đời, anh em ly tán, kẻ mất người còn, đau lòng xót dạ, Ngài một lòng thọ tang Cha để đền ân, sớm hôm hầu cận Mẹ nhằm đáp nghĩa. Để giúp cho ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam đứng

vững, Ngài đã ra công soạn thảo Hiến chương. Nhằm tiếp dẫn hậu lai, báo ân Phật Tổ, Ngài đã cùng với các bậc kỳ túc chăm lo thành lập và tham gia giảng dạy tại các Phật Học Đường Bắc Trung Nam.

Gặp khi pháp nạn sáu ba, gia đình nhà Ngô độc tài kỳ thị mưu cầu tham vọng, ra tay đàn áp Phật Giáo, Tăng ni bị bắt bớ, chùa viện bị phong toả, Ngài đã vị pháp quên mình, chung lưng đấu cật cùng với các bậc thạch trụ cao tăng, quyết bảo tồn ngọn cờ Chánh Pháp, xưng danh là bậc long tượng đầy đủ chí khí của bậc đại hùng, đại lực, đại trí, đại bi.

Khi đất nước thanh bình, Ngài lui về sống hạnh độc cư, tinh chuyên tu tập, đêm ngày lặng lẽ chuyên ngữ kinh văn, sớm tối âm thầm biên dịch luật luận. Ngài đã để lại cho nền văn hoá Phật Giáo Việt Nam kho tàng pháp bảo đồ sộ làm kim chỉ nam con đường tu tập nghiên cứu, học thuật cho Tăng Ni tín đồ và cho những ai muốn tìm hiểu đạo Phật.

Những tướng:

TRÍ tuệ nhiệm mầu mãi xua tan màn hôn ám, dìu chúng sanh thoát khỏi bến mê
QUANG huy huyền diệu hằng rạng chiếu cõi vô minh, dắt hữu tình quay về bờ giác.

Nào ngờ:

Gió vô thường thổi đến, sóng sanh tử gợn xô. Đèn lưu li chợt tắt, hương mật lị thơm lừng. Giờ Tuất năm Hợi nơi thiên thất, bóng lạnh phòng không, chón Từ Đàm Già Lam cây lặng gió yên. Trời Cổ Đô thành nội mưa tuôn mây phủ. Bốn biên môn đồ học chúng ngậm ngùi xót thương lãnh thọ di ngôn chu toàn hiệu sự, năm châu Giáo Hội Tăng Ni bàng hoàng tưởng niệm khắp bãi tiền biệt.

Thế là: Từ nay, môn đồ pháp quyến mất đi người Thầy khả kính, Thiên gia mất đi một thạch trụ, Phật Giáo Việt Nam khắp năm châu mất đi một bậc long tượng kỳ túc thâm uyên. Nhưng hoa đàm tuy rụng vẫn còn hương. Hoà Thượng đi vào cõi vô tung bất diệt. Gương hạnh sáng ngời và đạo phong trác việt của Ngài mãi còn rạng soi cho hàng Tăng-tục trong khắp năm châu bốn biển.

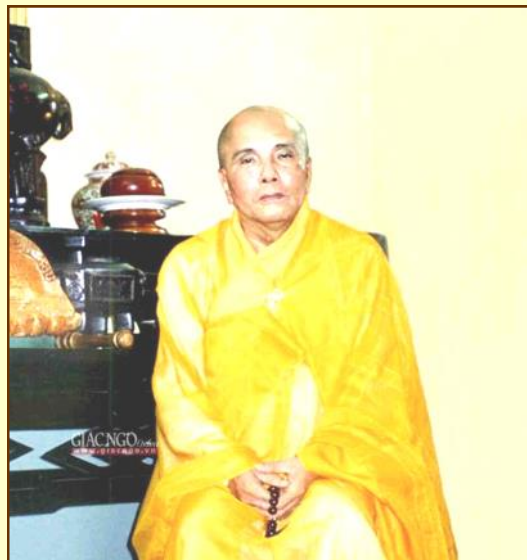
Kính nguyện Giác Linh Ngài thượng phẩm cao đẳng, nơi Tịnh Độ tùy duyên dạo bước vân du, chón Ta Bà thùy nguyện tiêu dao hoá độ.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nam Mô Từ Lâm Tế Chánh Tông Tứ Thập Nhất Thế, Nguyên Thiệu Pháp Phái, Phổ Minh Môn Hạ, Huý Thượng NHẬT Hạ QUANG, Tự TRÍ QUANG, Hiệu THIỀN MINH, Trưởng Lão Hoà Thượng Giác Linh thùy từ chứng giám.

11-11-2019

Hậu Học Thích Chúc Hiền (kháp lễ cẩn bút)



CHÍN MƯƠI SÁU PHÚT VỚI THƯỢNG TỌA THÍCH TRÍ QUANG [05.05.1966]

Ngô Thế Vinh

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Tiểu sử Nhà văn Ngô Thế Vinh, trích lại từ trang Văn Học Nghệ Thuật của thi sĩ Phạm Cao Hoàng:



Ngô Thế Vinh, cũng là bút hiệu, chánh quán Hà Nội, sinh năm 1941 tại Thanh Hoá. Tốt nghiệp Đại học Y khoa Sài Gòn 1968. Trong ban biên tập, nguyên tổng thư ký rồi chủ bút báo sinh viên Tình Thương trường Y khoa Sài Gòn từ 1964 tới 1967 [khi báo bị đình bản]. Nguyên y sĩ Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù. Tu nghiệp ngành Y khoa Phục hồi tại Letterman General Hospital San Francisco. Sau 1975, tù ba năm qua các trại tù cải tạo. Tới Mỹ cuối 1983, bác sĩ nội trú rồi thường trú các bệnh viện Đại học SUNY Dowstate Brooklyn, New York. Tốt nghiệp ngành Nội khoa, bác sĩ điều trị và giảng huấn tại một bệnh viện miền nam California.

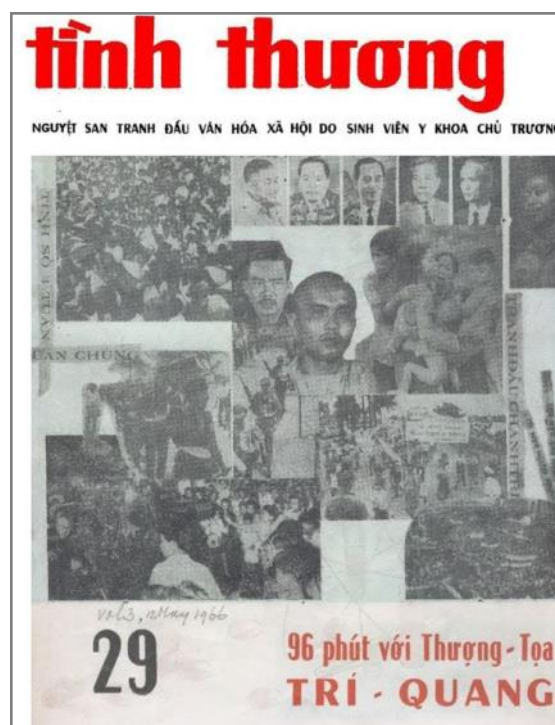
Tác phẩm đã xuất bản:

Tiếng Việt

Mây Bão (Nxb Sông Mã Sài Gòn 1963, Nxb Văn Nghệ California 1993), Bóng Đêm (Nxb Khai Trí Sài Gòn 1964), Gió Mùa (Nxb Sông Mã Sài Gòn 1965), Vòng Đai Xanh (Nxb Thái Độ Sài Gòn 1971, Nxb Văn Nghệ California 1987), Mặt Trận ở Sài Gòn (Nxb Văn Nghệ California 1996), Cừu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng (Nxb Văn Nghệ California 2000, Nxb Văn Nghệ California tái bản 2001, Việt Ecology Press & Giấy Vụn VN tái bản 2014), Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch (Nxb Văn Nghệ Mới California 2007, Nxb Văn Nghệ Mới tái bản 2007, Nxb Giấy Vụn VN tái bản 2012), Audiobook Mekong Dòng Sông Nghẽn Mạch (Nxb Văn Nghệ Mới 2007, Việt Ecology Press & Nxb Nhân Ảnh 2017).

Tiếng Anh

The Green Belt (Ivy House 2004), The Battle of Saigon (Xlibris 2005), Mekong The Occluding River (iUniverse, Inc. 2010), The Nine Dragons Drained Dry, The East Sea in Turmoil (Việt Ecology Press & Nxb Giấy Vụn 2016).



LỜI DẪN NHẬP: Đã 44 năm sau cuộc Chiến tranh Việt Nam, vẫn còn những câu hỏi chưa có lời giải đáp. Chỉ riêng tên tuổi Thích Trí Quang đã gây ra rất nhiều tranh cãi (1).⁽¹⁾ Có nhiều nhãn hiệu gán cho ông: với một số người Việt chống cộng thì cả quyết Thích Trí Quang là cộng sản đội lốt tu hành hoạt động với sự chỉ đạo của Hà Nội; nhưng ngay với giới chức cộng sản cũng đã từng coi Trí Quang là một loại CIA chiến lược; còn theo tài liệu giải mật của CIA thì đánh giá Trí Quang không phải cộng sản, mà là một nhà tu hành đấu tranh cho hòa bình và muốn sớm chấm dứt chiến tranh. Thêm nguồn tài liệu còn lưu trữ về những cuộc đàm luận giữa Trí Quang và các giới chức Hoa Kỳ, cho rằng Trí Quang chống cộng mạnh mẽ và hiểu được sự việc xử dụng quân đội Hoa Kỳ để chống lại Cộng sản Bắc Việt và Trung cộng.

Và trong phần trả lời phỏng vấn của báo Sinh viên Tình Thương 1966, cách đây 53 năm, khi "đe dọa tới sự nguy hiểm của Cộng sản, TT Trí Quang đã so sánh họ với những chiếc lá vàng có đóng đinh, phải cần tới một cơn gió lốc cách mạng thổi đúng hướng, không phải làm bay những niềm tin mà là bóc sạch đám lá vàng có đóng đinh là Cộng sản."

Vậy thì đâu là sự thật? Đâu là con người thật của Thích Trí Quang? Như câu hỏi trong phim Rashomon, một kiệt tác điện ảnh của Nhật Bản. Người viết sẽ không đưa ra một kết luận nào về chân dung TT Thích Trí Quang, nhưng muốn trở lại bối cảnh chính trị xã hội của thập niên 1960s, khi mà tên tuổi Trí Quang hầu như gắn liền với những biến động thời bấy giờ.

Từ sau 1975, TT. Trí Quang sống lặng lẽ những năm tháng cuối đời trong ngôi chùa Già Lam ở Gò Vấp Sài Gòn, rồi sau đó trở về chùa Từ Đàm Huế. Và mới đây, khi tin Thích Trí Quang vừa viên tịch ngày 8.11.2019 ở tuổi 96 (ông sinh năm 1923) cũng tại chùa Từ Đàm Huế – nơi chúng tôi thực hiện cuộc phỏng vấn ngày 5 tháng 5, 1966 cách đây cũng đã hơn nửa thế kỷ. Trên báo chí truyền thông và dư luận trong và ngoài nước lại dấy lên những ý kiến rất khác nhau về ông, nhưng các thông tin về ông thì lại rất ít.

Nhìn lại thập niên 1960s, trong khi tin tức về các phong trào Phật giáo tranh đấu ngoài miền Trung rất nhiều loạn, thì tại Sài Gòn, ngoài một cuộc phỏng vấn hiếm hoi dành cho tuần báo TIME ngày 22.04.1966 với hai ký giả McCulloch và James Wilde (2); TT Trí Quang sau đó trở ra Huế và rất ít khi dành cho báo giới Tây phương những cuộc tiếp xúc nào khác. Riêng với TINH THƯƠNG tuy chỉ là tờ báo của Sinh viên Y khoa nhưng lại rất quan tâm theo dõi thời cuộc, nên hai phóng viên Phạm Đình Vy (5) và Ngô Thế Vinh được sự chỉ định của Tòa soạn, đã bay ra Huế, được gặp và thực hiện cuộc phỏng vấn **Chín mươi sáu phút với Thượng Tọa Thích Trí Quang buổi chiều ngày 5-5-1966**

tại Chùa Từ Đàm Huế. Và bài phỏng vấn này đã được đăng ngay trên báo Tình Thương số 29, 1966, và đã được phóng viên của US News & World Report xin dịch sang tiếng Anh nhưng rồi không rõ lý do, bài báo đã không được phổ biến sau đó.

Và nay qua bộ báo Tình Thương mà Thư quán Bản Thảo của nhà văn Trần Hoài Thư (4) mới tìm lại được từ Thư viện Đại Học Cornell, trong đó có số báo TT 29, với 4 trang 2-3-4-5 đăng trọn vẹn cuộc phỏng vấn đã thực hiện từ hơn nửa thế kỷ trước. Chúng tôi cho phổ biến bài báo này – với không bình luận, không ngoài mục đích chỉ muốn cung cấp tới các bạn trẻ và các sử gia tương lai có thêm một sử liệu hiếm quý về TT Trí Quang tưởng như đã thất lạc. **Ngô Thế Vinh**

CHÍN MƯƠI SÁU PHÚT VỚI THƯỢNG TỌA THÍCH TRÍ QUANG [05.05.1966]

NGÔ THẾ VINH & PHẠM ĐÌNH VY

ĐÔNG CƠ THỨC ĐÃY

Với những rối loạn chính trị trong tuần lễ vừa qua, có một hiện tượng TRÍ QUANG trên khắp các báo chương ngoại quốc. Tuần báo Time coi ông như xuất hiện một Machiavel mới, trong khi báo L'Express gán cho ông là mấu người đang làm rung động cả Mỹ quốc, đó là chưa kể tới những bài báo nói về ông đăng trên US News and World Report và Newsweek... Hiện tượng trên cũng được các báo Việt ngữ toa rạp theo, thích thú đem ra phiên dịch và đăng tải; nhiều người coi đó như một khám phá mới lạ về một nhà tu hành tài ba, nhiều quyền lực nhưng cũng rất bị ẩn và khó hiểu.

Đã từ lâu chúng tôi vẫn có thành kiến với các nhà báo ngoại quốc khi họ nhận định về các vấn đề Việt Nam và chúng tôi thành thật tin tưởng rằng không một người ngoại quốc nào am hiểu vấn đề Việt Nam bằng chính những người Việt. Cái thái độ dễ dàng tin cậy vào mấy ông nhà báo ngoại quốc trong công việc tìm hiểu đất nước mình nếu không bắt nguồn từ một thái độ ý lại của báo chí Việt thì cũng đang coi là một hiện tượng quái gở.

Trở lại trường hợp Thích Trí Quang, từ nhận định bảo ông là cộng sản đến ý nghĩ một tay quốc gia cực đoan, hình như chỉ cần một chút ngộ nhận. Nghĩ rằng tôn giáo sẽ còn đóng một vai trò quan trọng trong tương lai chính trị miền Nam, việc tìm hiểu mấu một nhà tu-hành-dẫn-thân đang có nhiều ảnh hưởng là điều cần thiết, đó là lý do cuộc gặp gỡ Chín mươi sáu phút với Thượng Tọa Thích Trí Quang buổi chiều ngày 5-5-1966 tại Chùa Từ Đàm Huế.

NHỮNG SAI LÂM CỦA TIME

Hình như có một sự khác biệt rất xa giữa thực trạng miền Trung và các tin tức thổi



phồng trên báo chí. Sau hơn bốn tuần lễ tranh đấu, Huế đã có một khuôn mặt sinh hoạt bình thường ngoại trừ những biểu ngữ khẩu hiệu còn treo dán rải rác, các chữ Bãi Khoá Bãi Thị kẻ sơn còn lưu vết trên nền tường; các cô nữ sinh Quyết tử đã lại tóc thè áo dài trắng tới trường đi học, súng ống cũng được trả lại cho quân đội, đài phát thanh cho đọc thông cáo kêu gọi tất cả sinh viên học đại học để bàn về bình thường hoá sinh hoạt Đại học.

Nơi bến Toà Khâm, ngay trước khu Đại học, các tàu Há Mồm của Mỹ đang đổ lên bến chõng chất những thực phẩm và đạn dược, đám trẻ con xúm quanh đùa rồn với những anh lính Thủy quân Lục chiến Mỹ. Trước trụ sở Thông tin ngoài các khẩu hiệu đòi bầu cử Quốc hội, chống chánh phủ Trung ương, còn có khẩu hiệu lên án Việt cộng phảo kích vào Thành nội sát hại dân chúng...

Dấu vết những ngày máu lửa chỉ có vậy.

Trên dốc tới Nam Giao, chùa Từ Đàm vẫn yên tĩnh nằm đó. Ngoài một số đệ tử đi lễ chùa, trong sân không có chút náo nhiệt của những phút tranh đấu. Nơi nhà Trai, trong bộ đồ rộng trắng, Thượng toạ Trí Quang đang ngồi bình thần đánh cờ với một cụ già, ngồi cạnh đó là một nhà sư trẻ Thích Mãn Giác.

Khi chúng tôi tới ván cờ đã mãn với phần thắng về phía Thượng Toạ, dĩ nhiên. Tuy chưa giáp mặt ông lần nào, chúng tôi đã biết mặt Thượng toạ qua hình ảnh báo chí, và đặc điểm đầu tiên để nhận ra ông là đôi mắt vô cùng sắc sảo. Không với một cử chỉ xa cách nghiêm trọng, không với cả tia nhìn mãnh liệt như thói miên, Thượng toạ vui vẻ tiếp chúng tôi qua những nụ cười dễ gây thiện cảm và những cử chỉ tự nhiên thoải mái.

Vào đề ngay, chúng tôi nhắc tới những lời tuyên bố của Thượng toạ trên các báo chí ngoại quốc, đặc biệt là bài của tuần báo TIME (2). Thượng Toạ cho biết:

- Họ có tới gặp tôi hỏi ý kiến, tôi cũng có trả lời họ một số những câu hỏi, nhưng khi bài đăng có cả những ý kiến mà tôi không hề nói, tính tôi không bao giờ muốn dính chính, bởi vậy trong các bài báo đó có những điều sai lạc.

Chẳng hạn tuần báo TIME gán cho tôi óc

bài ngoại gay gắt và nhất là muốn quay lại thời Hoàng kim của đời nhà Lý là một điều hoàn toàn bịa đặt.

Không bao giờ tôi chủ trương như vậy; hơn nữa công thức đời nhà Lý với những thầy chùa hăng hái nắm quyền chính hoàn toàn không còn thích hợp với thời đại bây giờ, mơ ước điều đó là vô lý. Cũng như khi hỏi tôi về Quốc hội, tôi chỉ nhấn mạnh với họ ở mấy điểm: số người đi bầu, sự xâm nhập của Việt cộng và cách bầu gián tiếp người lãnh đạo hành pháp qua một Quốc hội trung gian.

Còn về tiểu sử Thượng toạ, ông cho rằng đó chỉ là tài liệu không xác thực của Công an.

Xem ra bài báo TIME đã mô tả nhiều điều không đúng ý Thượng toạ nhưng chúng tôi không muốn đi sâu vào thêm.

CHIẾN TRANH HAY HOÀ BÌNH

Từ những nhận định cho ông có óc bài Mỹ, nhiều người e sợ rằng Quốc hội đầu tiên được thiết lập với ảnh hưởng của Phật giáo sẽ biểu quyết yêu cầu Mỹ rút lui khỏi Việt Nam để đi tới thương thuyết và chấm dứt chiến tranh. Thượng toạ cho rằng:

- Bây giờ còn quá sớm để nói tới nên thương thuyết hoặc tiếp tục chiến tranh. Chỉ biết rằng chính quyền hiện tại chẳng đại diện cho một ai và hậu quả là tình trạng vô cùng bi thảm về chính trị cũng như quân sự. Nói chiến tranh thì chẳng ra chiến tranh, nói thương thuyết thì lại càng nhục nhã, chỉ có Mỹ với Hà Nội mà không ai đếm xỉa tới chính phủ Sài Gòn. Bởi vậy, chúng ta bắt buộc phải có một Quốc hội, một chính quyền dân cử, tạo một khuôn mặt quốc gia cho đúng nghĩa một Quốc Gia, việc chiến tranh hay hoà là do nơi Quốc hội. Nếu tiếp tục chiến tranh thì lúc đó mới đúng nghĩa là một cuộc chiến tranh và nếu thương thuyết thì đó đúng là một cuộc thương thuyết nghĩa là chúng ta đã có một ưu thế.

Phải ngồi trên chiếc xe lúc đó mới nói tới chuyện lái tới hoặc lui. Đó là phải cho có một Quốc hội. Và tôi cũng không đại gì dính chính là không muốn thương thuyết để mang lấy tiếng hiếu chiến.

Khi nhắc đến giải pháp Trung Lập mà có người nghĩ rằng đó là chủ trương tương lai của Phật giáo, Thượng toạ Trí Quang nói:

- Nếu có thương thuyết để tiến tới giải pháp trung lập thì nền trung lập đó phải như thế nào. Người lãnh nhất cũng không thể chấp nhận một hoàn cảnh như Lào. Pathet Lào trước đó là một phe nổi loạn, hiệp ước đình chiến 62 ở Lào là một công khai chấp nhận cuộc chiến tranh đó, Pathet Lào đương nhiên được hợp thức hoá và lại tiếp tục chiến đấu và thực sự không có một nền trung lập ở Lào.

Như Việt Nam với tình trạng hiện giờ, một ký kết như thế là đương nhiên chấp nhận Việt Cộng và chỉ trong sáu tháng là miền Nam rơi vào tay họ. Bởi vậy tôi vẫn nghĩ phải có chiếc xe cái đã, một Quốc hội được đa số dân chúng



đi bầu, đến lúc đó hãy tính xa hơn. Mọi dự đoán trước theo tôi là quá sớm.

MỘT QUỐC HỘI KHÓ KHĂN

Khi đề cập tới những khó khăn của một Quốc hội sắp tới: Cộng sản, Chính quyền hiện tại và người Mỹ; Thượng toạ cho rằng:

- Hơn ai hết, người dân quê Việt Nam đã có kinh nghiệm Cộng sản là thế nào rồi và họ biết rõ ai là Cộng sản ai không. Bởi vậy không đáng lo ngại sự xâm nhập của Việt cộng vào Quốc hội.

Còn về phía chính quyền, Phật giáo đã giữ đúng lời hứa và để cho chính quyền có cơ hội thực hiện lời cam kết của mình với dân chúng về vấn đề Quốc hội. Nếu là một chính quyền thiện chí họ hãy tỏ thiện chí đó trong việc đi tới một Quốc hội. Nếu chính quyền phản bội thì dân chúng sẽ có ngay phản ứng. Việc duy trì chính phủ hiện thời cho tới ngày bầu Quốc hội cũng là một cách để những tướng lãnh phản bội âm mưu phá hoại không có cơ hội lẫn tránh hèn nhát những trách nhiệm mà họ gây ra trước lịch sử.

Còn người Mỹ thực tâm muốn miền Nam có một Quốc hội hay họ muốn ngăn cản, điều đó chưa thể đo lường được, nhưng điều quan trọng là chúng ta phải tin ở mình và không nên có những hành động làm cho người Mỹ khiếp sợ.

CÁC TƯỚNG LÃNH SAU QUỐC HỘI

Khi đề cập đến vai trò các tướng lãnh hiện thời và sau ngày có Quốc hội, Thượng toạ Trí Quang nhận định:

- Nào là tình trạng chiến tranh, nguy cơ của Cộng sản, các tướng lãnh kêu gọi dân chúng, tôn giáo, đảng phái phải đoàn kết thì chính họ lại chia rẽ hơn ai hết. Họ tranh giành quyền hành, thanh toán nhau vì quyền lợi và loại dẫn những tướng lãnh có công khác. Nhưng trước sự chống đối của dân chúng, trước hiểm họa đe dọa họ liên kết chặt chẽ hơn ai hết để bảo thủ quyền lợi và lũng đoạn dân chủ. Bởi vậy mỗi bản khoản chính của nhiều người là làm sao trả họ về vị trí thuần túy quân sự, gây

lại sức mạnh uy tín và kỷ luật quân đội cùng phục hồi danh dự cho những tướng lãnh có công khác.

Hiện thời người ta phải chứng kiến một trung ương các tướng lãnh chỉ âm mưu thanh toán nhau để tự đi đến chỗ đào thải. Tại các địa phương dân chúng vẫn dành nhiều cảm tình cho các tướng lãnh trong sạch có công với cách mạng tháng 11. Như trung tướng Đinh được dân chúng miền Trung chấp nhận cũng ở trong trường hợp đó.

VỚI NGƯỜI MỸ

Cuộc tranh đấu cho Quốc hội vừa qua có pha mùi Bài Mỹ khiến cho nhiều e ngại và tự đặt ra nhiều giả thuyết về sự lợi dụng của Cộng sản. Với vai trò của người Mỹ ở Việt Nam, Thượng toạ Trí Quang cho rằng:

- Sau cuộc cách mạng 63, người Mỹ được hưởng ở Việt Nam vô số lợi lộc: gia tăng gấp bội quân số, chiếm được những căn cứ tốt như Đà Nẵng, Cam Ranh; được thêm cả nước Thái Lan. Không chắc người Mỹ thực tâm muốn chống cộng tại Việt Nam, họ muốn duy trì Cộng sản, duy trì cuộc chiến tranh này để thủ lợi. Vì nếu thực tâm người Mỹ muốn, họ có thể làm khá hơn nhiều cục diện bây giờ bằng cách trợ giúp Việt Nam vừa chống cộng vừa xây dựng những căn bản dân chủ hơn là nâng đỡ những chính phủ tay sai. Điển hình là vụ Đà Nẵng vừa qua.

MỘT TRƯỜNG HỢP ĐÀ NẴNG

Theo Thượng toạ thì nhờ phước ông bà mới không xảy ra vụ đổ máu tại Đà Nẵng. Ngoài trách nhiệm lỗi lầm của ông Kỳ trước lịch sử còn những trách nhiệm lớn lao của Mỹ. Việc người Mỹ sử dụng những chiếc C130 để chở những tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến và xe tăng ra đàn áp phong trào dân chúng đấu tranh tại miền Trung là một lỗi lầm không thể tha thứ, Thượng toạ nói:

- Chỉ cần một chút nữa là xảy ra đổ máu lớn với trách nhiệm nặng nề về phía người Mỹ. Lịch sử Mỹ Thế kỷ Hai Mươi sẽ có ba vết nhớ: ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản, đàn áp nền cộng hoà San Domingo và vết nhớ thứ ba là vụ Đà Nẵng.

MỘT CHÍNH PHỦ PHẬT GIÁO

Khi nhắc tới nhận định của Tuần báo Newsweek cho rằng sở dĩ Thượng toạ Trí Quang đòi bầu cử gấp rút một Quốc hội vì ông tin rằng tổ chức Phật giáo sẽ thắng thế trong cuộc bầu cử đó và chính phủ tương lai sẽ là một chính phủ Phật giáo với bàn tay chi phối trực tiếp của Chùa chiền, Thích Trí Quang đã phủ nhận mạnh mẽ ý kiến đó và bày tỏ rằng:

- Quan niệm đó không những không có lợi gì mà còn làm mất Danh Dự của Phật giáo. Tôi hoàn toàn không mong muốn như vậy. Kinh nghiệm cho thấy với những chính phủ tạm thời dù được hậu thuẫn của tôn giáo này hay tôn

giáo khác chỉ cần những cuộc biểu tình vài trăm người cũng đủ sụp đổ. Như một chính phủ thành lập do hậu thuẫn của Phật giáo sẽ gặp ngay những khó khăn với các tôn giáo bạn, không làm được việc gì mà chính Phật giáo lại mang tiếng. Bởi vậy Phật giáo không bao giờ muốn tái diễn những lỗi lầm của thời ông Diệm.

Tranh đấu cho Quốc hội, Phật giáo chỉ muốn xây dựng một cái gì thực sự cho quốc gia dân tộc trong đó không phải chỉ có những Phật tử mà là cả những thành phần Tôn giáo bạn và các tầng lớp dân chúng.

Quốc hội, Chính phủ sẽ không đại diện cho một ưu thế riêng nào mà là đại diện xứng đáng của dân chúng.

CHIẾN TRANH TÔN GIÁO

Rối loạn tháng Tám năm 1964 với những vụ thảm sát trong thành phố vẫn là ám ảnh đen tối trong đầu óc nhiều người. Sự cọ sát giữa hai tôn giáo trong những ngày gần đây làm thức dậy nỗi ám ảnh đó. Viễn tượng một cuộc chiến tranh tôn giáo đã được một số báo chí e ngại nhắc tới. Theo ý Thượng toạ sự thật sự đe dọa đó như thế nào. Thích Trí Quang cho rằng:

- Sự e ngại đó quá đáng và không thể nào có. Những đáng tiếc hồi tháng Tám là do âm mưu của Nguyễn Khánh, hoàn toàn ngoài ý muốn của các vị lãnh tụ Tôn giáo. Khi phải tiếp xúc với những vị lãnh đạo tôn giáo bạn, tôi có nói rằng chẳng thà thực sự có một cuộc chiến tranh tôn giáo vì quyền lợi hai phía; nhưng mâu thuẫn quyền lợi đó hoàn toàn không có. Bởi vậy không vì lý do gì để xảy ra những điều đáng tiếc mà nguyên nhân chỉ tại một anh tướng Kaki đứng ở giữa.

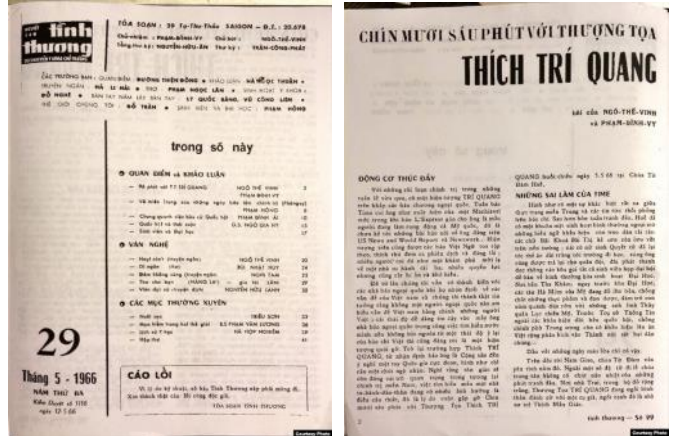
TÍN ĐỒ HAY CÔNG DÂN

Việc tiến tới Quốc hội Lập hiến một cách nhanh chóng là công của Phật giáo, nhiều người nghĩ như vậy. Đó là điều mà Thượng toạ Trí Quang không muốn. Ông nói:

- Một phong trào đấu tranh có màu tôn giáo sẽ gặp nhiều khó khăn, tự nó gây ra những mặc cảm thẳng bại nơi các tôn giáo bạn. Bởi vậy tôi vẫn muốn các phong trào tranh đấu dân chủ phát xuất tự quần chúng không mang màu sắc tôn giáo, nếu có lợi cho tổ quốc, Phật giáo sẽ đứng sau hậu thuẫn. Trong cuộc xáo trộn vừa qua, khi gặp các Đại diện Hội đồng Đô Thành, tôi có nói: quý vị là đại diện cho các tầng lớp dân chúng, nếu chính quý vị đứng ra tranh đấu cho Quốc hội, Phật giáo sẽ đứng sau ủng hộ quý vị. Và trong thâm tâm tôi mong muốn như vậy.

Sau khi tỏ ý không tin tưởng vào thực lực các đảng phái quốc gia, Thượng toạ cho rằng vai trò tranh đấu cho tự do dân chủ chính là bổn phận của thanh niên sinh viên chứ không phải của Phật giáo hay một tôn giáo nào. Thượng toạ nói:

- Tôi hiểu rằng khi các anh em sinh viên tham dự cuộc tranh đấu chống ông Diệm năm 1963, anh em nhìn các vị Thượng toạ hồi đó khác bây giờ. Tôi muốn được giữ nguyên cái nhìn lúc trước, bởi vậy **tôi muốn Phật giáo cũng như các tôn giáo bạn được trở về vị trí của mình.** Phật giáo bất đắc dĩ phải đứng ra lãnh đạo các cuộc đấu tranh là một điều tôi thấy rất chướng



Hình 1: Nguyệt san Sinh Viên Y Khoa Tỉnh Thương số 29, 1966: trang 1, Mục Lục. [tư liệu Ngô Thế Vinh]

Hình 2: Nguyệt san Sinh Viên Y Khoa Tỉnh Thương số 29: 1 trang trong số 4 trang, 2-3-4-5 đang trọn vẹn cuộc phỏng vấn 96 phút với Thượng Tọa Thích Trí Quang ngày 05.05.1966 tại Chùa Từ Đàm Huế. [tư liệu Ngô Thế Vinh]

NIỀM TIN TẮT THẰNG

Trái hẳn với triết lý nhà Phật hiểu theo nghĩa thông thường là xuất thế và yếm thế, Thượng toạ Thích Trí Quang mang khuôn mặt của một nhà tu hành mới: một Nhà-Sư-Dẫn-Thân, dẫn thân vào tất cả những biến động xã hội, dùng tất cả những uy tín và quyền năng sẵn có để leo lái tới một cảnh đời thích hợp với sự phát triển của đạo giáo.

Với con mắt nhận xét tinh tế về thời cơ đúng lúc, với niềm kiêu hãnh cao độ về nhân cách Á Đông của mình cộng thêm với tinh thần quốc gia cực đoan cố hữu, triết lý hành động kỳ lạ của Thích Trí Quang ở nơi niềm tin sắt đá về sự tất thắng trong mọi mưu lược tranh đấu. Tên ông đồng nghĩa với những âm mưu nhưng chính ông muốn đời thủ phải kính trọng cái nhân cách Á Đông của mình nên mọi hành động của ông đều được báo trước. Thượng toạ nói:

- Nhiều người gán cho tôi mối liên hệ mật thiết với ông Lodge, sự thật không có. Với ông Lodge hay Taylor (3) cũng vậy, mỗi lần tranh đấu tôi đều gặp, nói cho họ biết lập trường của Phật giáo thế nào, còn người Mỹ muốn sao tùy họ. Tôi hành động đều có báo trước ít nhất là 24 tiếng. Như vụ tranh đấu gần đây tôi chỉ gặp ông Lodge có một lần, nói rõ lập trường của Phật giáo về Quốc hội. Ông ta nói Thượng toạ

nên nghĩ lại. Tôi chỉ cười và trả lời đã nghĩ rồi. Có vậy thôi. Còn dư luận cho rằng ông Kỳ đã gặp tôi trước vụ hạ Trung tướng Thi là hoàn toàn bịa đặt. Tôi chưa hề gặp ông Nguyễn Cao Kỳ một lần nào.

LÁ VÀNG VÀ GIÓ LỐC

Có lá vàng thì phải có gió lốc. Đó là câu so sánh của Thượng toạ Trí Quang với hiện tình người Mỹ và Cộng sản:

- Lá vàng đó là Cộng sản, và gió lốc chính là người Mỹ. Muốn chống Cộng thì phải cần tới người Mỹ, thế thôi. Đối với tôi, những ảnh hưởng ngoại lai chỉ nên dùng như những phương tiện chứ bảo chấp nhận thì không.

Đề cập tới sự nguy hiểm của Cộng sản, ông nói họ không phải chỉ là những chiếc lá vàng làm nhóp nhách mà là những chiếc lá vàng có đóng đinh.

Vì khía cạnh chống Mỹ trong các phong trào tranh đấu vừa qua của Phật giáo, có báo ngoại quốc cho rằng Thượng toạ Trí Quang muốn đuổi Mỹ. Thượng toạ nói:

- Người Mỹ rất ngờ nghệch, họ không phân biệt được giữa Bài Mỹ và Chống Mỹ. Bài Mỹ là một thái độ thù ghét đương nhiên, dù người Mỹ có làm hay đến đâu cũng vẫn bị ghét bỏ, có khi lại còn thù ghét hơn. Trong khi Chống Mỹ là một thái độ phản kháng xây dựng. Bởi quan niệm hai người cùng ngồi trên một chiếc xe, thấy người kia lái bậy thì người nọ phải giành lấy mà lái nếu không muốn rút xuống hố. Các phong trào vừa qua không mang tính chất bài Mỹ mà là chống Mỹ; chống Mỹ đã ngăn cản việc đi tới Quốc hội, chống Mỹ đã hậu thuẫn những chính phủ tay sai thời nạt, chống Mỹ đã giúp phương tiện đàn áp Đà Nẵng.

Thì ra thái độ của Thượng toạ là muốn cảnh giác người Mỹ. Con gió lốc phải được thổi đúng hướng, không phải làm bay những niềm tin mà là bốc sạch đám lá vàng có đóng đinh là Cộng sản.

NGÔ THỆ VINH
PHẠM ĐÌNH VY

Chùa Từ Đàm, Huế 05.05.1966

[Trích Nguyệt san Tình Thương, số 29, 1966]

Ghi chú:

1/ Only Religions Count in Vietnam: Thich Tri Quang and the Vietnam War. James McAllister; Department of Political Science, Williams College, Williamstown, MA 01267

2/ A Talk with Thich Trí Quang. McCulloch, James Wilde. Time Magazine, April 22, 1966 | Vol. 87 No.

3/ Henry Cabot Lodge, Đại sứ Hoa kỳ tại Việt Nam 1963-1964. Maxwell D. Taylor, Đại sứ Hoa kỳ tại Việt Nam 1964-1965

4/ Hành Trình Tình Thương. Trần Hoài Thư, Thư Quán Bản Thảo, số 74, Tháng 4, 2017

5/ Phạm Đình Vy, nguyên chủ nhiệm Tình Thương 1964-1967, bác sĩ Thủy Quân Lục chiến VNCH, sau tù cải tạo 3 năm vượt biển, sang định cư và hành nghề y khoa tại Pháp.



TRÍ QUANG ĐẠI SỸ ĐI XA

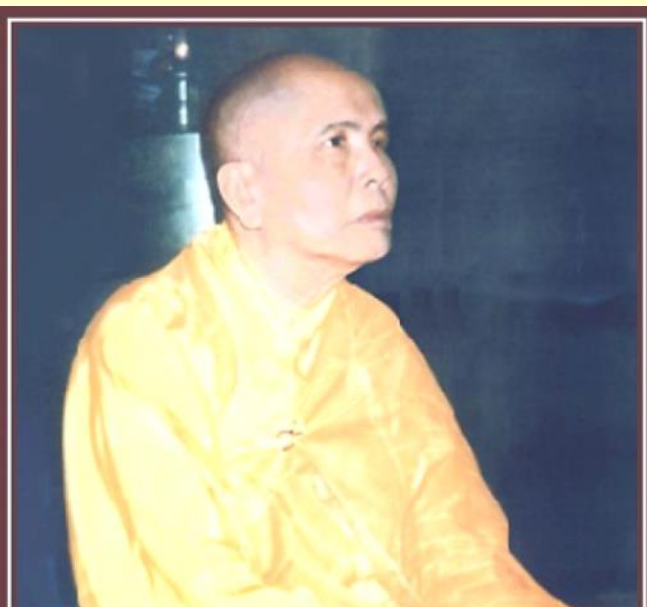
Gặp Thầy bữa nọ Già Lam
Rời thôi bài biệt Từ Đàm hôm nay
Vèo trăm năm thoáng mộng này
Giật mình tỉnh lại mới hay rằng là

Trí Quang đại sỹ đi xa
Qua chơi cõi khác giang hà chẩy trôi
Trôi tan cả đạo lẫn đời
Chỉ còn tịch lặng chẳng nơi chốn nào

Dặm trình linh diệu tiêu dao
Bóng vô hình tướng bay vào Chơn Không
Chơn Không mà Diệu Hữu đồng
Chưa từng sinh diệt giữa thông tánh huyền

thơ TÂM NHIÊN

CÂU ĐỐI CÚNG DƯƠNG ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG



慧若矢冲口闊山高日照南天名曰智
志含小界一言地厚儿稱北斗號爲光

Tuệ bén như tên, khẩu vút cao sơn, nhật chiếu
trời Nam nên gọi TRÍ

Chí hàm tiểu giới, lời như địa hậu, người xưng
Bắc đẩu xứng danh QUANG

ĐỨC TRƯỞNG LÃO
HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG
(1923-2019)

慧若矢冲口闊山高日照南天
名曰智

志含小界一言地厚儿稱北斗
號爲光

Âm:

Tuệ nhược thi xung, khẩu khoát sơn cao, nhật
chiếu Nam thiên danh viết **Trí**.
Chí hàm tiểu giới, nhất ngôn địa hậu, nhân
xưng Bắc đẩu hiệu vi **Quang**.

Nghĩa:

*Tuệ bén như tên, khẩu vút cao sơn, nhật chiếu
trời Nam nên gọi **Trí**.
Chí hàm tiểu giới, lời như địa hậu, người xưng
Bắc đẩu xứng danh **Quang**.*

*(Trí tuệ bén nhạy như mũi tên bắn lên trời,
khẩu khí vút đỉnh non cao, như mặt trời chiếu
sáng cõi trời Nam nên gọi là Trí.
Chí nguyện bao hàm cả tiểu thiên thể giới, một
lời nói ra vững vàng như mặt đất sâu dày, mọi
người tôn xưng là Bắc đẩu nên gọi là Quang).*

CỦA TẶNG CHÚNG
VĨNH MINH TỰ VIỆN

Thích Nguyên Hiền chấp bút

Chú thích:

Câu đối này là cách chiết tự hai chữ Hán 智光 (Trí Quang). Chữ Trí (智) gồm 3 bộ, bộ thi (矢) có nghĩa là mũi tên, bộ khẩu (口) có nghĩa là lời nói, bộ nhật (日) có nghĩa là mặt trời.

Câu sau, chữ Quang (光) cũng gồm 3 bộ, bộ tiểu (小) nghĩa là nhỏ, bộ nhất (一) nghĩa là một, bộ nhân ở bên dưới (儿) nghĩa là người.

HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG

và *Một Chặng Đường* *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam*

HUỲNH KIM QUANG

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Lời Dẫn

Phật Giáo Việt Nam có sự gắn bó như nước và sữa với dân tộc và đất nước Việt Nam suốt quá trình lịch sử tồn tại và phát triển trên hai ngàn năm qua. Đó là sự thật lịch sử không thể phủ nhận. Trong quá trình tồn tại và phát triển đó, Phật Giáo Việt Nam đã trải qua nhiều cơn thăng trầm, vinh nhục. Nhưng chưa bao giờ

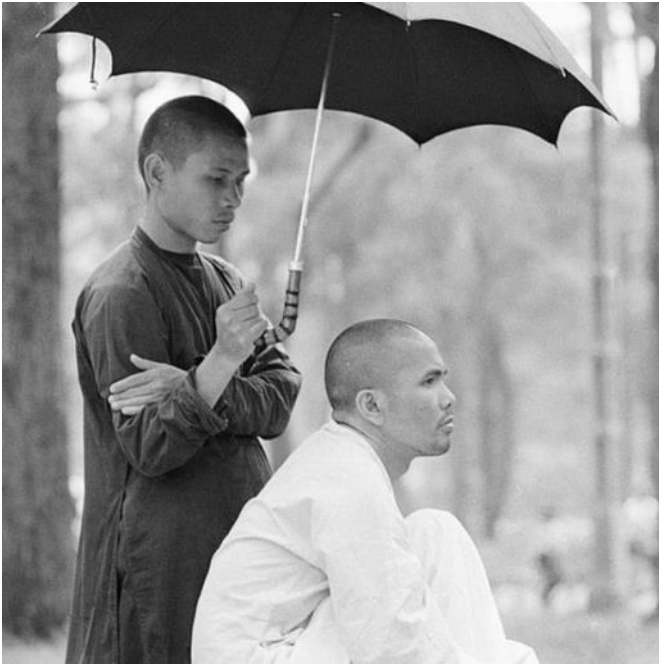


Phật Giáo Việt Nam đánh mất bản nguyên hoàng dương Chánh Pháp giải khổ quần sanh và góp phần giữ nước và phát triển đất nước.

Trong thời cận và hiện đại, từ đầu thế kỷ 20 đến nay, Phật Giáo Việt Nam cùng với dân tộc bước vào một khúc quanh mới để bắt kịp trào lưu tiến bộ, hiện đại hóa, kỹ nghệ hóa, và toàn cầu hóa của toàn thể nhân loại. Chính trong bối cảnh và nhu cầu thời đại đó, Phật Giáo Việt Nam đã chuyển mình để trở thành cơ cấu tổ chức với các danh xưng Giáo Hội. Giáo Hội là hình thái sinh hoạt mới không còn và cũng không thể mang sắc thái thuần túy khép kín trong thiền môn, trong nội bộ Tăng Già, mà mở rộng phạm vi hoạt động ra nhiều lãnh vực trong cộng đồng xã hội. Đó vừa là đáp ứng đúng nhu cầu thời đại và vai trò của một tôn giáo có bề dày trên hai mươi thế kỷ trong lòng dân tộc, vừa là thách thức đối với sự tồn tại và phát triển của truyền thống tâm linh lâu đời của chính Phật Giáo Việt Nam, cũng như bao nhiêu nghịch cảnh và chướng duyên từ bên trong lẫn bên ngoài.

Chính vì nghịch cảnh và chướng duyên, không ít bậc lãnh đạo của Phật Giáo Việt Nam, dù muốn hay không, đã bị cơn lốc thị phi va chạm. Một trong những vị lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam bị nhiều thị phi nhất là Hòa Thượng Thích Trí Quang. Chỉ một mình Hòa Thượng Thích Trí Quang mà từ mấy thập niên qua thiên hạ đã tốn không biết bao nhiêu giấy mực để dệt nên vô số bài viết, nghiên cứu, biên khảo, sách báo với đủ mọi sắc thái khen, chê. Thậm chí gần đây còn có cả những âm mưu lợi dụng chuyện về Hòa Thượng Thích Trí Quang để ngụy tạo, bóp méo, và xuyên tạc lịch sử với ý đồ bôi nhọ Phật Giáo Việt Nam. Nhận thức được nguy cơ này, Hòa Thượng Thích Trí Quang, dù không muốn, đã phải viết tự truyện để soi sáng sự thật lịch sử.

Người viết nhân đọc "Tự Truyện" của Hòa Thượng Thích Trí Quang nên có cảm khái viết đôi điều suy nghĩ về Hòa Thượng và một chặng đường lịch sử Phật Giáo Việt Nam.



"Tự Truyện" được Hòa Thượng Thích Trí Quang cho in trong nước vào khoảng thời gian gần cuối năm 2011, dày 220 trang, khổ nhỏ hơn khổ sách bình thường một chút, bìa trắng đen, không có hình ảnh. Điểm đặc biệt của "Tự Truyện" là Hòa Thượng Thích Trí Quang đã kể lại nhiều điều liên quan tới bản thân của ngài, tới lịch sử đất nước và Phật Giáo Việt Nam mà lâu nay chưa ai nói tới. Bài viết này xin tập trung nói đến những điểm đặc biệt mới này.

I- Biết Minh, Biết Người

Từ năm 1940 đến 1944, tức là khoảng thời gian cuộc chiến tranh Việt Pháp do Việt Minh khởi xướng mới bắt đầu, khi nhận định về thể cuộc thời đó, Hòa Thượng Thích Trí Quang đã viết trong Tự Truyện rằng, *"Tôi khẳng định vị trí 'Tăng sĩ Phật giáo' của tôi. Nhưng tôi suy nghĩ sự đô hộ của người Pháp."* Rồi Hòa Thượng viết tiếp khi đọc *"bản tường trình sự cần thiết thành lập Mặt trận Việt minh của Trường Chinh, nội dung nói rõ quan điểm 'giải phóng dân tộc' làm tôi chú ý. Tôi thừa hiểu giải phóng dân tộc rồi không phải ngưng ở đó."*

Đoạn trích trên cho thấy 3 điểm đáng chú ý:

1- Hòa Thượng Thích Trí Quang biết rõ và khẳng định mình là ai, đó là một Tăng sĩ Phật Giáo. Biết và khẳng định vị thế Tăng Sĩ Phật Giáo đồng nghĩa với sự khẳng định lý tưởng tu hành giác ngộ và giải thoát cũng như sứ mệnh truyền thừa nhiệm vụ hoằng dương Phật Pháp của đức Phật và Thầy Tổ. Biết rõ như vậy thì sẽ không thể nào đi lạc hướng.

2- Hòa Thượng Thích Trí Quang nhận thức rõ về hiểm họa xâm lược của thực dân Pháp và nguy cơ mất nước nên đã không ngần ngại tham gia kháng chiến chống Pháp. Đó là trách vụ thiêng liêng của người công dân nước Việt

trước cơn nguy biến của sơn hà xã tắc. Chê trách việc làm đó là đồng nghĩa với phủ nhận bốn phận của người dân khi đất nước lâm nguy.

3- Hòa Thượng Thích Trí Quang biết rõ phong trào Việt Minh sẽ không dừng lại ở chỗ 'giải phóng dân tộc' mà còn đi xa hơn. Điều Hòa Thượng không nói ra trong Tự Truyện chính là sự lộ diện nguyên hình của Đảng Cộng Sản Việt Nam với việc thực thi chủ nghĩa Cộng Sản của họ tại Việt Nam sau đó. Biết rõ như vậy cho nên, Hòa Thượng đã bỏ kháng chiến mà về lại Chùa tiếp tục sứ mệnh của người Tăng Sĩ Phật Giáo.

Trước ngày 1 tháng 11 năm 1963, tức trước cuộc đảo chánh lật đổ chế độ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, lúc còn tị nạn trong Tòa Đại Sứ Mỹ ở Sài Gòn, Hòa Thượng Thích Trí Quang đã đoán trước là thế nào cũng có đảo chánh. Điểm đáng lưu ý là khi nghĩ tới chuyện đảo chánh thì Hòa Thượng viết trong Tự Truyện rằng, *"... khi đoán chắc sẽ có đảo chánh, tôi lại lo như tình trạng Hàn Quốc: Lý thừa Văn đổ rồi, đảo chánh hoài. Như thế thì làm được cái gì. Ông Diệm bị đảo chánh rồi, tôi cáo tử ra về, người Mỹ nói, nếu có thể, tôi nên góp ý kiến với chế độ mới, tôi nói, nhưng không nên đảo chánh nữa. Người Mỹ không nói gì hết."*

Trích đoạn trên cho thấy Hòa Thượng Thích Trí Quang không tán đồng việc đảo chánh để rồi đưa đất nước vào những cơn biến động, những cuộc đảo chánh liên tiếp gây khủng hoảng và làm suy yếu sức mạnh đoàn kết dân tộc để xây dựng và phát triển quốc gia.

II- Lập Trường Đấu Tranh

Như vậy có nghĩa là bản thân Hòa Thượng nói riêng và Phật Giáo nói chung không chủ trương đảo chánh lật đổ chế độ nhà Ngô. Điều này đã được viết rõ trong Tự Truyện. Trong Tự Truyện kể rằng Bác sĩ Lê Khắc Quyến được ông Diệm mời gặp tại Sài Gòn. Trước khi đi Sài Gòn, BS Quyến đến gặp Hòa Thượng Thích Trí Quang để hỏi xem Hòa Thượng có muốn nói gì với Tổng Thống Diệm không. Hòa Thượng Thích Trí Quang nói với BS Quyến rằng, "Ông hỏi tôi muốn ông nói gì, tôi nói, xin nói rất thật tâm của tôi. Tôi không mưu đồ gì cả, chỉ phản ứng vì hết mức chịu đựng sự xúc phạm quá đáng đến đức Phật và Pg của tôi, mà thôi. Vấn đề như vậy quá dễ giải quyết cho Tổng thống chứ không thương tổn gì."

Một chỗ khác trong Tự Truyện, Hòa Thượng Thích Trí Quang viết lại 5 nguyện vọng của Phật Giáo trong vụ tranh đấu 1963 đã được hoạch định ngay từ lúc đầu. Trong 5 nguyện vọng đó nói rằng, *"Một, Pg tự giới hạn, chỉ phản đối chính sách ngược đãi Pg của chính phủ. Pg không bước qua những địa hạt khác, nhất là địa hạt quyền chức chính quyền. Hai, tuyệt đối sử dụng phương cách 'bất bạo động.' Ba, Pg không mưu độc tôn, không cầu đặc tôn, nên không thấy ai, kể cả Tcg, là đối nghịch."*

Bốn, Pg không mưu hại ai, không thiên ai để hại ai. Nếu thất bại, Pg coi là sự thất bại của chân lý trước bạo lực, không phải thất bại như bạo lực kém bạo lực. Năm, sau hết, nhưng quan trọng nhất, là Pg thỉnh cầu các bậc lãnh đạo 2 thực thể đối trận, đừng khai thác gì về cuộc vận động của Pg. Vì làm như vậy thì đối phương quý vị lấy cớ để hại Pg mà thôi."

Hai trích đoạn trên nêu bật một số điểm đáng chú ý sau đây:

1- Cuộc đấu tranh của Phật Giáo năm 1963 là vì không "chịu đựng sự xúc phạm quá đáng đến đức Phật và Phật giáo" của chính quyền nhà Ngô qua việc cấm treo cờ Phật Giáo trong các Chùa, các cơ sở Phật Giáo, việc thù tiêu, bắn giết, bỏ tù và trừ dập hàng ngũ Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử trên khắp miền Nam từ năm 1951, như Tự Truyền ghi rằng, "*Năm ngoái, 2495 (1951), khi vào họp Đại hội, hòa thượng Tâm châu có đưa cho tôi 2 tài liệu bằng hình ảnh. Tài liệu 1 là thư tuyệt mệnh của 1 gia đình nếu tôi nhớ không lầm là 7 người, đau lòng vì tín ngưỡng của mình bị kỳ thị, và gia đình mình bị bức tử. Tài liệu 2 là 3 ngôi chùa mái cổ có mặt nhật bị đập, và thay vào là hình chữ thập. Các vị ni sư bị mặc áo mao bà sơ."* Đó là cuộc vận động đòi quyền bình đẳng tôn giáo.

2- Cuộc đấu tranh của Phật Giáo năm 1963 ngay từ đầu phía Phật Giáo đã khẳng định là bất bạo động, có nghĩa là không sử dụng đến phương thức bạo động để đòi quyền bình đẳng tôn giáo. Trong bối cảnh khi mà Liên Hiệp Quốc đã công bố Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền vào ngày 10 tháng 12 năm 1948, thì vấn đề tôn trọng quyền bình đẳng tôn giáo, tôn trọng quyền làm người là quyền lợi tất yếu của người dân và bốn phận phải có của các thể chế chính quyền. Chính vì vậy, Hòa Thượng Thích Trí Quang kể trong Tự Truyện: "*Bắt đầu việc gửi điệp văn đến LHQ, mật và gấp. Nội dung tôi nói Nam Việt nam "vi phạm nhân quyền." Sự vi phạm ấy gồm có xúc phạm Phật đàn 2507, triệt cờ Pg Thế giới, khủng bố trắng Phật tử bất bạo động bằng chiến xa. Thỉnh cầu ngài Tổng thư ký LHQ tra xét và bảo vệ "hiến chương nhân quyền."*

3- Cuộc đấu tranh của Phật Giáo năm 1963 không có mưu đồ lấn sang địa hạt quyền chức chính quyền, không mưu đồ độc tôn tôn giáo, hay chống Thiên Chúa Giáo. Khẳng định ngay từ đầu như thế cho nên, Phật Giáo nói chung và bản thân Hòa Thượng Thích Trí Quang nói riêng không hề có ý đồ chen lấn vào các vấn đề chính trị thế quyền. Và cũng vì vậy mà các thể lực chính trị với quyền lợi cá nhân, gia đình, đảng phái, chủ nghĩa, hay tôn giáo riêng đã xem Phật Giáo là thể lực cần phải triệt hạ. Nhưng xác định thế đứng vượt lên trên đảng phái, khuynh hướng chính trị và chủ nghĩa là đúng với con đường dẫn đạo tâm linh cho con người trong mục đích giác ngộ vô minh và giải thoát mọi khổ đau của đạo Phật. Cũng

chính ở vị thế vượt lên trên đó, đạo Phật đã đi sâu vào lòng người, sống trong trí tuệ và tình thương của nhân loại, để có thể tồn tại và phát triển ở mọi quốc gia, mọi thời đại. Nếu Phật Giáo chọn đứng chung hàng ngũ với các thể chế chính trị, các chế độ chính quyền, hay các chủ nghĩa thể tục thì đã có lúc bị buộc phải trở thành thể lực chống lại dân tộc và làm hại cho quốc gia xã tắc.

4- Nguyên vọng thứ 5 của Phật Giáo là điểm quan trọng nhất vì nó cho thấy viễn kiến chính xác của những nhà lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam ngay từ lúc bắt đầu công cuộc đấu tranh đòi quyền bình đẳng tôn giáo và nhân quyền. Nguyên vọng đó: "*là Pg thỉnh cầu các bậc lãnh đạo 2 thực thể đối trận, đừng khai thác gì về cuộc vận động của Pg. Vì làm như vậy thì đối phương quý vị lấy cớ để hại Pg mà thôi."* Quả thật không sai. Cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo của Phật Giáo đã bị các thể lực chính quyền ở 2 miền Nam Bắc lợi dụng để gây tai hại không lường cho Phật Giáo Việt Nam mà mãi đến ngày nay, sau gần 50 năm, vẫn còn những di chứng đáng sợ. Chế độ Quốc Gia ở Miền Nam thì chụp mũ Phật Giáo là Cộng Sản, trong khi chế độ Cộng Sản ở Miền Bắc thì kết án Phật Giáo là CIA, là "tay sai của Mỹ Ngụy," là "Phật Giáo phản động," v.v...

III- Theo Ai?

Vậy đâu là sự thật? Hòa Thượng Thích Trí Quang là người của CIA, là người quốc gia chống Cộng Sản, hay là người của Cộng Sản chống Mỹ, chống Quốc Gia?

Trong tác phẩm "Only Religions Count in Vietnam: Thích Trí Quang and the Vietnam War," (Chỉ Có Tôn Giáo Là Đáng Kể Tại Việt Nam: Thích Trí Quang và Chiến Tranh Việt Nam) của Giáo sư Trường Cao Đẳng Tư Williams College ở Tiểu Bang Massachusetts, Hoa Kỳ, và là nhà nghiên cứu chuyên về Phật Giáo Việt Nam và nhân vật Thích Trí Quang là James McAllister, được Nhà Xuất Bản Modern Asian Studies ấn hành năm 2007, bản dịch Việt do Trần Ngọc Cư thực hiện. Trong đó tác giả James McAllister sau khi nghiên cứu nhiều tài liệu từ các nguồn khác nhau gồm cả tài liệu của



Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã đưa ra khẳng định rằng, "Tuy nhiên, như chính Moyer cũng nhìn nhận, các quan chức của chính phủ Mỹ, những người có đủ mọi lý do tự lợi (self-interested) để kết luận Trí Quang là Cộng sản, lại trước sau như một đã bác bỏ cách đánh giá này. Như các nhà phân tích của CIA đã kết luận tháng Chín 1964: "Không một ai trong số nhiều người Việt thù ghét Trí Quang, những kẻ chỉ chờ cơ hội để bôi nhọ ông, hay thậm chí những kẻ hoài nghi về động lực chính trị của ông, có thể đưa ra bằng chứng vững chắc về bất cứ liên kết nào hiện có giữa ông và Cộng sản"."



Hòa Thượng Thích Trí Quang viết trong Tự Truyện rằng, "Nhưng rồi tôi chữa lửa mà bị cho là đốt nhà. Bao nhiêu chuyện xảy ra, ở Huế cũng như ở Sài Gòn, do các ông Tướng ai cũng thấy mình có thể làm nên chuyện. Quần chúng Pg bị cuốn hút là vì cái tính "giữa đường thấy chuyện bất bình mà tha," nên bị lợi dụng có khi thật phiến." Hay ở một đoạn khác Hòa Thượng viết: "Bằng cái gọi là Quốc hội lập hiến, tôi mong quần chúng có cơ cấu sinh hoạt chính trị, Pg có thể rút mình ra." Một đoạn khác Hòa Thượng viết rằng, "Nhưng thực sự có 3 bên không muốn tôi sống. Họ muốn Pg không còn là mối bận tâm cho họ nữa." Trong đoạn cuối của Tự Truyện, Hòa Thượng Thích Trí Quang viết rằng, "Rốt cuộc, tôi không biết gì, không có ý định gì cả, nên cuộc đời tôi 'không vẫn hoàn không,' không có gì đáng nhớ, đáng nói. Ngay như sự tự truyện này, vì không thể không có nên phải viết và phải in, mà thôi. 'Không vẫn hoàn không' là Phật cho, tôi mới được như vậy."

Trong các đoạn trích dẫn trên, xin lưu ý ở một chỗ Hòa Thượng Thích Trí Quang nói rằng "Nhưng thực sự có 3 bên không muốn tôi sống. Họ muốn Pg không còn là mối bận tâm cho họ nữa." Ba bên là ai thì chắc người đọc có quan tâm đến tình hình Việt Nam thời bấy giờ đều biết rõ, đó là Mỹ, Chính Quyền Miền Nam và Cộng Sản. Như vậy thì làm sao Hòa Thượng Thích Trí Quang lại là người đi theo một trong 3 bên đó. Không đi theo bên nào cho nên phải gánh chịu thảm nạn là bị cả ba bên chống phá và kết án.

Những ai không liễu ngộ, không thực hành Phật Pháp đúng mức, không thấu triệt giáo nghĩa "Không" của nhà Phật thì sẽ không làm sao hiểu được điều Hòa Thượng Thích Trí Quang viết trong câu cuối của trích đoạn trên, rằng, "Không vẫn hoàn không' là Phật cho, tôi mới được như vậy."

Tại sao, Phật cho cái "Không" mà Hòa Thượng lại tâm đắc như được điều gì quý giá nhất trong đời?

Cứu cánh của một người tu sĩ Phật Giáo hay một người con Phật không phải là đạt được điều gì đó về danh vọng, về quyền hành, về chức tước, về phẩm vị, về đẳng cấp, về của cải vật chất, mà đích thực và tối thượng là có thể buông xả mọi việc, mọi thứ, mọi điều, không nắm bắt, không chấp trước, không bị buộc trói bởi bất cứ điều gì trên thế gian này. Đó là sự giác ngộ tận cùng bản chất "vô sở đắc," hay "thật tánh không" của tất cả các pháp và giải thoát mọi phiền não và triền phược.

Với sự thực chứng như thế thì không một thể lực chính trị nào, không một thể chế chính quyền

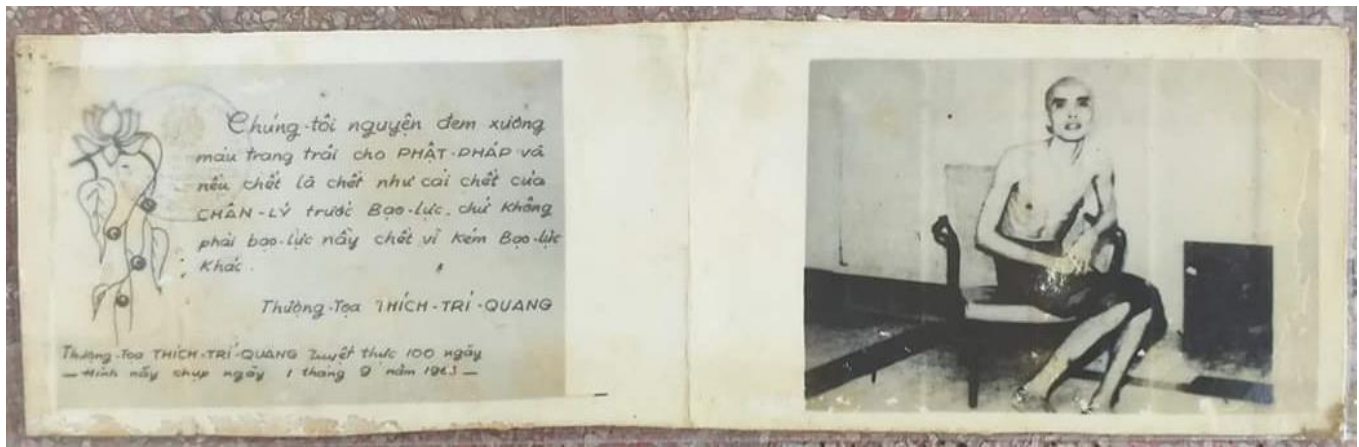
nào, không một chủ nghĩa nào đáng để cho người con Phật đứng nghĩa nói chung và Hòa Thượng Thích Trí Quang nói riêng để tâm tới, chứ đừng nói là bị trói buộc vào. Trong ý nghĩa đó, Hòa Thượng Thích Trí Quang chỉ đơn giản là một tăng sĩ Phật Giáo Việt Nam. Nhưng vì sinh ra trong một hoàn cảnh đất nước nước nghiêng, dân tộc bị vùi dập bởi các thể lực chính trị, Phật Giáo bị kỳ thị, bị bách hại, cho nên Hòa Thượng Thích Trí Quang và các vị lãnh đạo Phật Giáo phải ra tay lèo lái con thuyền đạo pháp để vượt qua cơn bão táp pháp nạn và quốc nạn.

Như thế đã quá rõ là Hòa Thượng Thích Trí Quang và những nhà lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam chỉ theo Phật.

IV- Ước Nguyện Bình Sinh Và Nỗi Oan Khó Nói

Dù là nhà lãnh đạo Phật Giáo có thẩm quyền quyết định cao nhất, nhưng không phải việc gì Hòa Thượng Thích Trí Quang cũng có thể kiểm soát hết. Như Hòa Thượng đã viết trong Tự Truyện đã được trích ở trên rằng, "Nhưng rồi tôi chữa lửa mà bị cho là đốt nhà. Bao nhiêu chuyện xảy ra, ở Huế cũng như ở Sài Gòn, do các ông Tướng ai cũng thấy mình có thể làm nên chuyện. Quần chúng Pg bị cuốn hút là vì cái tính "giữa đường thấy chuyện bất bình mà tha," nên bị lợi dụng có khi thật phiến."

Điều phiến nhất mà Hòa Thượng ghi trong Tự Truyện là chuyện về việc đem bàn thờ Phật ra đường trong biển cổ xảy ra tại miền Trung năm 1966. Hòa Thượng kể rằng, "Một đoàn chiến xa và thiết giáp khá hùng hậu, được điều động từ Quảng trị vào Huế. Khi sắp qua cầu An hòa, viên sĩ quan chỉ huy ra lệnh ngừng lại để anh đi thám sát dã. Anh đến chùa của khuôn hội Pg Phú Thạnh, miếng hét, tay làm, hối thúc Phật tử khuôn hội, cổ anh phụ lực, khiêng bàn Phật ra đặt giữa đường, lại thúc hối tư gia Phật tử làm theo. Viên sĩ quan quay lại, báo cáo đường bị cản trở. Rồi đợi lệnh. Nhưng bàn Phật



được đưa ra càng nhiều. Khuôn hội Phú Thạnh đã chạy vào Diêu để thông báo cho tôi và hỏi ý kiến. Tôi hỏi Ông (Ôn) Thiện siêu đang có mặt. Ông nói, 'thụ động chứ biết làm sao.' Thực tế tôi cũng không thể bảo ngưng được nữa. Bàn Phật đã có sau trong thành phố rồi. Chưa bao giờ, mà bây giờ, tôi phải xúc phạm sự tôn nghiêm đến mức này!"

Đó là điều tất yếu phải xảy ra cho mọi phong trào quần chúng. Khi một phong trào đã phổ biến ra quần chúng thì không một nhà lãnh đạo quần sự, chính trị, xã hội, hay tôn giáo nào có đủ sức để kiểm chế, hay kiểm soát hết mọi tình hình. Cũng chính ở nhược điểm này mà Phật Giáo Việt Nam đã không ngừng bị lợi dụng, bị chụp mũ, và bị kết án.

Nhưng, như thế, trong cõi tận cùng của con người Hòa Thượng Thích Trí Quang, đâu là ước nguyện bình sinh của ngài?

Hòa Thượng Thích Trí Quang viết trong phần đầu của Tự Truyện rằng, *"Dẫu chưa phải lúc, ở đây vẫn nên nói rõ về sự biên dịch kinh sách Phật giáo của tôi. Vì điều này mới đích thực là thị hiếu và chí hướng bình sinh của đời tôi, là lòng mong ước của mẹ tôi. Nên, dẫu cơ hội có chưa lớn và đệ tử nhiều, tôi có không ít, nhưng tôi khước từ không dẫn đo. Chỉ tạm trú hết Từ đàm thì Ấn quang, thì Già lam, ở đâu, đâu óc tôi chỉ nghĩ đến, ngay trong lúc ăn, phải dịch chữ này, câu kia, đoạn nọ, sao cho đúng ý và nghe được. Tôi không dạy học, vì không thích bằng sự biên dịch. Khởi sự hơn 1 năm trước ngày tốt nghiệp, tôi đã chuẩn bị đầy đủ để biên tập "Từ điển Phật học" và biên dịch "Đại tạng kinh." Nhưng công việc lúc đó, công việc góp sức "Vận động thống nhất Phật giáo VN" khiến tôi xếp cất lại chí nguyện của mình."*

Vận động thống nhất Phật Giáo Việt Nam mà Hòa Thượng nói đến là vận động thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam vào năm 1951 và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất vào năm 1964.

Kết Luận

Ngày xưa, đức Phật thừa biết Ngài có thể làm Chuyển Luân Thánh Vương để dùng vương đạo mà an bang tế thế. Nhưng, Ngài đã không

làm? Vì sao? Vì Ngài biết rõ hơn ai hết rằng cái khổ sanh, già, bệnh, chết và muôn vàn phiền não sân si khác mà chúng sinh trong vô lượng kiếp, ở mười phương thế giới phải gánh chịu không thể nào được chữa trị tận gốc bởi Chuyển Luân Thánh Vương, mà duy chỉ có bậc Giác Ngộ Viên Mãn là Phật mới làm được. Đức Phật cũng biết rõ rằng liên hệ tới chính trị là phiền lằm cho nên, đời Ngài chỉ đi khất thực để sống và ngủ ở gốc cây, mà không can dự vào chính sự của các bậc vua chúa công hầu.

Những nhà lãnh đạo Phật Giáo Việt Nam thời cận đại và Hòa Thượng Thích Trí Quang cũng ý thức tình huống về những hệ lụy thế tục, nhưng vẫn phải xông pha vào công cuộc vận động đòi bình đẳng tôn giáo và nhân quyền, vẫn phải liên hệ tới chính trị trong chừng mức nào đó, chính là vì không thể quay lưng với bốn phận và trách nhiệm đối với đạo pháp và dân tộc. Đó là hạnh nguyện dẫn thân và hy hiến vì đạo của Bồ tát. Nếu không phải thế thì Phật Giáo Việt Nam hơn hai ngàn năm qua đã không có những tấm gương sáng ngời của Thiền sư Pháp Thuận, Thiền sư Vạn Hạnh, Phật Hoàng Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Bồ Tát Thích Quảng Đức, v.v...

Riêng đối với trường hợp Hòa Thượng Thích Trí Quang, người viết bài này rất tâm đắc ở câu nói cuối cùng trong Tự Truyện của ngài, rằng, **"Rốt cuộc, tôi không biết gì, không có ý định gì cả, nên cuộc đời tôi 'không vẫn hoàn không', không có gì đáng nhớ, đáng nói... 'Không vẫn hoàn không' là Phật cho, tôi mới được như vậy."**

Nếu không phải suốt đời hành đạo bằng tâm Phật thì cuối đời ở tuổi 89 (năm 2011), Hòa Thượng Thích Trí Quang không thể nào cảm nhận được ân đức lớn như vậy từ nơi Phật.

Đó là chỗ khác nhau giữa người thế gian chỉ muốn nhận vào mà không dám bỏ, với người tăng sĩ Phật Giáo làm bao nhiêu việc cho đời cho đạo mà không thấy có việc gì làm và ai làm. Giác ngộ và giải thoát là ở chỗ này.

Huỳnh Kim Quang

TRÍ QUANG – NGƯỜI CON CỦA MẸ; NGƯỜI HÙNG CỦA CHÍNH ÔN; BẬC THƯỢNG NHÂN CỦA THỜI ĐẠI

Thích Nguyên Siêu

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Đọc **Trí Quang Tự Truyện**, chúng ta thấy tình Mẹ như là một hạnh nguyện Bồ Tát để Ôn thành bậc Cao Tăng. Mẹ là chất liệu yêu thương xây thành đài hoa rực rỡ để Ôn ngự tọa suốt một đời làm Thầy tu. Ôn thường nhắc đến Mẹ. Ôn thường canh cánh về Mẹ bên lòng khi còn sanh tiền. Trước khi “chết” Ôn về quê thăm Mẹ, lay tình thương của Mẹ từ thuở ấu thơ.

Đọc **Trí Quang Tự Truyện**, nghe như hương nguyện của một thời xưa. Mẹ con bên chiếc đèn dầu leo lét trong đêm mà tư duy: *"Thưa, Mẹ mới nói chậm rãi, "giữa một Thầy tu mà Mẹ đã mơ ước, với một Thầy cúng quê mùa như ai, Mẹ phân vân hết sức."* Mẹ đã gom góp từng hạt tư duy ấy để xâu kết thành ước mơ Ôn là một Thầy tu. Mẹ của Ôn là vậy đó. Mẹ của Ôn mà cũng là Bồ Tát của Ôn. Bồ Tát Mẹ đã hướng dẫn Ôn đi, đã cho Ôn xuất gia đầu Phật để tu thành Bậc Xuất Trần Thượng Sĩ. Bậc Long Tượng Thạc Đức trong chốn nhà Thiền. Chúng ta có thể nói Mẹ là tất cả trong trái tim của Ôn.

Đọc **Trí Quang Tự Truyện**, để chúng ta cảm nhận hai nguồn năng lượng truyền cho nhau giữa Mẹ và Ôn như hai khối tinh bất tuyền: *"Thế là đã rõ. Nhưng Thầy đã rõ trước. Thầy ra nhà lúc mới xế bóng. Mẹ chào hỏi. Thầy nói nhẹ nhàng. "Chị ơi, xưa, người ta có con Thừa Tướng để hơn có con Cao Tăng." Mẹ thưa liền: "Tôi không biết bàn tính với ai. Định chiêu vào Thầy thì Thầy đã ra, và đã có ý kiến. Có thể không có gì phải phân vân nữa."*

Mẹ và Ôn đồng tình cho Ôn đi tu để làm Cao Tăng mà không màng đến Thừa Tướng để hưởng bổng lộc triều đình, mũ cao áo rộng, huyện tướng của thế tục. Kể từ đây, Mẹ là Bồ Tát của Ôn và Ôn là Cao Tăng của Mẹ.

Đọc **Trí Quang Tự Truyện**, để khẳng định và minh chứng một lần nữa hạnh nguyện xuất trần của bậc Thượng Sĩ không bị mờ nhạt bởi hương hoa phù phiếm của thế gian. *"Đêm đó, tôi trang trọng thưa Mẹ: "Lấy vợ, làm Thầy cúng, quá dễ. Nhưng không dễ, hoàn toàn không dễ, cho Mẹ con mình. Con đi tu là lời nguyện của Mẹ, bây giờ nói khác đi sao được?"*

Đã nguyện rồi thì phải giữ “thệ hải minh sơn,” thế non hẹn biển làm sao có thể tan được. Nhất là lời “**Nguyện**” của Bồ Tát, mang hạnh nguyện xây dựng đời con thành bậc Cao Tăng trong hàng

Chúng Trung Tôn – Tăng Bảo. Từ đó, ai có thấy chí xuất trần khi còn là thời măng tơ, non trẻ. Cho đến hôm nay, qua hình ảnh Tang lễ của Ôn.

Nói đến cái Hùng của Ôn là cái Đại Hùng, Đại Bi, Đại Trí. Cái Hùng của Bồ Tát Phổ Hiền vì hạnh nguyện độ sinh mà mang áo giáp nhẫn nhục vào đời 5 trước. Cái Bi cứu khổ trăm luân cho chúng sinh mà Bồ Tát Quan Âm phát nguyện tâm tinh cứu độ. Cái Trí xuất trần của Bồ Tát Văn Thù soi sáng mà suốt một đời Ôn đã dùng cái Trí đó để soi tỏ từng bước chân đi. Vậy Hùng, Bi, Trí là chất liệu tác thành mà qua bao nhiêu thế đạo nhiều nương, thăng trầm, thành bại, Ôn đã vượt qua và đi trên tất cả, để nghe lời Di Huấn của Ôn. Lời Di Huấn của bậc Thượng Nhân đơn sơ, mộc mạc, nhưng đầy tình đời nghĩa đạo. Di Huấn rằng:

- 1) *Sau giờ chết rồi độ 6 giờ là liệm.*
- 2) *Liệm rồi các Pháp tử lạy ba lạy rồi là đưa ra xe tang.*
- 3) *Không bàn thờ, bát nhang, báo tang, thành phục, đưa đám, phúng điếu.*
- 4) *Chuyển đến lò thiêu, thiêu rồi đem về chùa làm tuần, chung thất, trăm ngày, Tiểu tường và Đại tường.*
- 5) *Mỗi lễ chỉ tụng một trong các kinh: Địa Tạng, Kim Cương, Bồ Tát Giới, Pháp Hoa và Thủy Sấm.*
- 6) *Mỗi lễ đều không thông báo và mời ai dự cả.*

Sáu điều Di Huấn như là một Bản Thanh Quy trong chốn nhà Thiền để cho người sau noi dấu. Chính là cái Trí và Bi của bậc Thượng Nhân đã thấm thấu, liễu tri được lòng nhân thế mà không rườm rà, hình thức tốn kém, giữa một đất nước đang cần tích cực xây dựng hơn nữa để cho có được chiếc áo, chén cơm đến với người dân cùng khổ.

Cuối cùng, bằng kinh nghiệm các Bậc Tổ Đức Thiền Sư thường để lại bài Kệ Ấn Chứng Sở Ngộ của mình, thì nơi đây, trong lò thiêu Bộ Xương Sọ đã được đốt lại ba lần nhưng vẫn không bị thiêu hủy. Thượng Nhân Trí Quang đã để lại Bộ Xương Sọ trắng tinh tuyền, như Kim Cương Bất Hoại. Kết tinh một trí tuệ siêu việt, vượt thoát nơi chốn trần lao.

Nhất tâm đánh lễ Đức Trí Quang Thượng Nhân Bồ Tát.

San Diego, ngày 14 tháng 11, 2019
Khê thủ.

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ

ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

1/ Thân Thế:

Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Quang, thế danh Phạm Quang, sinh vào giờ Thìn ngày 21/12/1923 (Quý Hợi) tại làng Diêm Điền, tỉnh Quảng Bình. Ngài là người con thứ tư trong gia đình gồm 6 anh chị em. Thân Phụ Ngài pháp danh Hồng Nhật, Thân Mẫu pháp danh Hồng Trí. Thân Phụ của Ngài từng là nhân viên mất vụ nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Quảng Bình, về sau Cụ ông xuất gia với Đại Sư Đặc Quang, là vị Tăng Cang Chùa Linh Mục, Huế.

2/ Xuất gia tu học:

Ngài xuất gia năm 1938 (Mậu Dần) với Đại sư Hồng Tuyên ở chùa Phổ Minh, Tỉnh Quảng Bình, thuộc dòng Thiền Lâm Tế Thiên Đồng Đạo Môn.

Từ năm 1939 đến 1944, Ngài được Bổn Sư cho theo học tại Trường An Nam Phật Học do Hội An Nam Phật Học thành lập năm 1932 tại Cổ đô Huế được Đại Sư Giác Tiên làm giám đốc và Đại Sư Trí Độ làm đốc giáo, Giáo Thọ còn có Bác Sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám. Phật Học Đường có học trình 10 năm: ba năm sơ đẳng, ba năm trung đẳng, hai năm cao đẳng và hai năm siêu đẳng. Kỳ thi tốt nghiệp vào năm 1944, Hòa Thượng đạt số điểm cao nhất.

3/ Thời Kỳ Hành đạo:

Sau kỳ thi năm 1944 (Phật Lịch 2487), Phật Học Viện tổ chức lễ phát nguyện cho Sa Di giới do Đại Sư Đặc Quang chứng minh, Đại Sư Trí Độ cho mỗi vị một pháp hiệu với chữ Trí đứng đầu. Đạo hiệu Trí Quang của Ngài được dùng từ đó. Mùa hè năm ấy, Đại Sư Hồng Tuyên ban cho Ngài pháp tự là Trí Hải, và tập chúng cử Ngài làm Trú trì Chùa Phổ Minh.

Năm 1946 (Bính Tuất, PL 2490), Đại Sư Hồng Tuyên tổ chức truyền thọ Tỷ Kheo giới và truyền giới cho Ngài với pháp hiệu là Thiền Minh. Cùng năm này, Ngài bắt tay soạn thảo đề án thống nhất Phật Giáo VN. Mùa hè năm 1946, Đại Sư Trí Độ và Ngài được Phật giáo Bắc phần mời ra giúp đỡ thành lập Phật Học Viện tại Chùa Quán Sứ. Trường Phật Học này cũng khá qui mô, mới mở trên một tháng mà đã khai giảng được hai lớp chính, nhưng chỉ sau một tháng phải đóng cửa vì chiến tranh nổi dậy.

Năm 1947, Ngài trở về quê nhà Quảng Bình, và được báo tin là Pháp sắp chiếm Quảng Bình. Ngài nghĩ là mình sẽ chết vì chiến tranh mà

chưa kịp thọ giới Bồ Tát, nên cầu thỉnh Bổn Sư là Đại Sư Hồng Tuyên truyền thọ Bồ tát giới vào tối 28/02/1947. Bốn ngày sau khi thọ Bồ Tát giới, lính Pháp đổ bộ vào Đồng Hới, Ngài cùng dân làng chạy giặc Pháp lên vùng kháng chiến. Nhưng tháng 10 năm ấy, mẹ bệnh nặng, nên ngài xin về nuôi mẹ và làm lễ mãn tang Cha.

Năm 1948 (Mậu Tý, PL 2492) Ngài vào Huế giảng dạy tại Phật Học Đường Báo Quốc.

Năm 1949 (Kỷ Sửu, PL 2493), lần đầu tiên có quyết định Tăng sĩ đảm nhận chức vụ Tổng trị sự Hội Phật Học, HT Thích Đôn Hậu làm Hội Trưởng, Ngài được cử làm Hội Phó.

Năm 1950 (Canh Dần, PL 2494) Ngài vào Sài Gòn góp sức vận động hợp nhất ba Phật Học Đường Liên Hải, Mai Sơn và Ứng Quang (về sau đổi thành Ấn Quang), thành lập Phật Học Viện Nam Việt, và chung sức vận động thành lập Hội Phật Học Nam Việt. Rồi về Huế, làm chủ bút tạp chí Viên Âm. Cuối năm 1950, Ngài được cử làm chủ tọa phiên họp sơ bộ để thành lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, do Ngài Tổ Liên đề xướng sau khi đi Tích Lan về. Ngài bắt đầu vận động thống nhất Phật Giáo Việt Nam, có một phần do yếu tố tác động của "Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới" thành lập tại Tích Lan vào năm 1950.

Năm 1952, Hòa Thượng đến Tokyo, Nhật Bản tham dự Đại Hội kỳ 2 của Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới.

Năm 1953 (Quý Tỵ, PL 2497), Tổng Hội được chính quyền thừa nhận và đúng 10 năm sau, chính Tổng Hội này đã lãnh đạo công cuộc chống kỳ thị Phật Giáo năm 1963.

Năm 1955 (Ất Mùi, PL 2499), Ngài nhận chức vụ Hội Trưởng Tổng Trị Sự Hội Phật Học, vận động đổi tên Phật Học thành Phật Giáo, đưa Tổng Hội Phật Giáo VN vào đặt trụ sở ở Sài Gòn. Rồi nghỉ việc cho đến 1963 nhận lại chức vụ nói trên. Với chức vụ này, Phật Đản năm ấy Hòa Thượng phát động, và chung sức lãnh đạo, việc đòi hỏi công bằng xã hội và bình đẳng tôn giáo vốn bị chế độ Ngô Đình Diệm luôn áp đặt để tàn phá Phật Giáo.

Năm 1963, Ngài là một trong những vị Tăng Sĩ nòng cốt lãnh đạo phong trào đấu tranh bất bạo động chống chính sách kỳ thị, đàn áp Phật giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm. Vì muốn Thiên Chúa Giáo độc tôn và muốn anh ruột Tổng Giám Mục Ngô Đình Thục làm Hồng Y sớm, nên ông Diệm xuống tay đàn áp Phật Giáo. Dù số 10 được thêm Dự bổ túc, tăng cường sự hạ giá và kỳ

thị Phật Giáo. Chính quyền cho sửa điện Thái Hòa trong Hoàng Thành Huế, có lưỡng long mà không có nhật nguyệt để cắm Thánh Giá. Mọi việc suôn sẻ thì tòa Hồng Y sẽ đặt ở đó. Cao trào nhất là mùa Phật Đản 2507 (tháng 5 năm 1963), ông Diệm chính thức ra lệnh triệt hạ cờ Phật Giáo để Vatican thấy hầu hết dân Huế theo đạo Chúa, và tang thương nhất là chính Ngài và Hòa Thượng Mật Nguyễn chứng kiến giết sát hại của 8 Phật tử tại Đài Phát Thanh Huế vào đêm ngày 8 tháng 5 năm 1963. Vì thế, Hòa Thượng đã công bố Tuyên Ngôn 5 điều sau đây:

1/ *Phật Giáo tự giới hạn, chỉ phản đối chính sách ngược đãi Phật Giáo của chính phủ. Phật Giáo không bước qua những địa hạt khác, nhất là địa hạt quyền chức chính quyền.*

2/ *Phật Giáo tuyệt đối sử dụng phương cách "bất bạo động".*

3/ *Phật Giáo không mưu độc tôn, không cầu độc tôn, nên không thấy ai, kể cả Thiên Chúa Giáo là đối nghịch.*

4/ *Phật Giáo không mưu hại ai, không thiên ai để hại ai. Nếu thất bại, Phật Giáo coi là sự thất bại của chân lý trước bạo lực, không phải thất bại như bạo lực kém bạo lực.*

5/ *Sau hết, nhưng quan trọng nhất, là Phật Giáo thỉnh cầu các bậc lãnh đạo thực thể đối trận, đừng khai thác gì về cuộc vận động của Phật Giáo. Vì làm như vậy thì đối phương quý vị lấy cớ để hại Phật Giáo mà thôi.*

Năm 1964, Đại Hội Thống Nhất Phật Giáo tại Sài Gòn, Ngài được bầu làm Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Năm 1966, Hòa Thượng bị bắt giam và quản thúc tại Sài Gòn, ngài đã phản đối và phát tâm tuyệt thực 100 ngày, ngài tuyên bố: *"chúng tôi nguyện đem xương máu để trang trải cho Phật Pháp và nếu chết là chết như cái chết của Chân Lý trước bạo lực, chứ không phải bạo lực này chết vì kém bạo lực khác".*

Sau vụ Sắc Luật 23/67, Hòa Thượng trở về ẩn tu, nỗ lực phiên dịch Kinh sách và hướng dẫn Tăng Ni tu học.

Từ năm 1975 đến năm 2012, Đại lão Hòa Thượng tịnh tu, trước tác, biên dịch kinh điển tại Chùa Ân Quang và Tu Viện Quảng Hương Già Lam.

Năm 2013, ở tuổi 91, sau hơn 50 năm lưu trú ở Sài Gòn, Đại lão Hòa thượng đã trở về thăm quê nhà Quảng Bình, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi được Bốn sư thế độ xuất gia, thăm lại mộ phần của song thân, và sau đó, Ngài quyết định lưu lại chốn cũ là Tổ Đình Từ Đàm, tiếp tục việc dịch thuật kinh điển và chuyên tâm hành trì cho tới ngày viên tịch.

Sau vài ngày pháp thể khiêm an Đại lão Hòa thượng đã thuận thể vô thường an nhiên viên tịch tại phương trượng Tổ Đình Từ Đàm, Cổ đô Huế lúc 21 giờ 45 phút ngày 8 tháng 11 năm 2019 (nhằm ngày 12 tháng 10 năm Kỷ Hợi), trụ thế 97 năm, 72 hạ lạp.

Theo thông báo của Tỳ kheo Thích Hải Ấn, Trụ Trì Tổ Đình Từ Đàm, gửi đi ngày 8 tháng 11 năm 2019, di huấn của Cổ Hòa Thượng Trưởng Lão là:

1/Sau giờ chết rồi độ 6 giờ là liệm.
2/Liệm rồi các Pháp tử lạy 3 lạy rồi là đưa ra xe tang.

3/ Không bần thờ, bát nhang, báo tang, thành phục, đưa đám, phúng điếu.

4/ Chuyển đến lò thiêu; thiêu rồi đem về chùa làm tuần, chung thất, trăm ngày, tiểu tường và đại tường.

5/Mỗi lễ chỉ tụng một trong các kinh: Địa tạng, Kim cương, Bồ tát giới, Pháp hoa và Thủy Sám.

6/Mỗi lễ đều không thông báo và mời ai dự cả.

4/ Phiên dịch Kinh Điển:

Trong cuộc đời của Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Quang, điều quan trọng nhất đối với Ngài là dành nhiều thời giờ cho việc phiên dịch, biên soạn và in ấn Kinh điển để giúp Tăng, Ni, Phật tử có thêm tài liệu nghiên cứu, tu tập mà chính Ngài đã bày tỏ trong Tiểu Truyện Tự Ghi rằng "Sự biên dịch Kinh Sách của tôi mới đích thực là thị hiếu và chỉ hướng bình sinh của đời tôi và là mong ước của Mẹ tôi". Dưới đây là một số tác phẩm và dịch phẩm của Hòa Thượng: Về Kinh Tạng: Kinh Duy-ma, Kinh Vu Lan. Kinh Kim Cương, Kinh Anh Sáng Hoàng Kim, Kinh Viên Giác, Kinh Giải Thâm Mật, Kinh Hoa Sen Chánh Pháp, Kinh Thắng Man, Thủy Sám, Lương Hoàng Sám, Dược Sư Kinh Sám, Kinh Địa Tạng, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Ba Ngàn Danh Hiệu Phật... Về Luật Tạng: Bồ-tát giới Phạm võng, Tỳ-kheo giới, Tỳ-kheo-ni giới, Thúc-xoa-ma-na-ni giới, Sa-di và Sa-di-ni giới, Quy Sơn Cảnh Sách... Về Luận Tạng: Luận Khởi Tín, Luận Đại Trượng Phu, Di bộ tổng luận, Luận Chi Quán, Nhiếp đại thừa luận. Và những tác phẩm khác: Cao Tăng Pháp Hiển, Ngọn lửa Quảng Đức, Người Xuất Gia, Vua Lương Võ Đế, Người Phật tử tại gia, Tâm Ảnh Lục....

Trải suốt cuộc đời gần một thế kỷ, từ khi xuất gia, hành đạo cho đến lúc viên tịch, Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Quang đã nỗ lực không ngừng trong công cuộc xiển dương đạo pháp. Cuộc đời Ngài là một tấm gương sáng ngời về đạo hạnh và sự nghiệp hoằng hóa của Ngài xứng đáng cho Tăng ni và Phật tử noi theo. Mặc dù sắc thân của Ngài không còn nữa nhưng đạo hạnh và sự nghiệp hoằng hóa của Ngài sẽ mãi mãi là ngọn đuốc soi đường cho Tăng Ni Phật tử Việt Nam ở mai sau.

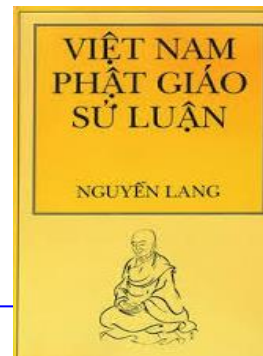
Nam Mô Tân Viên Tịch Tự Lâm Tế, Thiên Đồng Thiên Phái, Phổ Minh Môn Hạ, Nguyễn Thiều Pháp Hệ, Tứ Thập Nhất Thế, Từ Đàm đường thượng, Việt Nam Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội, Nguyễn Viện Tăng Thống Chánh Thư Ký, húy thượng Nhật hạ Quang, tự Trí Hải, hiệu Thiên Minh, đạo hiệu Trí Quang, Đại Lão Hòa Thượng Giác Linh thù từ chứng giám.

(Môn đồ pháp quyến phụng soạn
- Nguồn: quangduc.com)

THIỆN SƯ KHÁNH HÒA VÀ CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG Ở NAM KỲ

(Chương XXVII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

THIỆN SƯ TRÍ THIÊN

Việc thiện sư Liễu Như lãnh đạo một số tăng sĩ gia nhập chiến khu chống Nhật đã có ảnh hưởng lớn trên đường lối hoạt động của hội Phật Học Kiêm Tế. Vào khoảng cuối năm 1939, chùa Tam Bảo bị đóng cửa, thiện sư Trí Thiên bị bắt và đày đi Côn Đảo. Các vị cộng sự của ông đều bị bắt. Thiện Chiếu nhờ may mắn trốn được về Sài Gòn.

Vai trò của Thiện Chiếu trong hội Phật Học Kiêm Tế đã rõ ràng, nhưng Thiện Chiếu đã chuyên về lý thuyết nhiều hơn là hành động. Chính Trí Thiên và các người đồng chí của ông đã chấp trì phần thực hành.

Thiện sư Trí Thiên, tên tục là Nguyễn Văn Đồng, sinh năm 1882 tại Rạch Giá. Ông xuất gia tại chùa Tam Bảo ở Rạch Giá. Chưa biết bốn sư của ông là ai và ông đã được học Phật tại chùa nào. Ông thuyết pháp rất dễ hiểu và rất trôi chảy. Ngoài việc trùng tu chùa Tam Bảo, ông còn tạo lập được chùa Tam Bảo Từ Tôn tại Sóc Xoài cách Rạch Giá chừng mười lăm cây số và một ngôi chùa chưa rõ tên ở Hòn Quéo, một hòn đảo sát ven biển Vịnh Xiêm La, không xa Sóc Xoài là mấy. Ông đã bắc một cây cầu đúng một trăm nhịp từ bán đảo Hòn Me ra tới Hòn Quéo.

Năm 1932, lúc làm cố vấn cho hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học ông đã 50 tuổi. Ông rất tán đồng lập trường tiến bộ của Thiện Chiếu, và vui lòng xem Thiện Chiếu là một người đồng chí. Trong thời gian vận động xin phép thành lập hội Phật Học Kiêm Tế, ông được tiếp xúc với đồng chí của ông Vũ Ngọc Hoàn từ Sa Đéc tới (Ông Vũ Ngọc Hoàn là nho sĩ trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, có cử nhân Hán học, bị thực dân Pháp giam lỏng tại Sa Đéc). Đây là một trong những lý do khiến cho chùa Tam Bảo trở thành một căn cứ kháng

chiến bí mật. Chính Thiện Chiếu và những người đồng chí của ông đã đem đường lối xã hội chủ nghĩa tới cho căn cứ này. Để tỏ hết lòng ủng hộ đường lối của hội Phật Học Kiêm Tế, Trí Thiên đã làm gãy cúng hết chùa chiền và tài sản của chùa cho Hội.

Những người cộng sự của Trí Thiên và Thiện Chiếu là ai, ngoài một vị tăng sĩ tên là Thiện Ân bị bắt trong năm 1939, ta hiện chưa sưu khảo được. Tiến Hóa số 1 có đăng một danh sách của ban Trị Sự hội Phật Học Kiêm Tế, trong đó những vị sau đây phụ trách về giảng dạy tại chùa Tam Bảo, có thể cũng đã bị bắt một lần với Trí Thiên: Phan Thanh Hà, Lê Văn Các, Nguyễn Văn Phò, Lê Văn Diệu, Nguyễn Minh Được, Giang Minh Xinh.

Khi chùa Tam Bảo bị đóng cửa, ít ai dám nói "chuyên tai" về vụ này, và ở Rạch Giá bây giờ ít người biết nhiều chi tiết về vụ chùa Tam Bảo. Năm 1945 có người từ Côn Đảo về cho biết thiện sư Trí Thiên đã chết vì bệnh tại Côn Đảo. Sau Cách Mạng Tháng Tám, chùa Tam Bảo mới được mở cửa trở lại và một lễ cầu siêu lớn đã được tổ chức tại chùa để cầu nguyện cho Trí Thiên và các đồng chí của ông.

THIỆN SƯ THIÊN CHIẾU

Trốn được về Sài Gòn, Thiện Chiếu bỏ hẳn việc theo đuổi phụng sự Phật giáo mà chỉ tiếp tục hoạt động cho cách mạng chống Pháp. Năm 1940 ông tham dự vào phong trào Nam Kỳ Khởi Nghĩa ở Hóc Môn, Bà Điểm. Năm 1942, ông bị mật thám Pháp bắt được, đày đi Côn Đảo. Ông bị tra tấn đến bại xuội. Sau Cách Mạng Tháng Tám 1945, ông được trở về đất liền. Trong thời kháng Pháp ông làm Tỉnh ủy tỉnh Gò Công. Năm 1954, ông đi tập kết ra Bắc. Năm 1956, ông làm ở Viện Triết Học Ủy Ban Khoa Học Xã Hội. Năm 1965 ông về hưu

trí. Ông mất ở Hà Nội ngày 6 tháng Bảy âm lịch (năm 1974) thọ 76 tuổi.

Thiện Chiêu là một người đầy nhiệt huyết, vừa yêu mến đạo Phật vừa có lý tưởng cách mạng. Tiếc là ông đã không tìm được con đường khác để có thể sử dụng được tiềm lực của đạo Phật và đi xa hơn. Ta hãy đọc những dòng sau đây mà ông viết hồi ông còn bắt đầu thất vọng về hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học.

"Đau đớn thay! Lạ lùng thay! Muốn bênh vực cho rằng Phật giáo không phải là một đạo mê tín hoang đường, thì sờ sờ ra đó biết bao nhiêu là việc huyền hoặc dị đoan! Muốn bào chữa cho Phật giáo không phải là một đạo hữu-thần, thì nhan nhản ra đó cũng cầu xin cúng chuộc tội, có khác nào những kẻ ý lại thần quyền! Muốn khoe Phật giáo là một đạo cứu đời thì hàng Phật tử {nếu} không phải chán đời mà lên non ẩn dật ắt cũng ích kỷ chỉ lo quanh quẩn trong gia đình, chớ không biết gì đến công ích xã hội cả! Muốn nói Phật giáo là đạo thoát khổ, thì người có theo đạo có làm đạo cũng buồn rầu khiếp sợ, cũng theo hoàn cảnh mà đổi dời, cũng cực khổ lầm than, chỉ cứ trông đợi kiếp sau chớ không biết ra tay mà cải tạo! Như vậy bảo sao Phật giáo không tiêu diệt theo các tôn giáo trước khi thế giới đại đồng cho được? Thế thì người có nhiệt tâm với nhân loại quần sanh - phải lo tìm phương bổ cứu, duy trì, hay chỉ khoanh tay ngồi ngó và than vãn thở dài mà thôi?"

"Nếu thiệt có lòng muốn bổ cứu, duy trì Phật giáo là một chiếc thuyền tế độ ở giữa biển khổ sông mê, không nở để cho tiêu diệt theo các tôn giáo khác, thì chẳng những giáo hội (hay hạng người xuất gia), phải nghiên cứu Phật giáo, phát dương những ý hay nghĩa lạ ra cho thích hợp với chỗ nhu yếu của nhân sanh, dẹp bỏ hết các việc mơ hồ trái lẽ, chớ quá chấp nê theo hủ tục, mà tín đồ (hay hạng người tại gia) cũng phải làm cho tròn cái bổn phận của một người tín ngưỡng Phật giáo, một cách chơn chánh, cũng phải kiêu chánh lại những chỗ sai lầm của Giáo Hội (vì Giáo Hội hiện thời là một Giáo Hội hư hèn, không có trật tự), chớ nên vì ý riêng, vì tình cảm mà chia phe lập đảng, tin bướng theo càn. Được như vậy thì cái sáng Phật giáo mới mong chói lọi ở Đại Đồng thế giới sau này" (42).

Những dòng trên ông viết vào ngày 1.4.1932, nghĩa là chỉ đúng một tháng sau ngày ra đời của tạp chí Từ Bi Âm. Lúc ấy ông cư trú tại chùa Hưng Long ở quận IV thành phố Chợ Lớn. Ông không đồng ý với cách thức và tinh thần làm việc của những người như Trần Nguyễn Chấn đã đành, ông lại bất mãn cả với thiền sư Khánh Hòa và những vị khác lúc ấy đang cộng tác với Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học như Bích Liên và Liên Tôn nữa. Trong số các vị tôn túc có mặt, ông chỉ mến chuộng một người là thiền sư Trí Thiện, lúc ấy làm cố vấn cho hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, mà ông cho là tri kỷ. Ông cho rằng cái cách "nghiên

cứu" của hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học không phải là thứ "nghiên cứu" đúng đắn. Ông viết: *"Nói rằng nghiên cứu là phải lấy phương pháp thiết nghiệm của khoa học làm căn bản, lấy sự thiết trên lịch sử làm chứng cứ, thì mới có thể phát huy được nghĩa mầu trong sách Phật, và mới tránh khỏi những sự hoang đường vô lý của người sau thêm vào, chớ không phải cứ theo sách mà dịch càn rồi cũng xưng là Nghiên Cứu Phật Học! Và phải làm thế nào cho tín đồ có sự hiểu biết thông thường về Phật giáo thì người ta mới biết cái bổn phận của người tại gia, mới biết chỗ sai lầm của Giáo Hội" (43).*

Chữ Giáo Hội mà Thiện Chiêu vừa dùng có nghĩa là giới tăng sĩ. Quan niệm về nghiên cứu của ông là một quan niệm đúng đắn, nhưng đứng trong hoàn cảnh ấy, ông rất đơn thương độc mã, vì vậy không ai nghe lời ông và ông không hề đóng góp một bài nào cho tạp chí Từ Bi Âm. Nhất quyết bất hợp tác với hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, ông trở về biên soạn những cuốn sách về Phật học mà ông tự xuất bản lấy với sự ủng hộ của một số các bạn ông, trong đó có các ông Phạm Đình Vinh, Nguyễn Văn Thiện và cố nhiên là Thích Trí Thiện. Ông viết và in trên mười cuốn sách. Trong số các sách ấy, có sách bán mà cũng có sách tặng. Những người nào mua sách thì gửi tiền về chùa Hưng Long, những người nào hảo tâm muốn ấn tống kinh sách thì gửi tiền về cho Nguyễn Văn Đồng tức là thiền sư Trí Thiện ở chùa Tam Bảo Rạch Giá. Sách của ông rất được giới công, tư chức có tâm học rất hoan nghênh. Tuy vậy theo các tạp chí Viên Âm và Duy Tâm thì các sách này chưa chín chắn và đúng mức. Sự thực cũng có như vậy, bởi vì ông đã căn cứ trên sách vở Tây phương hơn là điển tịch Đông phương để sáng tác và dịch thuật. Ông đã căn cứ hơi nhiều trên những sáng tác và những bản dịch ngoại ngữ.

Tìm kiếm mãi mà không gặp được người đồng chí, và va chạm mãi với những phần tử bảo thủ và lạc hậu trong giới tăng sĩ, ông trở thành bất đắc chí, liền cởi bỏ áo tăng sĩ của mình. Năm 1936 ông về Rạch Giá, ở lại chùa Tam Bảo, và cùng Trí Thiện vận động thành lập hội Phật Học Kiểm Tế. Lúc này ông đã hoàn toàn bất mãn với tất cả hội Phật giáo. Ông muốn làm một cái gì thật khác biệt, thật tiến bộ. Hội Phật Học Kiểm Tế đã tổ chức rất khôn khéo. Tuy tư tưởng và hành động của hội có tính chất tả khuynh, hình thức của hội được hóa trang rất kỹ. Ta thấy trong những chức vụ quan trọng của hội những nhân vật có tính cách bảo thủ như Tổng Quang Huy, đốc phủ sứ hồi hưu; Đỗ Khôn Mậu, đại thương gia; nguyên đại thương gia; Nguyễn Đức Huệ, nghiệp chủ; Đỗ Kiệt Triệu, đốc phủ sứ hồi hưu; Huỳnh Văn Yển, đốc học; Nguyễn Văn Phụng, thương gia v.v... Nhiều người trong số này đã bật ngựa khi hành tung cách mạng của hội bị Nhà nước Lang Sa phát giác. Nếu hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học đại diện cho phái cực hữu của phong trào

chấn hưng Phật giáo thì hội Phật Học Kiêm Tế có thể được nhận định là đại diện cho phái cực tả của phong trào.

Thiền Chiêu tên đời là Nguyễn Văn Sáng (có lúc thì tên Nguyễn Văn Tài). Ông có bí danh là Xích Liên "bông sen đỏ." Ông sinh năm 1898 tại Gò Công. Hồi 8 tuổi ông đã được theo hầu ông nội, hồi đó là thiền sư Huệ Tịnh trú trì chùa Linh Tuyền ở xã Long Hựu, tỉnh Gò Công. Thiền sư Huệ Tịnh rất tinh thâm nho học. Thiền Chiêu học chữ Nho rất mau chóng và lúc 12 tuổi đã có thể "trùng tuyên" Sa Di Luật Giải một cách thông thạo. Từ năm 16 tuổi ông đã đọc được văn quan thoại, và tuy chỉ tự học, ông cũng đọc được sách Pháp dù ông nói tiếng Pháp không trôi chảy. Năm 21 tuổi ông lên Sài Gòn để tìm học thêm và đến năm 1926 về làm trú trì chùa Linh Sơn ở số 146 Douaumont Sài Gòn. Tại Sài Gòn ông được đọc nhiều tân thư của Trung Hoa và biết nhiều về những biến chuyển về chính trị và tôn giáo tại Trung Quốc. Ông được đọc Duy Vật Biện Chứng Pháp trong tân thư bạch thoại. Ông được làm quen với thiền sư Khánh Hòa vào khoảng năm 1926. Ông qua đời năm 1974 tại Hà Nội, thọ 76 tuổi.

Những chi tiết trên về cuộc đời Thiền Chiêu do thiền sư Hiến Chơn, một cao đệ của thiền sư Khánh Hòa cung cấp. Theo thiền sư Hiến Chơn, Thiền Chiêu có ba người con. Người con lớn là Nguyễn Văn Đức đã cùng cha đi tập kết ra Bắc năm 1954. Hai người còn lại ở với mẹ, một người làm y sĩ quân đội miền Nam và một người làm giáo sư Anh văn. Bà sùng phụ vẫn còn sống tại Phú Nhuận, Gia Định. Cũng theo thiền sư Hiến Chơn, trong thời gian ở Bắc, Thiền Chiêu đã tỏ ra bất mãn {...}, khi thấy có những người không thực sự muốn cho Phật giáo phát triển {...}.

Ngoài *Phật Học Vấn Đáp* và *Phật Hóa Tân Thanh Niên*, Thiền Chiêu còn viết các tập *Cái Thang Học Phật*, *Phật Học Tổng Yếu*, *Phật Pháp là Phật Pháp*, *Tranh Biện*, *Tôn Giáo*, và *Tại Sao Tôi Cảm Ôn Đạo Phật*. Ông còn dịch *Kinh Lăng Nghiêm*, *Kinh Pháp Cú*, *Phật Giáo Vô Thần Luận* của thiền sư Thái Hư ở Trung Quốc. Tất cả các sách này đều đã được xuất bản tại Sài Gòn.

TẠP CHÍ PHÁP ÂM VÀ HỘI TỊNH ĐỘ CƯ SĨ

Không phải chỉ có hội Phật Học Kiêm Tế và tạp chí Tiến Hóa là tổ chức có màu sắc thiên tả duy nhất. Ở Nam Kỳ hội ấy còn có hội Tịnh Độ Cư Sĩ, và tạp chí Pháp Âm do hội xuất bản cũng là một tổ chức đã từng bày tỏ lập trường thiên tả. Trong hội này có những cư sĩ cùng thể hệ với Thiền Chiêu, trong số đó có những người là bạn của ông như các ông Phan Hiền Đạo và Phạm Đình Vinh. Hội Tịnh Độ Cư Sĩ được thành lập sớm hơn hội Phật Học Kiêm Tế và tạp chí Pháp Âm ra đời sớm hơn Tiến Hóa đúng một năm. Thiền Chiêu không viết bài báo này, có lẽ là vì trong những số đầu, Pháp Âm không có lập trường mạnh dạn và dứt khoát như ông mong



muốn. Nhưng từ số 7, Pháp Âm lấy lập trường ủng hộ đường lối phục hưng các tổ chức Phật giáo lúc bấy giờ. Kỳ giả Đông Giao (tháng Bảy 1937) lên án các hội là chỉ chú trọng tinh thần mà bỏ quên thực tế, chỉ biết nghĩ về vị lai mà bỏ quên hiện tại, chỉ nói suông mà không biết thực hành(44). Các cây bút Ngô Không và Quốc Tri cũng lên tiếng chủ trương rằng chấn hưng Phật giáo phải nhằm vào mục đích "gây thành một thể lực mà ứng phó với thời cơ" (45), rằng sở dĩ các hội Phật giáo không được quần chúng ủng hộ mạnh mẽ là tại vì "đi trái với nhu cầu của nhân loại" (46). Từ số 13 trở đi, Pháp Âm lên tiếng ủng hộ lập trường của Tiến Hóa. Hội Tịnh Độ Cư Sĩ vốn là hội của những người cư sĩ tu theo Tịnh Độ Giáo: đối với hội, sự có mặt của tu sĩ không cần thiết mấy, vì vậy Pháp Âm đã "hết sức ủng hộ việc bỏ cái lối đầu trục áo vuông" do Tiến Hóa đề nghị. Pháp Âm viết: "Hòa Thượng Huệ Đăng chùa Thiên Thai Bà Rịa, hòa thượng Từ Phong chùa Giác Hải Chợ Lớn, sự cụ Đồ Văn Hỷ chùa Bà Đá v.v... đối với Phật giáo thế giới có ảnh hưởng bằng các vị "thế gian" như Âu Dương Kiến Vô, Dương Nhân Sơn, Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Sylvain Lévi, Rhys David không?" (47). Pháp Âm lại hô hào "thủ tiêu chế độ của riêng" trong nhà chùa, kêu gọi chư tăng theo gương hòa thượng Nguyễn Văn Đồng trú trì chùa Tam Bảo cùng hết chùa và tài sản cho hội Phật Học Kiêm Tế.

Hội Tịnh Độ Cư Sĩ đặt cơ sở ở chùa Tân Hưng Long, xã Phú Định, Chợ Lớn, dựa bên đường Rạch Cát. Tuy không có hội viên tăng sĩ nhưng hội đã tôn một tăng sĩ tên là Minh Trí làm tông sư chứng minh. Chủ nhiệm Pháp Âm là ông Lê Văn Hậu, chủ bút là Trần Quỳnh, người đã từng cộng tác với tạp chí Duy Tâm của hội Lương Xuyên Phật Học (48).

Phạm Đình Vinh, một cộng tác viên của Pháp Âm, cũng như Thiền Chiêu đã chấp nhận đường lối phục hưng Phật giáo theo tinh thần xã hội chủ nghĩa. Ngày 15.8.1937, diễn thuyết tại trụ sở hội An Nam Phật Học ở Huế về đề tài "Luân lý của đạo Phật, ông đã tuyên bố: "*Luân lý cũng như nghệ thuật, triết học, pháp luật, tư tưởng, văn tự, ngôn ngữ... đều là "ý thức hình thái" (ideologie) của xã hội mà ta thường gọi là*



Tông Sư Minh Trí (giữa) và hai ông Lương Văn Đường, Lâm Văn Hậu (nguồn: tinhdocusiphathoi.vn)

tinh thần văn hóa cũng phải thay đổi hết. Theo ý tôi thì chỉ có hai cách. Một là nếu muốn cho xã hội tín ngưỡng và thực hành luân lý đạo Phật thì phải làm cho công bình, đừng cho ai lợi dụng. Hai là phải vận động khắp thế giới thủ tiêu hết các chế độ tài sản tư hữu... mới thực hiện được tinh thần vô ngã của đạo Phật". Và ông nói rằng cách thứ hai hữu hiệu hơn (49).

Tạp chí Pháp Âm không hề tường thuật nội dung bài diễn thuyết có màu sắc biện chứng hay duy vật này.

Sau khi ra được mười sáu số, tạp chí Pháp Âm đình bản. Tuy vậy, hội Tịnh Độ Cư Sĩ vẫn tiếp tục hoạt động cho đến ngày nay. Tại miền Nam, tỉnh nào cũng có chùa của hội, nhất là tại các tỉnh Cần Thơ, Ba Xuyên, An Xuyên và Gia Định. Phần lớn những chùa này đều có tăng sĩ trú trì và hướng dẫn nghi lễ tụng niệm. Một trong những công trình hành đạo đáng kể của các chùa Tịnh Độ Cư Sĩ là cung cấp thuốc Nam, mỗi chùa mở một phòng thuốc Nam, và vào rừng hái thuốc. Thuốc hái được đem phơi tại sân chùa và mỗi thứ được cất giữ trong một hộc lớn. Phòng thuốc nào cũng biết phối hợp các thứ lá cây này để làm thành những thang thuốc chữa các bệnh phổ thông như cảm, cúm, rét rừng, ho, đi tiêu v.v... Hầu hết các chùa Tịnh Độ Cư Sĩ ở miền quê đều có mở một phòng thuốc như vậy.

Ngoài các tổ chức đã kể, tại Nam Kỳ hồi đó còn có những hội Phật giáo sau đây được thành lập:

- Hội Thiên Thai Thiền Giáo Tông Liên Hữu, do thiền sư Huệ Đăng sáng lập năm 1934, trụ sở đặt tại chùa Thiên Thai, Bà Rịa.

- Hội Phật giáo Tương Tế do vị trú trì chùa Thiên Phước tên là Lê Phước Chi ở Sóc Trăng sáng lập vào khoảng 1934

Những hội này không có chi hội tại các tỉnh, không có xuất bản tạp chí và không có ảnh hưởng gì đáng kể.

PHẬT HỌC TÙNG THƯ

Vào khoảng 1932, tại Sài Gòn cư sĩ Đoàn Trung Còn thành lập một nhà xuất bản ấn hành thư tịch Phật học bằng quốc ngữ. Nhà xuất bản này lấy tên là Phật Học Tùng Thư. Phần lớn những tác phẩm của Phật Học Tùng Thư đều do từ tay ông trước dịch. Từ năm 1931, ông đã cho ra các sách Chuyện Phật Đời Xưa, Văn Minh Nhà Phật Qua Tàu, và Triết Lý Nhà Phật. Những sách này lần đầu được nhà Agence Saigonaise de Publicité ấn hành. Tiếp theo, ông cho xuất bản các sách truyện *Truyện Phật Thích Ca* (1932), *Tặng Đồ Nhà Phật* (1934) và *Các Tông Phái Đạo Phật Ở Viễn Đông* (1935). Đoàn Trung Còn là một cư sĩ có tâm học và những sách ông được biên soạn hoặc phiên dịch thường căn cứ trên những thư tịch Phật giáo Tây phương. Sách của Đoàn Trung Còn được lưu hành rộng rãi: ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ cũng có nhiều người gửi mua sách của Phật Học Tùng Thư. Để phổ biến rộng rãi các tác phẩm của mình, Phật Học Tùng Thư kêu gọi độc giả "phát tâm ấn tống" nghĩa là mua sách của Phật Học Tùng Thư với giá đặc biệt để tặng không cho những người muốn học Phật. Chủ nhiệm của Phật Học Tùng Thư viết:

"... Trong các việc bố thí, chỉ có bố thí pháp, ấn tống kinh điển là cao quý hơn hết. Người thí pháp chẳng những được yên ổn phước lạc nơi nhà cửa họ hàng hiện tại mà cho đến cứu huyền thất tổ cũng được hưởng phước đức mà siêu thăng" (50).

Phật Học Tùng Thư đã xuất bản được 39 tác phẩm, tính đến 1965, và có cuốn đã được tái bản nhiều lần. Ngoài những bản dịch các kinh như *Diệu Pháp Liên Hoa*, *Na Tiên Tỷ Kheo*, *Pháp Bảo Đàn*, *Vô Lượng Thọ*, *Quán Vô Lượng Thọ*, *Địa Tạng*, *Di Lạc*, *Bồ Tát Giới*, *Kim Cang*



v.v..., Phật Học Tùng Thư còn xuất bản những sách như *Truyện Phật Thích Ca*, *Du Lịch Xứ Phật*, *Đạo Lý Nhà Phật*, *Chuyện Phật Đời Xưa*, *Văn Minh Nhà Phật*, *Triết Lý Nhà Phật*, *Pháp Giáo Nhà Phật*, *Tăng Đồ Nhà Phật*, v.v... Đáng kể nhất là những tập đầu của bộ *Phật Học Tự Điển* (do Đoàn Trung Còn và Huyền Mặc Đạo Nhân biên soạn) đã được bắt đầu xuất bản. Năm 1965, Phật Học Tùng Thư đã cho ấn hành *Yến Sảng Á Châu*, bản dịch bằng thơ lục bát của tác phẩm *The Light Of Asia*, nguyên tác của Sir Edwin Arnold, biên soạn về cuộc đời Đức Phật (51). Rất tiếc văn lục bát của Đoàn Trung Còn không đủ sức chuyên chở chất liệu thi vị của nguyên tác. Phật Học Tùng Thư đã đóng góp đáng kể vào công trình phổ thông Phật Học. Cư Sĩ Đoàn Trung Còn sau này còn sáng lập một tổ chức lấy tên là Tịnh Độ Tông Việt Nam có cơ sở rải rác ở miền Nam. Hội này được thành lập năm 1955 và đặt trụ sở tại chùa Giác Hải ở Phú Lâm, Chợ Lớn. Sau đó, hội được dời về chùa Liên Tông, 145 đường Đề Thám, Sài Gòn. Cộng tác với ông Đoàn Trung Còn, có các ông Nguyễn Văn Vật, Ngô Trung Hiếu, Nguyễn Văn Thiện.

(42) Thiện Chiếu: Phật Giáo Vấn Đáp, chùa Hưng Long Chợ Lớn xuất bản, 1932.

(43) Sách đã dẫn.

(44) Pháp Âm số 7 (tháng Bảy 1937).

(45) Pháp Âm số 10 (tháng Mười 1937).

(46) Pháp Âm số 12 (tháng Chạp 1937).

(47) Pháp Âm số 13 (tháng Hai 1938).

(48) Hội Tịnh Độ Cư Sĩ là hậu thân của một hội khác tên là hội Lê Bái Lục Phương thành lập trên căn bản kinh Thi Ca La Việt. Hội có một trụ sở nhánh tại chùa Hưng an ở Cà Mau, khánh thành vào ngày 24.2.1937. Những nhân vật chính của hội là các ông: Lương Văn Đường, Nguyễn Văn So, Lê Văn Chim, Lại Văn Giáo, Phạm Đình Vinh, Trương Văn Thủ, Trần Văn Nhân, Đặng Văn Thìn, Ngô Quang Minh, Ngô Văn Thăng và Nguyễn Văn Thiên.

Thiền sư Minh Trí tên đời là Nguyễn Văn Bằng, sinh năm 1885 tại Sa Đéc. Ông xuất gia năm 33 tuổi và thường hay vân du tìm hái những cây lá có được tính để cứu bệnh cho người. Hội Tịnh Độ Cư Sĩ được thành lập năm ông 48 tuổi. Chùa Tân Hưng Long làm lễ khánh thành vào năm 1936. Chính vào năm đó ông được tín đồ xưng là Tông Sư Minh Trí.

(49) Tiến hóa số 2 (Tháng Hai 1938).

(50) Lời kêu gọi này thường được in vào cuối sách.

(51) Tác phẩm này cũng đã được Võ Đình Cường sử dụng để viết cuốn Ảnh Đạo Vàng.

NHỚ ÔN

*Cuộc đời không vẫn hoàn không
Thịnh suy, suy thịnh hoài mong điều gì?
Chỉ còn hai chữ Từ Bi
Sớm khuya thiền quán thọ trì Tâm kinh
Lòng con tạc dạ đỉnh ninh
Nhớ lời di huấn Kim Cang để đời
Đại thừa tuyên thuyết muôn nơi
Vô thường đến hoa mặt trời nở tung.*

*Sóng Hương nuôi tiếc ngưng dòng...
Ngự Bình chùng xuống với lòng nhớ thương
Ôn đi về cõi Chân Thường
Để lời di huấn soi đường cõi đây.*

(Ngày 09/11/2019)

NGỌN LỬA TRÀ TỶ

*Lửa đốt, niềm đau của chúng con
Ôn không quản ngại chuyện mắt còn
Chẳng chút bận tâm nơi hình thức*

*Canh cánh bên lòng chuyện nước non
Dòng chảy đục trong trên sông hương
Con mưa rả rích cõi vô thường
Từ Đàm lá rụng lòng quạnh vắng
Ôn đã đi về cõi khói sương
Đạo pháp giữa nghiêng lòng quặng sắt
Dem Bi Trí Dũng hiển dăng đời
Lửa Từ Bi cháy, lòng dao cắt [1]
Cắm cúi dịch kinh quên thế thời
Ngọn lửa năm xưa Ôn đã quên
Lòng không bi thử, ân đáp đền
Vời tuổi gân trăm về cõi Phật
Ngọn lửa trà tỳ soi bóng đêm.*

(Ngày rằm tháng 10 năm Kỷ Hợi)

thơ THÍCH GIÁC TÂM

[1] Năm 1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, và được Hòa thượng Thích Trí Quang lần đầu tiên tôn xưng danh hiệu Bồ-tát.

BẬC ĐẠI TRÍ - ĐẦY DUNG DỊ

Đáng trân trọng và noi theo

Thích Viên Thành

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Thành tâm kính lễ Đại Lão Hoà Thượng Thích Trí Quang – Con người của Dân Tộc & Đạo Pháp, tân viên tịch

Còn đâu nữa bậc chân tu trí sáng (Trí Quang)

*Suốt cuộc đời vì đại nghĩa hy sinh
Cho Đạo Pháp Dân Tộc mãi an bình
Sống dung dị cùng quê hương Pháp lữ.*

Đúng như vậy, Ôn đúng là bậc Long Tượng Thiên Môn, là Nhân Tài Dân Tộc với cuộc sống Đầy Dung Dị (người viết) (1)

Ôn Thích Trí Quang là người của Dân Tộc: Sau những năm tháng “nếm mật nằm gai” để lãnh đạo cuộc đấu tranh chống lại sự “đàn áp và muốn tiêu diệt Phật Giáo” của gia đình trị Ngô Đình Diệm – họ muốn biến Việt Nam thành nước Chúa, như Phi Luật Tân, khiến từ quân chí dân đều bất mãn, đồng loạt đứng lên, làm Cách mạng 1/11/1963 thành công, nhưng tiếp theo đó là những năm tháng bất ổn chính trị, do tham quyền, rồi tham nhũng, khiến cho Dân Tộc phải liên tục chứng kiến hàng loạt cuộc đảo chính khác (2).

Từ đó Thượng Hội đồng Quốc gia Việt Nam Cộng hòa được thành lập để chuyển dần quyền lực chính quyền Việt Nam Cộng hòa từ các tướng lĩnh quân đội về sang các chính trị gia dân sự (2). Nhưng vận nước vẫn chưa thoát khỏi nạn độc tài, hết gia đình trị Ngô Đình Diệm đến chế độ Diệm-không-Diệm của Tướng Nguyễn Văn Thiệu. Dưới sự ảnh hưởng của Ngài Trí Quang và sự lãnh đạo của Chư Tôn Đức trong Hội Đồng Lương Viên (Viện Tăng Thống và Viện Hoá Đạo) GHPGVNTN lại phải tiếp tục đấu tranh và Ôn Trí Quang phải đồng lao cộng khổ với đồng bào và dân tộc cho đến 30/4/1975 và mãi đến bây giờ.

Khẩu hiệu tranh đấu của Phật Giáo lúc bấy giờ, có thể thay đổi tùy thời điểm, nhưng nói chung đều xoay quanh hai chủ đề chính: 1) Yêu cầu chính quyền sinh hoạt dân chủ và nhân quyền; và 2) Chống chế độ độc tài kỳ thị tôn giáo.

Tất cả đều đứng trên tinh thần Dân Tộc mà đấu tranh, chống lại bạo quyền ngay cả độc tài

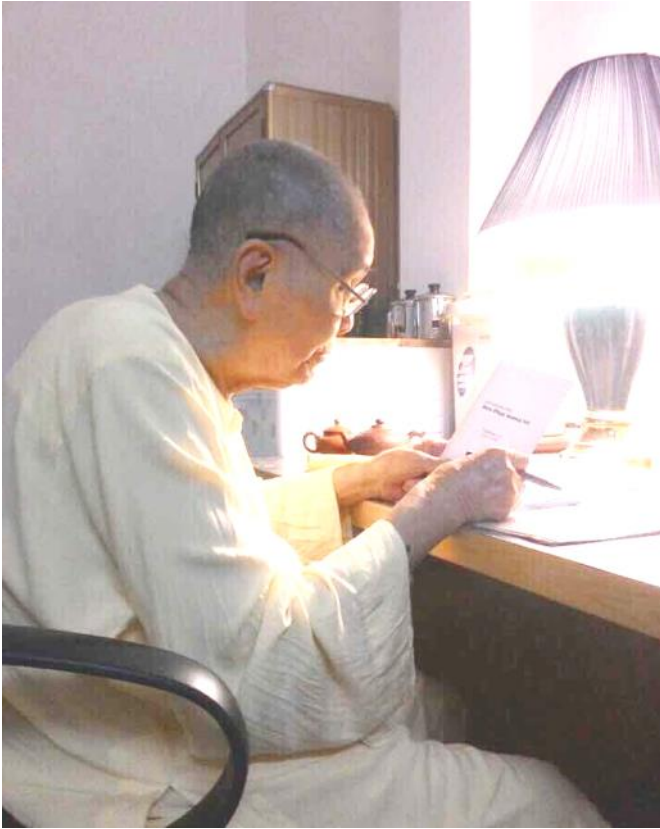
Cộng sản và đòi hỏi Tự Do Dân Chủ cho quê hương, đất nước, chứ không đứng về phe phái hay chế độ chính trị nào. Từ đó Phật Giáo Đồ nói chung và Ngài Trí Quang nói riêng, đều bị cả 2 bên Quốc Gia và Cộng sản chụp mũ.

Ôn Trí Quang là người của Đạo

Pháp: Suốt cuộc đời của Ôn đã hiến thân cho Đạo và lo phụng sự chúng sanh, từ khi bắt tay vào lãnh đạo Giáo Hội và linh hồn cho các cuộc đấu tranh, cho đến bây giờ Ôn Trí Quang không lo việc riêng, mà chỉ lo Phật sự chung với toàn đại chúng và chuyên tâm vào hành trì, phiên dịch những Kinh, Luật, Luận căn bản để làm giàu kho tàng Pháp bảo và cho Tăng Ni Phật Tử có đủ tư liệu mà tu học.

Ôn Trí Quang là người Dung Dị: Người viết được biết khá rõ về Ôn, từ khi còn ở tại Chùa Ấn Quang, nhờ có một vài huynh đệ cùng lứa, đang thường trú tại đây, nơi đây cũng là trung tâm phát xuất các cuộc biểu tình, nên Chú Kính của ngày nào cũng thường xuyên có mặt và cũng hân hạnh hay được diện kiến Ôn Trí Quang, mỗi khi Ôn bách bộ chung quanh Chùa hay khi Ôn gặp gỡ với nhiều thành phần. Từ tướng tá, thân hào nhân sĩ, doanh nhân, cho đến những công, nông, binh. Nhưng Ôn rất thích gặp, nói chuyện với những “bà già trâu” và điều mà Viên Thành nhớ nhất là lời dạy của Ôn: Này các con “Hãy trân quý và thân thiện, hướng đến những người công nông dân lao động, họ rất thuần thành, chất phác, tuy với chân lấm tay bùn, nhưng là những người hy sinh mình, hằng say sản xuất tạo ra của cải vật chất để nuôi sống xã hội và cũng rất nhiều tín tâm, thường phát tâm rộng rãi làm phước cúng dường; chứ đừng thấy những người bên ngoài mang kiếng có vẻ “trí thức” mà ham, chỉ tốn nước trà và phải nhọc lòng nghe chuyện “thị phi” với những “sở tri chướng” của họ mà thôi, khó nhận được sự phát tâm nào cho Phật sự nơi họ cả...”

Ôn Trí Quang là yếu nhân của Phật Giáo và Dân Tộc, là chứng nhân của lịch sử thời cận đại, nhưng không có Chùa và đệ tử riêng, Ôn chỉ sống bình dị trong phép “lục hoà” của đại chúng. Hết Ấn Quang, đến Quảng Hương Già Lam, rồi về lại Từ Đàm, Ôn cũng sống hài hoà



cùng tất cả. Thấy vậy có những “thế lực nhiều tiền lắm của”, muốn Ôn viết “Hồi Ký” nghe nói lại rằng: họ sẽ mua lại với giá rất cao (mấy chục triệu Mỹ kim), nhưng Ôn vẫn yên lặng và từ chối.

Đến giờ phút cuối đời, Ôn vẫn chọn cho mình một cuộc sống và cái chết đơn giản với di huấn là: “không tổ chức tang lễ, không báo tang, không lập bàn thờ, không có bát nhang, không đưa đám, không phúng điếu. 6 giờ sau khi viên tịch thì liệm, liệm xong chuyển đến lò thiêu, thiêu xong mang về chùa làm một số lễ, mỗi lễ cũng làm đơn giản, không thông báo, không mời ai dự cả.”

Có người hỏi GSTS Lê Mạnh Thát về di huấn này, thầy Thát bảo “thầy Trí Quang hết sức cẩn trọng trong hậu sự của mình, thầy yêu cầu làm đúng các quy tắc trong Kinh Niết Bàn. Người chết không làm phiền người sống, đó cũng là tinh thần của đạo Phật.”

Ôn từ chối các hình thức bề ngoài nhiều tốn kém, tốn phước, không lợi ích gì, mà mong đại chúng hãy lo hành trì và trau dồi kinh luật luận. Tuy vậy, với tâm cỡ con người của thế giới, của thời đại, đã từng làm “rung chuyển nước Mỹ” và rất nhiều bình luận, trang giấy viết về Ôn, Ôn sống bình dị gần gũi với quần chúng, cho nên Lễ Tang của Ôn đã được Chư vị lãnh đạo Phật Giáo trong và ngoài nước với nhiều Giáo hội, nhiều Tông phái và rất đông đồng bào đến viếng lễ.

Đặc biệt Chư Tôn Đức thuộc Giáo Hội Thừa Thiên Huế, lúc đầu dự định sẽ “trà tỳ” nhục

thân của Ôn tại Lò Hoả Thiêu ở Đà Nẵng. Nhưng cuối cùng quý Ngài ở Huế đã quyết định về Vườn Địa Đàng tại vùng núi phía Tây thuộc phường Thủy Dương và xã Thủy Bằng (thị xã Hương Thủy, Thừa Thiên Huế (3)). Quý Ngài đã khẩn trương trong 2 ngày dựng một lò thiêu thủ công đầu tiên tại Huế (do nghệ nhân đúc đồng Nguyễn Văn Sính thực hiện) và dựng một “rap” cao, rộng, lớn để che một Lò thiêu bằng củi có ống dẫn gas thổi đốt Kim Quan, cũng như có nơi cho Chư Tôn Đức hành lễ trước khi Trà Tỳ.

Thời gian đi trà tỳ, mặc dầu trời mưa mỗi lúc một nặng hạt, nhưng hàng vạn người dân Huế, cũng đã dầm mưa để chạy nhiều loại xe từ Chùa Từ Đàm đến Khu Kim Bằng, thành một hàng dài nhiều cây số, để tiễn đưa Kim Quan Ôn đến nơi “trà tỳ”, trên đường đi chuyển Kim Quan Ôn, các Chùa đã lập bàn thờ vong, Chư Tôn Đức và Phật Tử đã chí thành đánh lễ mỗi khi Kim Quan của Ôn đi ngang qua.

Thật là một Đại Nhân Trí Quang, với nhiều điều Dung Dị trong suốt cuộc đời, với hành xử đầy Trí Tuệ, đậm đà trong tình yêu Dân Tộc và sự dẫn thân cho Đạo Pháp phụng sự chúng sanh.

Trang sử của nhục thân Ôn tuy khép lại, nhưng “Xả Lợi So” (4) tượng trưng cho TRÍ TUỆ và tinh thần “buông xả”, “không dính mắc danh lợi”, với đời sống “dung dị” và cung cách sống, cũng như “lễ tang” của Ôn, lại khiến cho các nhà nghiên cứu, các nhà viết sử, phải tốn rất nhiều thời gian và giấy mực để viết về Ôn, thật đáng trân trọng, xứng đáng cho hàng hậu học phải chân thành đánh lễ và hành theo.

*Viết tại Chùa Pháp Hoa – Nam Úc, ngày
12/11/2019 (16/10/Kỷ Hợi)
Hậu học, TK Thích Viên Thành, kẻ thủ*

(1) (Người viết (1) Thích Viên Thành, trước đây là Chú Thị Kính, đệ tử của TLHT Thích Như Huệ trước đây là Tuyên Ủy Trưởng Không Quân Việt Nam; sau 1975 vượt biên qua Úc bây giờ là Cố Hội Chủ GHPGVNTNHN UDL-TTL. Viên Thành đã được Sư Phụ cho về tu học ở Chúng Nguyên Thiều tại PHV Huệ Nghiêm, An Dưỡng Địa, năm 1967 (nơi Hoả thiêu nhục thân Bồ Tát Thích Quảng Đức và đây cũng có một Phật Học Viên lớn nhất miền Nam lúc bấy giờ), có nhiều lớp, từ Sơ Trung nhất đến Cao Cấp, (Nguyên Thiều, Liễu Quán, Thế Thân, Vô Trước, Vạn Hạnh, Huyền Trang... tương đương từ Lớp 1 đến lớp 12, học cả nội điển Kinh Luật Luận, đến một số môn ngoại điển, với tổng cộng trên 300 vị, nên là lực lượng nòng cốt, mỗi khi có các cuộc biểu tình, Giáo Hội đều vận dụng lực lượng này. Nơi đây đã đào tạo một số vị lớn, đã thành danh, đóng góp rất lớn cho sự nghiệp hoằng dương Chánh Pháp lợi lạc quần sanh ở khắp nơi). Người viết Thích Viên Thành đã từng

hân hạnh được biết về Ôn Trí Quang qua những ngày tuyệt thực đấu tranh tại Chùa Tỉnh Hội (Pháp Bảo) Hội An, Quảng Nam – Đà Nẵng, năm 1966 và gần gũi Ôn tại Chùa Ấn Quang, cùng các huynh đệ đồng lứa trong những ngày tham gia "biểu tình Phản Đối Sắc Luật 23/67, biểu tình xuất phát từ về Chùa Ấn Quang, bằng mọi phương tiện tập trung về Trường Bồ Đề Sài Gòn, y hậu sẵn sàng với hàng ngũ chính tề, kéo ngang qua Công Trường Quách Thị Trang (Chợ Bến Thành), Quốc Hội rồi tiến về Dinh Độc Lập và nhiều lần biểu tình tiến chiếm lại VNQT vào năm 1967.

(2) Các cuộc đảo chánh sau 1/11/1963: như chính lý tháng 1 năm 1964, binh biến tháng 9 năm 1964, đảo chính tháng 12 năm 1964, đảo chính tháng 2 năm 1965, đảo chính tháng 6 năm 1965... rồi các chính phủ dân sự như: Lúc đầu Bác sĩ Hồ Văn Nhựt sau đó là GS Trần Văn Hương, rồi đến Ông Nguyễn Xuân Oánh và Phan Huy Quát đến Quốc trưởng Phan Khắc Sửu, đều vẫn không được ổn định. Kết thúc nhiều cuộc dàn xếp và nhiều buổi họp, Hội đồng Quân lực đồng ý để tướng Kỳ làm thủ tướng với danh xưng Chủ tịch Ủy ban Hành pháp Trung ương, còn Nguyễn Văn Thiệu là Chủ tịch Ủy ban lãnh đạo quốc gia. Lãnh đạo quốc gia qua nhiều thay đổi, nhưng Nền Dân Chủ vẫn chưa thực hiện được, rất dễ bị Cộng Sản miền Bắc lấy cớ sách động dân chúng chống lại chế độ Cộng Hoà miền Nam.

(3) "Đây là nghĩa trang đầu tiên tại tỉnh Thừa Thiên Huế được quy hoạch bài bản, có đầy đủ các dịch vụ chăm sóc, an táng và đặc biệt là dịch vụ hỏa táng. Một chi nhánh của Thiền viện Trúc Lâm Bạch Mã cũng sẽ được xây dựng trong khuôn viên Vườn Địa Đàng làm nơi du khách thập phương thăm viếng, cầu an chiêm bái, tu tập. Đồng thời tổ chức các lễ cầu siêu, dâng hương vài các dịp lễ lớn trong năm. Mục tiêu của Dự án công viên nhằm mang lại 1 nơi an nghỉ vĩnh hằng cho người đã khuất cùng dịch vụ chăm sóc chu đáo, tận tình, góp phần chia sẻ trách nhiệm an sinh xã hội đồng thời tạo thêm một địa điểm du lịch tâm linh")

(4) Được biết sau khi "trà tỳ" nhục thân của Bồ Tát Thích Quảng Đức để lại "TRÁI TIM TỬ BI". Bây giờ Ôn, Trí Quang Tro Cốt Xá Lợi chỉ còn lại rặng và xượng sọ màu trắng bạch "CÁI ĐẦU TRÍ TUỆ" được phân chia và tôn thờ 5 tự viện sau đây:

- 1/ Chùa Đại Giác tại Quảng Bình
- 2/ Chùa Tử Đàm tại Cố đô Huế
- 3/ Tu Viện Quảng Hương Già Lam tại Sài Gòn
- 4/ Chùa Phật Ân tại Long Thành (đệ tử của Ôn là HT Thích Minh Tâm)
- 5/ Chùa Linh Thái tại Sài Gòn (đệ tử Ôn là HT Thích Trung Hậu).



MẸ HIỀN LINH CẢM

*Con cúi đầu trước uy linh Mẹ
Hạnh Mẹ hiền cứu khổ ban vui
Khách trần xuôi ngược lòng thành kính
Ngự cả hồn thiêng mây trắng trôi.*

*Chim muông khê gọi rì rào trong gió
Dậy hoa cười nở rộ trời mơ
Trở về đây nghe nội tâm thanh tịnh
Quán trọ dựng bên đờm lời thơ.*

*Hương từ bi lòng hòa quyện mát
Lượng âm thanh là ngọc quý lưu ly
Mỗi hơi thở ra vào trong sanh diệt
Mỗi tiếng cười giọng nói hòa từ bi.*

*Đường trần gian tình cầu xa vạn lối
Bước chân ta say ngủ gọi sơn hà
Tiếng chuông ngân bỏ đề tâm vẫn niệm
Cây bốn mùa xuân kết trái đơm hoa.*

*Em tôi hỡi! hãy về ôm lấy Mẹ
Dem an vui trải rộng đến muôn nơi
Hình ảnh Mẹ hóa thân gieo cùng khắp
Ám lòng người tinh tấn dậy trùng khơi.*

thơ

**TÂM NGỌC
THƯ HOÀNG**

SỰ THÀNH CÔNG CỦA MỘT NGƯỜI THẤT BẠI

TN Huệ Trân

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Hơn một thế kỷ trước, một người quốc tịch Anh đã thất bại trong việc nghiên cứu về Giáo Lý Đạo Phật.

Đó là giáo sư Rhys Davids, con của một mục sư Cơ Đốc Giáo. Ông đã bỏ ra nhiều năm học tiếng Pali, kiên nhẫn tìm tòi, nghiên cứu các kinh điển Phật Giáo chỉ để mong đạt mục đích là chứng minh giáo lý Đạo Phật thua xa giáo lý Cơ Đốc.

Nhưng Rhys Davids đã thất bại với công việc này!

Sau nhiều năm miệt mài tìm hiểu Đạo Phật, ông đã trở thành một Phật tử thuần thành, hết lòng ca ngợi Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo là những gì ông áp dụng cho chính bản thân và đạt được suối nguồn an lạc đích thực, sâu sa, trong suốt quãng đời còn lại, cho tới ngày bình an lìa bỏ cõi nhân gian...

Là Phật tử, không mấy ai không nhớ Tứ Diệu Đế là những gì, vì đó là Bốn Sự Thật mà Đức Phật đã thấy rất rõ ràng, rất mâu nhiệm nhưng dường như không một giáo lý ngoại đạo nào từng chỉ dạy minh bạch cho tín đồ của mình để cùng thoát khổ.

Bốn Sự Thật đó là:

- ♦ Khổ Đế: Sự có mặt của khổ đau
- ♦ Tập Đế: Sự có mặt của nhng nguyên nhân gây ra khổ đau
- ♦ Diệt Đế: Sự chấm dứt khổ đau
- ♦ Đạo Đế: Con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ đau.

Hiểu nghĩa đơn giản theo từ ngữ chỉ là thế, nhưng hành giả thực tâm cầu học phải nhẫn nại, siêng năng, từng bước tiến sâu vào từng lãnh vực, từng lời dạy, để nhận diện những gì là Tam khổ, Bát khổ trong Khổ Đế mà thấy ra nguyên nhân nơi Tập Đế là những sự tích tập, chứa nhóm từ tham, sân, si, mạn, nghi, ác, kiến...



Thomas William Rhys Davids
(1843-1922)

Thấy được nguyên nhân gây ra khổ đau thì Tập Đế chính là Nhân và Khổ Đế là Quả.

Thấy Nhân và Quả rồi, hành giả nào mà không muốn bước vào Diệt Đế là sự tịch tịnh, an lạc khi đã diệt trừ mọi khổ đau.

Muốn tới được Diệt Đế cần phải biết và thực hành những phương pháp diệt khổ. Đó chính là sự thật thứ tư. Đó là Đạo Đế.

Trong tiến trình này, Đạo Đế là Nhân và Diệt Đế là Quả.

Giáo lý đã minh bạch, sáng rõ như trăng rằm, nhưng với lòng bi mẫn vô biên, Đức Phật còn ân cần thương xót mà chỉ dạy thêm về Tam Chuyển Pháp

Luân Tứ Đế gồm Thị Chuyển, Khuyển Chuyển và Chứng Chuyển để chúng sanh vững tin mà vững bước.

Thị Chuyển: Là khởi đầu, Đức Phật chỉ bảo cho biết:

*"Đây là Khổ, có tánh bức bách
Đây là Tập, có tánh chiêu cảm
Đây là Diệt, có tánh khả chứng
Đây là Đạo, có tánh khả tu"*

Khuyển Chuyển: Là khi đã chỉ cho biết Bốn Sự Thật, Đức Phật khuyến tấn chúng sanh hãy tu học pháp này mới mong thoát khổ:

*"Đây là Khổ, con nên biết
Đây là Tập, con nên dứt
Đây là Diệt, con nên chứng
Đây là Đạo, con nên tu"*

Chứng Chuyển: Khuyến tấn chúng sanh tu tập rồi, Đức Phật lại chỉ bày cho thấy kết quả của sự tu tập:

*"Đây là Khổ, ta đã biết
Đây là Tập, ta đã dứt
Đây là Diệt, ta đã chứng
Đây là Đạo, ta đã tu"*

Đạo Đế - sự thật thứ tư - con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ đau chính là Bát Chánh Đạo, là con đường Trung Đạo chân chánh, vì

điều đưa tới sự thánh thiện vẹn toàn.

Bát Chánh Đạo gồm:

- Chánh Kiến: Thấy biết và nhận thức chân chánh, rõ ràng.
- Chánh Tư Duy: Tư tưởng thiện lành, suy nghĩ và phán đoán chân chánh.
- Chánh Ngữ: Nói lời chân thật, ngôn ngữ chân chánh.
- Chánh Nghiệp: Làm những việc tốt đẹp, hành động ngay thẳng, tránh những nghề nghiệp dẫn tới hại mình, hại người.
- Chánh Mạng: Thân tâm trong sạch, buông bỏ và lánh xa những gì có thể khiến tinh thần bị mê mờ, ám tối.
- Chánh Tinh Tấn: Khi đã nhận định rõ tốt, xấu, chánh, tà, để có niềm tin chân chánh thì quyết tinh tấn thẳng hoa, hướng thiện.
- Chánh Niệm: Ghi nhớ những gì xứng đáng, chánh đáng.
- Chánh Định: Giữ tâm thuần nhất, an tịnh để phát triển tuệ giác.

Với tám phương pháp để chấm dứt khổ đau, hành giả thực tâm tìm cầu học đạo thường nghiêm túc suy ngẫm sâu sa nội dung lời dạy từng phần, quán chiếu tác dụng tương quan giữa những lời dạy, để có thể áp dụng với căn cơ mình mà đạt được lợi ích.

Chẳng hạn như - theo chủ quan - có hành giả nắm vững sự liên hệ giữa Chánh Kiến và Chánh Tư Duy là cảm thấy những phần sau hiển lộ tự nhiên.

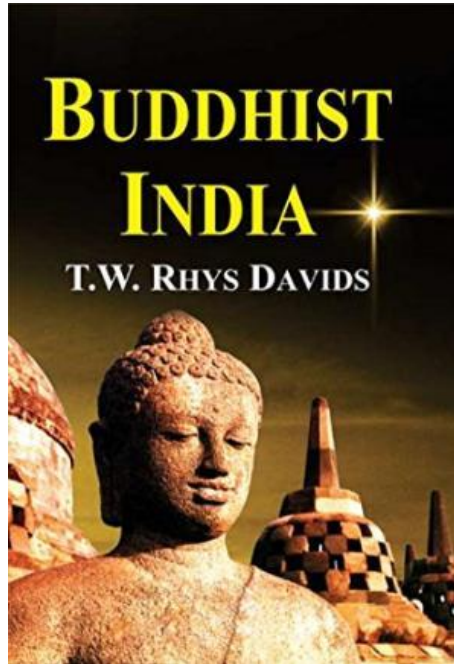
Hành giả đó thấy, trong Bát Chánh Đạo, Chánh Kiến đứng đầu và ngay sau đó là Chánh Tư Duy. Sự sắp xếp như vậy phải chăng Chánh Kiến và Chánh Tư Duy có liên hệ chặt chẽ với nhau.

Theo đạo lý Duyên Khởi thì cái nọ vì cái kia mà có, nên dù tên gọi có khác nhau nhưng thực chất thì mọi hiện tượng đều là Nhân và đồng thời là Quả. Không có cái gì thuần túy chỉ là Nhân hay Quả.

Khi được xếp đứng đầu, với tư cách là Nhân, Chánh Kiến nuôi dưỡng bấy phần kia; nhưng nếu với tư cách là Quả thì Chánh Kiến lại được bấy phần kia nuôi dưỡng lại.

Khi khởi niệm, Chánh Kiến chỉ là những kiến thức có tính cách khái niệm bên ngoài, nhưng khi có Chánh Tư Duy cùng làm việc thì Chánh Kiến bắt đầu có sự phát triển ở bên trong; tức là Chánh Tư Duy giúp Chánh Kiến có cái nhìn sâu hơn.

Hành giả dùng hình ảnh chiếc lá để hướng



dẫn sự quan sát.

Khi nhìn chiếc lá, ta thường thấy lá là một phần nhỏ của cây, lá là con của cây (kiến thức lúc đầu của Chánh Kiến). Nhưng nếu nhìn sâu hơn thì lá cũng là mẹ của cây vì ngay thời gian lá ở trên cây, lá đã góp phần biến những nhựa nguyên thành nhựa luyện để không chỉ nuôi lá mà còn trở về nuôi cây (Có Chánh Tư Duy làm phong phú thêm Chánh Kiến)

Chánh Tư Duy gồm 2 phần là Tâm và Tư.

Tâm là ghi lại, nhớ lại những gì đã nhận biết (chẳng hạn, biết lá là một phần của cây. Cái biết này là cái biết đúng, như Chánh Kiến).

Tư là sự quán sát sâu sa hơn (sau khi ghi nhận lá là con của cây, còn triển khai sự suy tưởng sâu sắc hơn để thấy lá

cũng là mẹ của cây vì lá đã góp phần nuôi cây).

Nhưng khi Chánh Tư Duy đi vào phần Tư (phần quán chiếu sâu hơn) thì phải quán chiếu bằng sự tử bi, bằng tình thương rộng lớn mới được gọi là Chánh Tư Duy. Nếu chỉ suy tư tìm lợi ích và hạnh phúc cho riêng mình thì đây là phản ảnh của sự không có Chánh Tư Duy, là người đang suy tư cũng không có Chánh Kiến vì không biết điều mình tìm kiếm có gây tác hại cho ai không.

Khi Chánh Kiến và Chánh Tư Duy giữ được sự liên hệ chặt chẽ, phối hợp và hành động chính xác như thật thì Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định sẽ như những đoàn tàu đã được đặt bánh trên đường rầy, sẽ an lạc lăn bánh tới sân ga.

Hơn một thế kỷ trước, Rhys Davids đã ngộ ra những gì từ Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo, mà từ mục đích nghiên cứu, cốt vạch lá tìm sâu để chê bai, lại thành công trong sự giác ngộ qua những giáo lý khổ công nghiên cứu đó.

Còn chúng ta là Phật tử, là những người con của Phật, thừa hưởng gia tài giáo pháp nhiệm mầu vì diệu từ kim khẩu Cha Lành, tin tưởng lời Cha dạy, tuân lời Cha "Hãy tự thấp đức lên mà đi!" thì lẽ nào chúng ta lại thất bại trên con đường tìm cầu Giác Ngộ!

Có phải vậy không, thưa quý hành giả gần xa, đang cùng đồng mãnh bước đi trong ánh đuốc tự lực và tha lực!

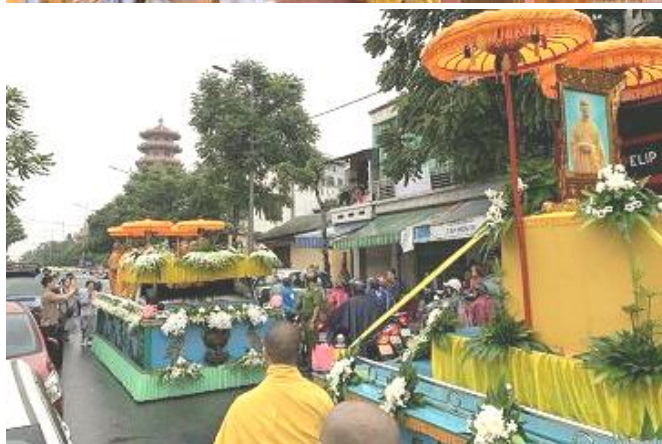
Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

TN Huệ Trân

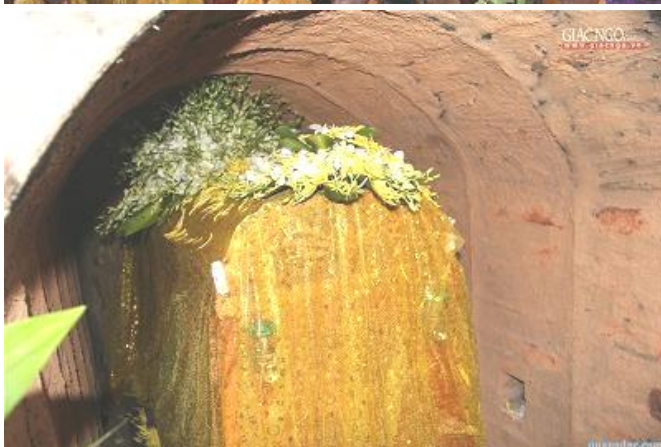
(Tào-Kê tịnh thất, những ngày lập đông)

HÌNH ẢNH LỄ CUNG TÔNG KIM QUAN ĐỨC CỐ TLHT THÍCH TRÍ QUANG TẠI CHÙA TỪ ĐÀM, HUẾ NGÀY RẼM THÁNG 10 KỶ HỢI (NHẪM 11/11/2019)

Photos: giacngo.vn & phattuvietnam.net



NƠI TRÀ-TỶ TẠI CÔNG VIÊN VĨNH HẰNG, THUỘC XÃ THỦY BẰNG, THỊ XÃ HƯƠNG THỦY





Thầy đã ra đi

Kính Truy Niệm GL HT T Trí Quang

Tuệ Minh

Thầy đã ra đi... Thấy đã ra đi...

Bước về vô ngã kết tinh cuộc đời Dòng sông trời yêu
thương cội tùng xưa nơi đây Vẫn xanh màu hiển hòa in
gót mòn tình thức vào lòng người khắp nơi. Thấy đã ra đi Từ
Đàn xưa in dấu nâu sông dáng miệt mài xuất đầu đà khó phai
Thầy đã ra đi Từ Đàn xưa in dấu thân cát bụi nhạt hòa về lắng
động thiên nhai. Ôi! Từ Đàn xưa quê tôi dấu ấn bao bậc
Thầy, dấu ấn bao con Người vững thạch trụ già lam Từ Đàn xưa quê
tôi gót mòn lên tình thức mãi đi về ngàn khơi.

THIỆN TÔNG

NHƯ BÈ PHÁP QUA SÔNG

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Bài này ghi lại một số lời dạy về Thiên Tông – để thấy rằng trong tận cùng, tất cả các phương tiện chư Tổ sử dụng khi truyền pháp chỉ là các bè pháp để lìa tham sân si, bằng cách nhận ra bản tâm vốn đã tròn đầy giới định huệ. Khi nhận ra sợi chỉ đỏ xuyên suốt các lời Đức Phật dạy qua nhiều thời kỳ khác nhau, sẽ thấy tất cả đều tương thông, trong tận cùng là không dị biệt, không trái nghịch giữa các truyền thống, dù là Nam Tông hay Bắc Tông. Với người đã sống được trong các pháp ấn vô thường, vô ngã... lúc đó không thấy còn bè pháp nào nữa, vì sẽ thấy tất cả các phương tiện tu học chỉ là sản phẩm của tâm quá khứ, chỉ là thêu dệt từ những ngũ uẩn của ngày hôm qua và hôm kia, trong khi cái hiện tiền chảy xiết ngay bây giờ là cái dòng tịch lặng vô thường bất khả ngôn thuyết. Cũng y hệt như khi đã nắm được bầu áo tràng (cổ áo tràng), tự động chiếc áo sẽ xuôi một dòng, phẳng lì, không rời tay mình bất kể khi đi đứng nhanh hay chậm, lúc đó cũng chẳng bận tâm tới tay áo nghiêng về phía Nam hay Bắc, cũng không thắc mắc chuyện tà áo cách tân kiểu phát triển hay lướt thướt kiểu trường lão.

Lời dạy thường nhật của Thiên Tông là nhận ra **tự tánh các pháp vốn rỗng rang vô tự tánh**. Đó là lý do các chùa tụng hàng ngày bài Bát Nhã Tâm Kinh, với lời dạy: Sắc tức thị không, không tức thị sắc.

Nghĩa là, sắc (cái được thấy, được nghe, được cảm thọ...) chính thực là rỗng rang vô tự tánh. Chính những gì chúng ta thấy nghe hay biết đã và đang hình thành thế giới này, và khi nhận ra gương tâm vốn tịch lặng rỗng rang đó,

tự động các bụi sẽ rơi rụng dần.

Thí dụ, như khi gặp một cô ca sĩ xinh đẹp hát với giọng ca guyên rữ (một hoàn cảnh chúng ta có thể gặp thường trực, hàng tuần qua lễ hội hay hàng ngày qua truyền hình), hễ chúng ta thấy nghe hay biết qua trần, tâm sẽ dao động, ô nhiễm; hễ thấy nghe hay biết qua thức, tâm sẽ sinh biện biệt phan duyên; và chỉ

khi thấy nghe hay biết qua tự tánh rỗng rang của gương tâm, sẽ nhận ra tất cả những cái gọi là mình và thể giới cũng chỉ là rỗng rang Như Thị. Nghĩa là, người và giọng ca hiện lên rồi đi; trong khi tánh gương sáng là lìa sanh diệt, là vô sanh diệt, trong ba thời vẫn luôn là như thế.

Y hệt như thế, trong Tiểu Bộ của tạng Pali, có Kinh Sn 5.15 trong nhóm Kinh Tập, trích như sau:

"1118. Do vậy, con xin hỏi vị Có Mắt Tối Thượng: Nên nhìn thế giới như thế nào để Thần Chết không nhìn thấy mình?"

1119. [Đức Phật] Hỡi Mogharaja, hãy luôn luôn tỉnh thức và nhìn thế giới như rỗng rang, với cái nhìn về tự ngã đã bừng gốc, người đó sẽ vượt qua sự chết. Thần Chết không thể thấy người đã nhìn thế giới này như thế." (1)

Tương tự, trong Kinh SN 35.242 (Kinh Đản Tỳ Bà), Đức Phật kể về một nhà vua nghe tiếng đàn tỳ bà, nhận ra tiếng đàn khả ái, khả lạc, mê ly, say đắm, hấp dẫn nên ra lệnh triều đình đi tìm tiếng đàn, chế cây đàn tỳ bà làm cả trăm mảnh, nhưng cũng không tìm ra, vì tiếng đàn là do nhiều nhân duyên mới thành. (2)

Một lời dạy thường gặp khác của Thiên Tông là **vô sở trụ**. Tức là tâm không chỗ trụ, tức là không để tâm dính vào bất kỳ sắc thanh hương vị xúc pháp nào.



Theo Thiên sử, Ngài Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang Trung Hoa, mang theo Kinh Lăng Già để dạy Thiên. Kinh này là ly tứ cú, tuyệt bách phi – nghĩa là, không dính vào bất kỳ mệnh đề nào trong bốn câu và dứt bật một trăm mệnh đề về không. Nhiều thập niên sau, Ngũ Tổ Hoảng Nhân dạy Thiên qua Kinh Kim Cang, tông chỉ là **ưng vô sở trụ vào bất kỳ nơi nào (dù là 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới) thì Niết bàn diệu tâm sẽ hiển lộ.**

Lời dạy vô sở trụ trong tiếng Anh là "no clinging" – có khi dịch là không nắm giữ, không chấp thủ "no grasping"... Trong bản Anh ngữ Diamond Sutra (Kinh Kim Cương), James M. Ford dịch là "Without clinging they find the boundless mind."

Trong sách Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận của Đại Sư Huệ Hải, bản Việt dịch của Thầy Thích Thanh Từ, giải thích:

"Chẳng trụ tất cả chỗ là: Chẳng trụ nơi lành dữ, có không, trong ngoài, chẳng giữa, chẳng trụ không, cũng chẳng trụ chẳng không, chẳng trụ định, cũng chẳng trụ chẳng định, tức là chẳng trụ tất cả chỗ. Chỉ cái chẳng trụ tất cả chỗ, ấy là chỗ trụ. Người được như thế, gọi là tâm không trụ. Tâm không trụ là tâm Phật." (3)

Tâm không chỗ trụ cũng có nghĩa là không trụ tâm vào quá khứ hay tương lai, chỉ an tâm vào hiện tại, nhưng vì hiện tại chảy xiết như hoa đốm trong mơ, cũng có nghĩa là tâm không trụ vào cả ba thời quá, hiện, vị lai. Như thế là tức khắc Niết bàn.

Trong Kinh Sn 5.11 thuộc nhóm Kinh Tập ở Tạng Pali, Đức Phật dạy:

"1098. [Đức Phật] Hỏi Jatukanni, hãy gỡ bỏ lòng tham ái dục, hãy nhìn thấy an toàn trong hạnh xuất ly. Chớ để trong tâm khởi lên ý muốn nắm giữ hay xua đẩy gì.

1099. Hãy để khô héo tất cả những gì của quá khứ, và chớ hề có chút gì dính tới tương lai. Nếu con không nắm giữ gì trong chẳng giữa (hiện tại), con sẽ sống trong bình an." (4)

Vô sở trụ cũng được giải thích trong Thiểu Thất Lục Môn của Bồ Đề Đạt Ma: "Ngoại tức chư duyên, nội tâm vô đoan, tâm như tường bích, khả dĩ nhập đạo." (Bên ngoài dứt bật muôn duyên, bên trong không còn tư lường tằm hơi manh mối gì, tâm y hết như tường vách không chỗ bầu vú, lúc đó mới có thể vào đạo.) Vô sở trụ còn có nghĩa là buông bỏ, là phóng hạ -- trong ý chỉ Tào Động là buông bỏ thân tâm, phóng hạ thân tâm. Là, không dính vào bất kỳ chút gì trong năm uẩn của thân tâm trong ba thời quá, hiện, vị lai. Cũng có hình ảnh tâm vô sở trụ là: trâu bùn qua sông.

Tới đây, một người quen đọc Kinh Pali sẽ có thể có câu hỏi: **Tâm không chỗ trụ như thế có liên hệ gì tới sơ thiên... có liên hệ gì tới đoạn tận lậu hoặc để chứng quả A La Hán?**

Câu trả lời sẽ gồm 2 phần: **Tâm không chỗ trụ là một lối vào sơ thiên... nhấn tới vào tứ thiên, nhấn tới chứng quả A La Hán.**

Trả lời phần thứ nhất, rằng vô sở trụ sẽ vào sơ thiên, cho tới tứ thiên... Có hai Kinh – Kinh SN 48.9, Kinh SN 48.10 -- trong nhóm Kinh Tương Ưng Bộ, ghi rằng vô sở trụ là cách vào sơ thiên, vào nhị thiên, vào tam thiên, vào tứ thiên... Nơi đây, chúng ta sẽ dẫn Kinh SN 48.10, cho thấy tâm vô sở trụ là sẽ hoàn tất các pháp định. Ý chỉ Vô sở trụ trong Kinh SN 48.10 được Thầy Thích Minh Châu dịch là "từ bỏ pháp sở duyên sẽ được định... ly dục, ly bất thiện pháp sẽ chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất"...

Bản dịch này trích như sau:

"Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử, sau khi từ bỏ pháp sở duyên, được định, được nhứt tâm. Vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ ... an trú Thiên thứ hai ... an trú Thiên thứ ba ... từ bỏ lạc, từ bỏ khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiên thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là định căn." (5)

Nên đọc thêm nơi ghi chú (5) sẽ trích từ cả 2 bản Anh dịch của Sujato và Thanissaro để nghĩa này sáng tỏ hơn.

Trả lời phần thứ nhì, rằng vô sở trụ sẽ tận cùng đi tới giải thoát. Có rất nhiều Kinh trong Tạng Pali nói như thế.

--- Như trong Kinh Sn 3.12 bản Anh dịch của Thanissaro Bhikkhu, viết rằng sau khi Đức Phật giải thích về một số câu hỏi, thì "the minds of 60 monks, through lack of clinging, were fully released from fermentation" (tâm của 60 vị sư, nhờ **tâm không trụ** vào bất kỳ pháp nào, đã được hoàn toàn giải thoát khỏi các lậu hoặc). (6)

Bản Anh dịch của Bhikkhu Sujato viết: "And while this explanation was being spoken the minds of sixty bhikkhus were freed from the corruptions without grasping." (Và trong khi giải thích này được nói lên, tâm của 60 nhà sư đoạn tận lậu hoặc nhờ **không nắm giữ bất cứ gì**). (6)

Tâm vô sở trụ là giải thoát – ý này còn được nói minh bạch trong Kinh SN 22.63 của Tương Ưng Bộ, khi một nhà sư tới bạch Đức Phật, xin một lời ngắn gọn để sư này lui về một góc rừng sống đơn độc, tu tới khi giải thoát.

Kinh SN 22.63, bản dịch của Thầy Thích Minh Châu, trích:

"—Lành thay, bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp tóm tắt cho con. Sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, con sẽ sống một mình, tịnh cư, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

—Ai chấp trước, này Tỷ-kheo, người ấy bị Ma trói buộc. Ai không chấp trước, người ấy được giải thoát khỏi Ac ma." (7)

Kinh SN 22.63, bản Anh dịch của Bhikkhu Bodhi viết: "*Bhikkhu, in clinging one is bound by Mara; **by not clinging one is freed from the Evil One.***" (7)

Kinh SN 22.63, bản Anh dịch của Bhikkhu Sujato viết: "*When you grasp, mendicant, you're bound by Māra. **Not grasping, you're free from the Wicked One.***" (7)

Đó chính là Kinh Kim Cương. Là vô sở trụ, là tông chỉ Thiền Tông, là không một pháp để làm, là không cửa để vào.

Có một lời dạy cũng thường nói trong Thiền Tông là hãy **sống với sát na sinh diệt**. Cũng có nghĩa là **cảm thọ vô thường trong từng khoảnh khắc**. Một số công án thường nói "ngồi nghỉ là trễ rồi"... Nhưng cái gương tâm cảm thọ vô thường đó vẫn là vô sinh diệt. Không phải vì có tiếng chim kêu thì tánh nghe mới sinh, không phải vì tiếng chim lặng mà tánh nghe diệt mất. Nhận ra sát na sinh diệt cũng là nhận ra bản tâm vốn bất sinh bất diệt và trong cái sát na sinh diệt đó đã sẵn lia tham sân si.

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Phẩm Cơ Duyên Thứ Bảy, bản dịch của Thầy Thích Duy Lực, ghi lời Lục Tổ Huệ Năng dạy ngài Chí Đạo, trích:

"...chơn lạc của Niết Bàn, sát na chẳng có tướng sanh, sát na chẳng có tướng diệt, cũng chẳng có sanh diệt để diệt, ấy tức là tịch diệt hiện tiền. Đang lúc hiện tiền, cũng chẳng có số lượng hiện tiền, nghĩa là chẳng có một tí khái niệm nào về không gian, thời gian, và số lượng của tịch diệt hiện tiền, mới gọi là thường đức, lạc đức, nghĩa là chơn vui. Vui này chẳng có kẻ thọ dụng, cũng chẳng có kẻ không thọ dụng..." (8)

Trong khi sống với cái sát na sinh diệt đó, sẽ thấy "không hề có ai" và sẽ thấy "không hề có cái của ai"... Chỉ duy nhận ra cái dòng chảy vô thường được cảm thọ trên thân tâm đang sinh diệt từng khoảnh khắc.

Nơi đây, chúng ta dẫn ra một câu chuyện Thiền, ngài Mã Tổ đi trên đường cùng với đệ tử là ngài Bách Trượng. Thấy một con vịt trời bay lên vì nghe động.

Mã Tổ hỏi Bách Trượng: Cái gì vậy?

Bách Trượng đáp: Con vịt trời.

Mã Tổ hỏi: Đậu rồi?

Bách Trượng đáp: Bay mất rồi.

Ngài Mã Tổ đưa ta véo mũi ngài Bách Trượng một cái.

Bách Trượng la lớn: Đau quá.

Mã Tổ nói: Đã bay mất rồi, thì làm sao đau được.

Tóm gọn nội dung chuyện Thiền này có thể viết như sau: Cái được thấy (tức là, con vịt trời) đã bay mất là quá khứ, nhưng cái cảm thọ đau (khi bị véo mũi) là cái gương tâm thấy nghe hay biết vẫn luôn luôn hiện tiền, và phải sống với cái hiện tiền này, tức là **tâm phải tỉnh thức không lia cái thấy nghe hay biết của bây giờ và ở đây, trong cái sinh diệt**

hiện tiền. Đó cũng là sống cái vô sinh diệt.

Tương tự, trong Kinh SN 56.11, ngài Koṇḍañño đặc pháp nhãn thanh tịnh ngay khi được nghe Đức Phật dạy rằng cái gì có sinh là phải có diệt. Có nghĩa là, nhận ra pháp ấn vô thường đang chảy xiết, và như thế thấy ngay là không có gì có thể chấp thủ.

Kinh SN 56.11, bản dịch của Thầy Minh Châu, trích như sau:

"Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Koṇḍañño khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không câu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt." (9)

Hình ảnh sát na sinh

diệt còn được ngài Xá Lợi Phất (Sariputta) ghi lại trong bài thơ "Guhatthaka-suttaniddeso: Upon the Tip of a Needle" mô tả rằng tất cả các pháp chảy xiết qua các khoảnh khắc thời gian, y như điểm tiếp giáp của một hạt đậu rất nhỏ đặt lơ lửng trên đầu một mũi kim. Nội dung bài thơ của ngài Xá Lợi Phất, nơi đây sẽ viết lại như văn xuôi cho dễ đọc, có thể dịch nghĩa như sau:

*"Đời sống, thọ mạng, niềm vui, nỗi đau đều buộc chung vào một khoảnh khắc của tâm, một khoảnh khắc nhanh chóng trôi đi. Ngay cả các vị phi nhân sống lâu tới 84 ngàn tỷ năm cũng không sống được 2 khoảnh khắc nào trong tâm y hết nhau. Cái ngưng lại nơi người đã chết hay cho người còn đứng nơi đây đều là cùng các uẩn, khi biến đi là vĩnh viễn không nổi lại được. Các trạng thái đang biến mất bây giờ và các trạng thái sẽ biến mất trong các ngày tương lai đều có đặc tướng y hết như các đặc tướng đã biến mất trước đây. **Khi không tạo tác gì nữa, sẽ không có sinh ra; chỉ với hiện tại này, chúng ta đang sống.** Khi đã nắm được nghĩa tối thượng, thế giới chết ngay khi tâm ngưng lại. Không cất giữ gì được những gì đã biến mất, không để gì được cho tương lai. Những người đã sinh ra trong đời này đang đứng y hết như hạt đậu rất nhỏ trên đầu mũi kim. Sự biến mất của tất cả các trạng thái này đã không hề được ho-nghênh, mặc dù hiện tượng khoảnh khắc tan rã như thể đã có từ thời ban sơ. Từ nơi chưa được nhìn thấy, các trạng thái này hiện ra và biến đi, được nhìn thấy chỉ khi chúng đang trôi đi vào quá khứ. Y hết tia chớp trên bầu trời: tất cả các pháp khởi lên và rồi biến hẳn đi." (10)*

Có một bạn hỏi về pháp niệm hơi thở... Xin trả lời theo một Kinh rằng, Đức Phật từng dạy pháp niệm hơi thở như một công cụ, như một bè pháp, trước khi yêu cầu các sư quán vô thường. Nghĩa là, quán vô thường, hay sống với



sát na sinh diệt, là pháp tận cùng để phá trừ vô minh. Trong Kinh dân sau, **niệm hơi thở là để quán bất tịnh, để lắng tâm, sau đó là phải quán vô thường.**

Trong Kinh Phật Thuyết Như Vậy (Như Thị Ngữ) - Itivuttaka - Chương 3, bản dịch của Thầy Thích Minh Châu, trích:

"(LXXXV) (Tik. IV, 6) (It. 80) --- *Này các Tỷ-kheo, hãy sống tùy quán bất tịnh trên thân, hãy khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm; hãy sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành.*

Này các Tỷ-kheo, khi sống tùy quán bất tịnh trên thân tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ; khi khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phần vào tổn hại không có; khi sống tùy quán vô thường trong tất cả hành, thời vô minh trừ diệt, minh được khởi lên." (11)

Kinh này trong bản tiếng Anh của Ireland ghi rằng niệm hơi thở là quán bất tịnh của thân để lìa tham dục đối với cái đẹp, niệm hơi thở tới **khi các niệm lăng xăng biến mất thì hãy quán vô thường**, bấy giờ mới đoạn tận vô minh được, trích:

"For those who live contemplating foulness in the body, the tendency to lust with regard to the element of beauty is abandoned. When mindfulness of breathing is inwardly well established before one, the tendencies of extraneous thoughts to produce vexation of mind remain no more. For those who live contemplating the impermanence of all formations, ignorance is abandoned and knowledge arises." (11)

Có một bạn thắc mắc rằng: **Tứ Niệm Xứ có liên hệ gì tới Thiền Tông hay không?**

Xin trả lời: **Kinh ghi là có.** Trong Kinh MN 10 (Kinh Niệm Xứ), Đức Phật dạy rằng sau các pháp Niệm Thân, Thọ, Tâm, Pháp... là phải nắm lấy tông chỉ Thiền Tông là vô sở trụ. Nghĩa là, phải giữ tâm không nương tựa, không chấp trước.

Nơi đây, xin trích Kinh MN 10, bản Việt dịch của Thầy Thích Minh Châu:

"...vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời..." (12)

Bản của Bhikkhu Sujato: **"They meditate independent, not grasping at anything in the world..."** (12)

Bản của Thanissaro Bhikkhu: **"And he remains independent, unsustained by [not clinging to] anything in the world..."** (12)

Bản của Nyanasatta Thera: **"...and he lives detached, and clings to nothing in the world..."** (12)

Như thế, khi đã nói là **vô sở trụ**, tất nhiên các kỹ thuật hay phương pháp chỉ là công cụ, là bè pháp. Và đó là lý do trong Kinh Kim Cương, Đức Phật nói rằng "Chánh pháp còn phải bỏ, huống là phi pháp"... Nguyên văn câu

vừa dẫn, lời Đức Phật nói là Chánh pháp còn phải bỏ... cũng ghi trong Kinh MN 22 của Tạng Pali. (13)

Rời bỏ bè pháp... Dù vậy, cách diễn tả của một số vị sư trong Thiền Tông có thể là quá mạnh bạo, có lẽ chỉ thích nghi khi dạy cho một số môn đệ thân cận, thí dụ như khi bảo học trò chẻ tượng Phật để sười ăm...

Một điều chắc chắn nên thấy rằng: Khi đã thấy được sợi chỉ đỏ xuyên suốt các Kinh Phật, dù Nam Truyền hay Bắc Truyền, sẽ không còn bị vướng vào những ngõ vực hay tranh luận vô ích.

GHI CHÚ:

(1) Kinh Sn 5.15: <https://thuvienhoasen.org/p15a30626/sn-5-15-mogharaja-manava-puccha-cac-cau-hoi-cua-mogharaja>

(2) Kinh SN 35.242: https://suttacentral.net/sn35.242/vi/minh_chau

(3) Đôn Ngộ Nhập Đạo: <https://thuvienhoasen.org/images/file/T-QYop1G0QqQAJ0b/donngonhapdaoyeuomon.pdf>

(4) Kinh Sn 5.11: <https://thuvienhoasen.org/p15a30622/sn-5-11-jatukanni-manava-puccha-cac-cau-hoi-cua-jatukanni>

(5) Kinh SN 48.10, Việt dịch: https://suttacentral.net/sn48.10/vi/minh_chau

Bản Anh dịch của Bhikkhu Sujato: "It's when a noble disciple, **relying on letting go, gains immersion**, gains unification of mind. Quite secluded from sensual pleasures, secluded from unskillful qualities, they enter and remain in the first absorption..." --- <https://suttacentral.net/sn48.10/en/sujato>

Bản Anh dịch của Thanissaro Bhikkhu: "There is the case where a monk, a disciple of the noble ones, making it his object to **let go, attains concentration**, attains singleness of mind. Quite withdrawn from sensuality, withdrawn from unskillful mental qualities, he enters & remains in the first jhana..." --- <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/sn/sn48/sn48.010.than.html>

(6) Kinh Sn 3.12, bản Thanissaro: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/snp/snp.3.12.than.html>

Bản Sujato: <https://suttacentral.net/snp3.12/en/sujato>

(7) Kinh SN 22.63, bản Việt dịch: https://suttacentral.net/sn22.63/vi/minh_chau

Bản Bhikkhu Bodhi: <https://suttacentral.net/sn22.63/en/bodhi>

Bản Bhikkhu Sujato: <https://suttacentral.net/sn22.63/en/sujato>

(8) Kinh Pháp Bảo Đàn: <https://thuvienhoasen.org/p16a687/pham-co-duyen-thu-bay>

(9) Kinh SN 56.11: https://suttacentral.net/sn56.11/vi/minh_chau

(10) Bài thơ trong bài Các Pháp Vào Định: <https://thuvienhoasen.org/a28417/cac-phap-vao-dinh>

Upon the Tip of a Needle, bản tiếng Anh: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/kn/nm/nm.2.04.olen.html>

(11) Kinh Phật Thuyết Như Vậy, bản Việt: <https://thuvienhoasen.org/p15a1541/chuong-03>

Bản dịch của Ireland: <https://suttacentral.net/iti85/en/ireland>

(12) Kinh MN 10, bản của Thầy Minh Châu: https://suttacentral.net/mn10/vi/minh_chau

Bản của Bhikkhu Sujato: <https://suttacentral.net/mn10/en/sujato>

Bản Thanissaro Bhikkhu: <https://www.dhammatalks.org/suttas/MN/MN10.html>

Bản Nyanasatta Thera: <https://www.accesstoinsight.org/tipitaka/mn/mn.010.nysa.html>

(13) Kinh MN 22: https://suttacentral.net/mn22/vi/minh_chau



Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CẢNH TRẦN (*)

Sau thời kinh, mấy anh Phật tử trẻ thưa:

- Bạch thầy, giáo lý và kinh điển phần nhiều là từ Hán-Việt, khó hiểu quá, xin thầy giảng cho chúng con.

Thầy từ bi cười:

- Các con đi công viên chơi, thấy bông hoa đẹp, đấy là cảnh nhưng khi thò tay định hái thì biến thành trần. Khi gặp cô gái đẹp, ấy mới chỉ là cảnh, nhưng khi về rồi mà tâm tư còn mơ tưởng thậm chí có ý muốn này nọ với cô ta, lúc ấy cảnh đã thành trần.

Cả nhóm đồng thanh:

- Dạ, cảm ơn thầy, mình học Phật là để đừng biến cảnh thành trần.

Thầy cười vô cùng hoan hỷ.

() Trần lao phiền não, xin chớ lầm với cảnh trần.*

KHỔ KHỔ

Mồ được cơ quan cho đi du lịch bên Tây, chứng kiến cảnh vật xinh đẹp bình an, kinh tế sung túc, xã hội văn minh... Mồ hâm mộ lắm. Mồ tận mắt thấy những người mù được sự hỗ trợ của gậy dò đường, kiếng cảm ứng và các phương tiện hiện đại khác. Mồ thầm than: "Tuy tàn tật nhưng có sự trợ giúp của chính phủ và các công cụ hiện đại thì cũng đỡ bất hạnh phần nào."

Khi về nước, nhìn lại những người mù, người tàn tật xứ mình mồ động tâm:

- Cùng là nghiệp bất hạnh nhưng những người bên Tây còn có dư phước nên không đến nỗi đói rét và còn có trợ giúp của phương tiện hiện đại. Người mù và tàn tật xứ mình quả là khổ chông thêm khổ.

Vợ mồ trên:

- Anh đã thuộc giáo lý Phật pháp.

TƯ DUY VIỆT

Ngày nghỉ, vợ chồng mồ dắt nhau đi chơi, ngang qua một trung tâm thương mại có tiệm nails. Mấy người thợ ngồi chơi ở trước cửa nhìn lom lom, có kẻ thì liếc xéo... Trong bọn có người cất giọng băng quơ:

- Dòm dò nó treo.

Rồi một người khác từ trong bước ra, có vẻ như là quản lý thì phải:

- Coi nó rồi về phá giá, giết khách.

Vợ mồ nóng mặt, toan cự lại nhưng mồ nắm tay kéo đi

- Kệ họ, hơi đầu mà tranh chi cái móng!

Đi một quãng rồi mà vẫn còn gai gai người vì cái nhìn của mấy đồng hương.

CỤC MỒI

Hai nhà ở cạnh nhau lâu nay an vui lắm, từ khi cơn sốt đất xảy ra lại sanh chuyện lớn. Hai bên tranh nhau tắc đất chung mà cự cãi rồi đánh nhau:

- Đất này của tôi, ông bà

tôi để lại nên tôi phải giữ bằng mọi giá!

Người kia cũng quyết liệt không kém:

- Khi tôi mua mảnh đất này, người ta bảo bao gồm cả tắc đất ấy, quyền lợi cốt lõi nên tôi phải tranh đấu đến cùng!

Quan toà ăn tiền cả hai bên nên cứ xử nhì nhằng. Bạn chung của hai nhà nhờ thầy nói giúp cho một lời, thầy kể:

- Có hai con cá tham mỗi, cắn nhau rách miệng đổ máu. Lão ngư câu dính cả hai, đã thế lão còn cười: "Hai đứa bay chỉ vì cục mồi mà chết, chỉ nhớ cái lợi nhỏ trước mắt mà không nhớ vô thường".



AI HƠN AI

Hai người vốn là bạn học từ nhỏ, sau thời gian lưu lạc. Một người trở nên giàu có và hóm hỉnh vì tiền. Người kia thì chọn làm anh đờ, ngày ngày dạy chữ cho bọn trẻ trong làng, lại còn viết sách làm thơ... Anh nhà giàu ý thế thường hay cà khịa:



- Giáo chức dứt cháo, thầy giáo tháo giày.

Anh bạn nghèo im lặng, không tranh cãi chi. Anh kia được thể làm tới, cứ khoe giàu và chê bai bạn mình. Một lần trong tiệc anh ta khoác lác:

- Có ngàn quyển sách không đổi nổi một viên kim cương.

Người kia bèn cho anh ta một bài học:

- Cả vạn quan tiền không viết được một áng văn chương.

Bạn bè cười rần rần, vỗ tay tán thưởng anh giáo nghèo.

ELNINO

Năm rồi bão lũ kinh hoàng làm cho dân chúng điêu đứng, năm này thì hạn hán cháy rừng còn kinh khủng hơn, bao nhiêu người chết, nhà cháy... Elnino nói với Lanina:

- Ngày xưa chúng ta ít có cơ hội đến viếng cõi Sa Bà, có khi năm hay mười năm mới có dịp, giờ thì chúng ta đến thường xuyên.

Thiên thần phán nài:

- Các người đến đây gây tai họa cho người và vật quá!

Hai đứa cãi:

- Nào phải lỗi chúng tôi, bọn họ tham lam và si mê quá! Họ cào phá sạch núi rừng, khai thác huỷ hoại thiên nhiên, môi trường ô nhiễm, tầng ozone thủng, hiệu ứng nhà kính, trái đất nóng lên, băng tan tuyết chảy, sa mạc hoá... vì vậy chúng tôi mới đến được, khi xưa chúng tôi đâu có cơ hội này!

Thiên thần trầm ngâm:

- Bọn người nói cũng có lý, một phần cũng tại con người hôm nay mà ra.

STEVEN N
Georgia, Nov. 2019

RONG CHƠI HOÀI VIỄN XỨ

*Nếu hỏi rằng: Ta từ đâu đến?
Biết nói sao khi chẳng đến từ đâu
Ở nơi này mình tồn tại đã lâu
Rồi sẽ đi về đâu?
Có đi đâu mà lại phải về!
Chơi đã chán chê
Minh nằm nghe sương khói thở
Chút tàn hơi
Cũng đủ để đam mê.
Cõi nhân gian lắm chuyện bộn bề
Đúng với sai, đấu tranh hoài chẳng thể
Con mộng mị mệt nhoài
Cũng thế thôi!
Cuộc mưu sinh đủ cực nhọc lắm rồi
Mỗi chiều về ngồi nghe lá hát chim ca
Rồi sẽ qua
Nào ai hay biết được
Như lá rơi, như nước chảy mây bay
Ta chẳng đếm tháng ngày dài ngắn
Chỉ biết phút giây ngay lúc này.
Tình vĩnh viễn bướm hoa tuyệt mỹ
Người về đây thử thi chuyện liêu trai
Tàn đêm trắng chan chứa mộng hình hài
Ngày đang lên rong chơi hoài viễn xứ
Chẳng hề phụ tình người trong lữ thứ
Mắt biếc nào ngờ ngác mãi tương tư.*

DU TÂM LĂNG TỬ

Ất Lăng thành, 2019

TÔN KÍNH BẬC ĐÁNG KÍNH

Thích Thanh Thắng

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

May mắn trong thời gian công tác trong Ban Văn hoá Trung ương Giáo hội, anh em tôi thỉnh thoảng được nghe Hòa thượng Thích Trung Hậu, Trưởng Ban Văn hóa TW, cũng là trưởng pháp tử của Ôn kể về Ôn, kể về những công việc thường ngày liên quan đến kinh sách mà Ôn đã và đang dịch.

Cứ mỗi quyển kinh, sách của Ôn mới in hay tái bản, gần như anh em chúng tôi đều là những người đầu tiên được Hòa thượng Thích Trung Hậu gửi tặng. Đó là tất cả những gì vinh dự nhất mà anh em tôi từng được đón nhận cho đến hôm nay.

Ôn có sức nhiếp phục và thu hút đặc biệt, nên những ai dù chỉ một lần được diện kiến đành lễ Ôn đều xem đó là một phước duyên, may mắn lớn trong đời, anh em tôi cũng không ngoại lệ.

Cũng như bao người khác, nghĩ về phong trào Phật giáo 1963, nghĩ về ngọn lửa Bồ tát Thích Quảng Đức, không thể không nghĩ tới Ôn như một huyền thoại trong những huyền thoại, khi một thời khắc nào đó lịch sử đặc biệt cần đến.

Được gần gũi cộng tác với những trí thức Phật tử Huế như anh Cao Huy Thuần, chị Thái Kim Lan, anh Trần Đình Sơn, anh Nguyễn Tường Bách..., chúng tôi càng nhận thấy ở họ có một đức tin kiên cố đối với Ôn.

Có lẽ sự kính ngưỡng tri thức Phật học uyên bác của Ôn chỉ là một phần, trong họ Ôn như một nguồn trầm tích sâu lắng, chỉ cần Ôn ngồi vững đó trong im lặng cũng đủ lực để phủ nghiêng đỡ lệch cho mọi chống chọi, chông chênh trong thời cuộc vốn bất an này. Cá nhân tôi cảm nhận mức độ tôn kính mà tăng ni, trí thức Phật tử Huế dành cho Ôn đặc biệt hiếm thấy, gần như không nơi nào ở Việt Nam xuất hiện thêm một sự tôn kính đồng nhất lạ kỳ đến như vậy.

Chúng tôi đọc gần như mọi loại sách báo viết về Ôn, phản đối thoả mạ có, ca tụng có, nhưng Ôn vẫn hiện diện như một ẩn số lịch sử, thử thách mọi luận bàn, và gần như không luận bàn nào chạm đến được sự im lặng hùng tráng kia từ nơi Ôn.



Và chúng tôi cũng là những người trong hàng vạn người mong muốn nghe được Ôn kể lại những gì đã trải qua trong cuộc đời mình, những gì là biến cố, là pháp nạn của Phật giáo...

Có lẽ, nhiều người muốn nghe nhiều hơn nữa những sự thật từ chứng nhân lịch sử, nhưng để làm gì khi tâm thế thời đại vẫn không thể hàn gắn nổi những thù hận trong lòng người, giữa những thăng trầm của thời cuộc, giữa hư vọng kẻ thắng người thua.

Tự truyện Trí Quang đã xuất hiện như thế này: *"Truyện của tôi không đáng gì mà phải ghi. Chỉ vì truyện ấy, hơn vài thập kỷ trước thập kỷ 2530 (1975-1985), có liên quan đến Phật giáo Việt Nam lại bị hư cấu truyện và phim sai quá nên phải ghi. Nhưng ghi như dưới đây thì chỉ là có còn hơn không mà thôi."*

Và cách Ôn tự kết luận về cuộc đời mình như sau: *"Rất cuộc, tôi không biết gì, không có ý định gì cả, nên cuộc đời tôi "không vẫn hoàn không", không có gì đáng nhớ, đáng nói. Ngay như tự truyện này, vì không thể không có nên phải viết và phải in, mà thôi. "Không vẫn hoàn không" là Phật cho, tôi mới được như vậy."*

Kết luận kia thấp thoáng bóng dáng ngôn từ của những Khuông Việt, Vạn Hạnh, Mãn Giác, Từ Đạo Hạnh và nhiều hơn thế...

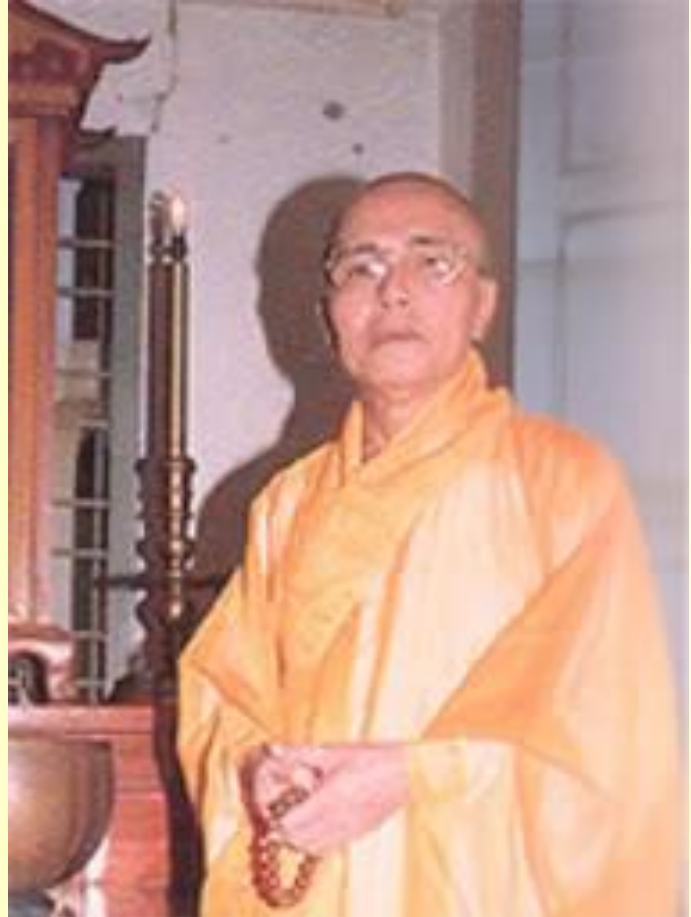
Lịch sử Phật giáo dù thịnh suy, vẫn sẽ tiếp tục sứ mệnh của mình, không thể khác được...

Kính lễ Giác linh Ôn, nơi pháp thân thường tại!

SÁNG NGỜI BIÊN TRÍ

Kính dâng Ôn Trí Quang

Ngài từ quây dếp về Tây
Thiền môn vắng bóng vị Thầy từ nghiêm
Đêm Từ Đàm lặng yên tịch diệt
Dân cố đô tiễn biệt người đi
Đồng chơn nhập đạo từ bi
Gặp cơn Pháp nạn uy nghi giúp đời
Trước bạo quyền rạng ngời dũng khí
Năm nguyện vọng kiên nghị rõ ràng
Làm cho Đạo Pháp vững vàng
Làm nơi y cứ cho hàng tín tâm
Dầu vận nước thẳng trâm biển đổi
Vững tay chèo Giáo Hội dung thông
Ba miền chung một tâm đồng
Bắc Nam Trung một tấm lòng thiết tha
Cùng xây đắp ngôi nhà Phật Giáo
Những lời Kinh uyển áo dịch ra
Phật xưa lời dạy sâu xa
Giảng bày diệu lý, mở ra chơn thừa
Nay trở về quê xưa Cực Lạc
Chúng môn đồ xao xác tiếc thương
Tiễn hàng long tượng lên đường
Phụng hành đi giáo tâm hương chân thành
Thầy về cõi tịnh thanh sen nở
Úc, Mỹ, Âu thương nhớ vô vàn
Nhớ từ Xá Lợi, Ấn Quang,
Từ Đàm xứ Huế, vào hàng thượng nhơn
Nhớ từ khi tâm chơn xả tục
Khi giang san gặp lúc qua phân
Kiên trì vận động bao lần
Lập thành Giáo Hội ân cần thiết thi
Tăng Ni có chốn tu trì
Tại gia cư sĩ đồng quy hướng về
Thầy thông dong trở về quê cũ
Vẫn còn đây Pháp nhũ nghiêm từ
Thầy đi vào cõi vô dư
Trang Kinh còn đó như lời Thầy
Hương lòng vọng bái bậc Thầy
Ôn nhu khiêm hạ đức đầy độ sanh.



Nam Mô từ Lâm Tế Chánh Tông tứ thập nhất thế, Nguyên Thiệu Pháp Phái, Phổ Minh môn hạ, Huý thượng NHẬT hạ QUANG, Tự TRÍ HẢI-TRÍ QUANG, Hiệụ THIỀN MINH, tân viên tịch Hoà Thượng thượng TRÍ hạ QUANG.

thơ TÂM QUANG

Brisbane, ngày Sám Hối tháng Mười có trăng năm Kỷ Hợi 2019

NHẬN XÉT VỀ MỘT CÂU TRẢ LỜI CỦA ĐỨC DALAI LAMA

Tâm Cảnh - Nguyễn Ngọc Cảnh, Ph. D.

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Nhân đọc bài dịch của Tuệ Uyển đăng trong Báo Chánh Pháp Số 95, tháng 10 năm 2019 (các trang 16-19) tôi tìm đọc đối thoại trong Phần 1, Chương III của cuốn sách *The Dalai Lama's Big Book of Happiness*, và thấy Đức Đạt Lai Lạt Ma có trả lời rằng, "Ngay cả bây giờ khi chỉ nói riêng về những lý thuyết kinh tế-xã hội mà thôi, tôi là một người Marxist." ("*Even now, as far as socio-economic theories are concerned, I'm a Marxist.*") (1)

Mới thoạt đọc qua câu trả lời này tôi hấp tấp nghĩ sao Ngài lại nói như vậy! Tôi dừng một phút để suy gẫm về giáo lý của Như Lai Siddhartha Gautama rồi nghĩ rằng Ngài không thể nào chấp nhận Chủ nghĩa Cộng sản của Karl Marx. Ở đây Ngài chỉ nói đến lý thuyết kinh tế-xã hội của Marx biện minh cho công bình xã hội và bình đẳng kinh tế bằng cách chia đồng đều tài sản cho mọi người.

Trước khi tiếp tục nhận xét về câu trả lời của Đức Đạt La Lạt Ma ở trên, tôi xin bàn đến một câu phát biểu khác của Ngài cũng trong bài đối thoại này khi Ngài nói về các tôn giáo (non-theistic religions) như Phật giáo hay Jainism (thành lập ở Ấn Độ vào Thế kỷ VI trước Tây lịch). Các tôn giáo này không công nhận có một Đấng Tạo Hóa tự tại toàn năng. Ngài dùng danh từ "non-theistic" chứ không dùng danh từ "atheistic" tức là vô thần. Marxism là chủ nghĩa vật chất vô thần (atheistic materialism) chối bỏ đời sống tinh thần trong khi Phật giáo lấy đời sống tinh thần và nội tâm làm căn bản (non-theistic spiritualism). Phật giáo không duy vật như Marxism. Hơn thế nữa, Phật giáo cho rằng vật chất như con người thường thấy và hiểu chỉ là ảo ảnh, không phải là sự thật cuối cùng của vũ trụ như khoa học lượng tử (quantum physics) ngày nay đã chứng minh. Trong khi đó Karl Marx cho vật chất miếng ăn manh áo là sự thật cuối cùng trong đời sống của con người cho nên kinh tế kiểm soát và điều khiển thế giới chứ không phải Thượng Đế hay cái tâm của ta. Khi chúng ta thấy sự khác nhau giữa chủ nghĩa vật chất vô thần như Marxism và các tôn giáo đặt căn bản ở tinh thần và không công nhận có một Đấng Tạo Hóa tự tại và toàn năng như Phật giáo thì chúng ta có thể có ý kiến cho

rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma nghĩ Ngài là một người Marxist **khí chi nói** trên bình diện lý thuyết về công bình kinh tế-xã hội mà thôi. Không lý nào Ngài có thể tin vào chủ nghĩa vật chất vô thần vô giai cấp của Karl Marx.

Ngày nay mọi người đã chứng kiến sự thất bại của Marxism từ Liên Bang Xô Viết đến Trung Hoa Lục Địa, Việt Nam, Bắc Hàn, Cuba trong thí nghiệm đẫm máu của các cuộc cách mạng vô sản nhằm mục đích đem lại công bằng xã hội và bình đẳng kinh tế. Lý do chính của sự bế tắc của chủ nghĩa Marx-Lenin là nó đi ngược lại với tự do. Mới nghe chúng ta có thể đồng ý là phương pháp quân bình kinh tế này có vẻ công bình và hợp lý để xóa bỏ cảnh người có dư thừa phung phí trong khi bao nhiêu người khác nỗ lực lao động đổ mồ hôi sôi nước mắt mà vẫn nghèo đói. Nhưng trong thực tế trên bình diện chính trị và kinh tế, chỉ có chính phủ độc tài chuyên chế mới cưỡng bách lấy tài sản của cá nhân đem chia đều cho cộng đồng. Phương pháp này vi phạm tự do cá nhân và vì vậy mà nó vi phạm đạo đức nhân bản phân biệt con người và thú vật.

Đạo đức nhân bản bao gồm ba yếu tố nòng cốt là lý trí, tự do, trách nhiệm. Cả ba đều có trong Phật Pháp. Hơn nữa, như Phật đã nói, lý do chính gây ra cái khổ của con người mà mình thường lăm nghĩ là vì sự bất công trong xã hội và sự bất bình đẳng về kinh tế không gì khác hơn là ách dục và nghiệp báo. Khi mọi người trong xã hội hết vô minh và thực hành đúng theo con đường diệt khổ bát chánh đạo thì trên đời này mới có công bằng xã hội và bình đẳng kinh tế. Và đó là khi mọi người đã gội rửa tâm của mình sạch hết tham sân si và đạt đến niết bàn.

(1) His Holiness the Dalai Lama, *The Dalai Lama's Book of Happiness. How to Live in Freedom, Compassion, and Love*, edited by Renuka Singh. New York: MJF Books, 2016, pp. 151.

SÚC SẮC TÂM ĐỘC

Ở Ba La Nại thời xưa
Có nhà giàu nọ rất ưa bạc bỏi
Ông thường chơi với một người
Cũng mê bạc bỏi, từ thời ăn thua
Nhưng người này tính lọc lừa
Đã nhiều mưu mẹo lại thừa tình ma
Ông nhà giàu vốn thật thà
Tuy ham đánh bạc nhưng mà hiền thay,
Họ chơi súc sắc lâu nay
Được thua nhờ ở vận may do trời.
Người kia tính toán sành đời
Khi ăn, tiếp tục cuộc chơi chẳng dừng
Khi thua, thời hẳn gian hùng
Muốn ngưng lúc xấu, muốn ngừng vận xui
Lén cầm súc sắc đang chơi
Một quân ngậm miệng nuốt trôi xuống liền
Thế rồi hẳn lại la lên:
“Quân bài không đủ ta nên tạm dừng.”
Cái trò bịp bợm bất lương
Khó mà qua mặt gạt ông nhà giàu
Cho nên chỉ được ít lâu
Ông bèn dạy hẳn trước sau một lần,
Ông đem thuốc độc vô ngần
Bôi vào súc sắc để dần khô đi
Nhìn vào không khác lạ chi
Tưởng như vô hại dễ gì nhận ra
Rồi ông một bữa tìm qua
Rủ người bài bạc như là trước đây
Chơi gieo súc sắc cầu may
Trò chơi diễn tiến như ngày trước thôi.
Thoạt tiên hẳn thắng cuộc chơi
Gieo quân súc sắc nhờ trời thật hên,
Chẳng bao lâu hẳn thua liền
Thế là tới lúc bạc tiền trôi ra
Hắn bèn giờ thói tình ma
Lấy quân súc sắc ngậm và nuốt luôn
Thật kín đáo, thật tinh khôn,
Ông nhà giàu mới ôn tồn nói ngay:
“Ai mà nuốt súc sắc này
Sẽ mau gánh lấy chuyện đầy tang thương
Điều gian xảo, chuyện bất lương
Luôn luôn mang lại trăm đường hiểm nguy.”
Sau khi nuốt súc sắc kia
Kẻ gian lừa lọc tức thì ngã ra



Người đau đớn, miệng rên la
Rõ ràng súc sắc quả là hiểm nguy,
Ông nhà giàu vốn từ bi
Nghĩ thâm đã dạy kẻ kia đủ rồi
Giờ đây phải cứu hẳn thôi
Để lâu thuốc độc ngấm thời chết ngay
Thế là ông vội ra tay
Chế pha một loại thuốc hay gia truyền
Uống vào nôn mửa ra liền
Đưa cho hẳn uống quả nhiên tốt lành
Anh chàng nôn mửa thật nhanh
Kìa quân súc sắc rành rành hiện ra.
Khi cơn nguy hiểm đã qua
Ông nhà giàu giúp hẳn ta phục hồi
Pha đường ngọt trộn sữa tươi
Cho người ngộ độc uống thời khỏe thêm
Xong rồi ông khẽ nhủ khuyên:
“Bạn thân đối xử phải nên thật tình
Đừng lừa bịp kẻ tin mình
Con đường gian xảo có thành công đâu
Chỉ mang lại những khổ đau
Tu tâm, sửa tính cho mau là vừa.”

NHẬN DIỆN TIỀN THÂN
Ông nhà giàu ham chơi súc sắc là tiền thân Đức Phật.

thơ

TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(thi hóa, phỏng dịch theo bản văn xuôi POISON
DICE của Ven. Kurunegoda Piyatissa &
Tod Anderson)

BỆNH DẪN TĨNH MẠCH CHÂN

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

Dẫn tĩnh mạch chân và bàn chân là bệnh thường xảy ra và bất cứ một tĩnh mạch nào cũng bị dẫn, đặc biệt là **tĩnh mạch nổi** dưới chân và bàn chân. Lý do là con người thường xuyên đi đứng, đôi khi ngồi lâu, cho nên có áp lực lên dòng máu từ tĩnh mạch chảy ngược lên phần trên của cơ thể.

Bình thường, dẫn tĩnh mạch rất nhỏ, nom như cái màng nhện trên da nhưng cũng có trường hợp tĩnh mạch dẫn quá lớn, nom giống như những con giun ngoằn ngoèo bám vào chân.

Nguyên nhân

Người tuổi cao thường hay bị dẫn tĩnh mạch vì tĩnh mạch giảm tính đàn hồi, dẫn ra thêm vào đó các van tĩnh mạch yếu, không đóng kín cho nên máu dội ngược xuống phần dưới làm cho tĩnh mạch ứ nhiều máu.

Ngoài ra, phụ nữ có thai cũng hay bị bệnh này, vì thai lớn ép vào thành bụng, gây trở ngại cho máu từ chân lên phía trên cơ thể, do đó máu cũng tụ lại dưới chân. Tương tự, người mập quá kỹ cũng hay bị bệnh.

Nữ giới thường bị bệnh hơn nam giới.

Biểu chứng

Vì máu tụ lại phía chân, lâu ngày đưa tới tổn thương tế bào khiến cho da chân hay bị loét. Đồng thời máu giảm lưu thông cũng tạo ra các huyết cục trong tĩnh mạch.

Điều trị

May mắn là bệnh Dẫn tĩnh mạch hạ chi cũng dễ dàng điều trị tại phòng mạch và bệnh nhân cũng có thể tự mình giảm thiểu rủi ro gây ra bệnh này.

Về phía bệnh nhân: Năng vận động cơ thể, giảm cân, không mặc quần áo quá chặt ở vùng bụng trở xuống dưới; khi ngồi nâng chân cao nhất là tránh đứng đứng hoặc đi lại quá nhiều.

Bệnh nhân cũng có thể **mang tất đàn hồi ôm chặt chân**, tránh máu ứ đọng làm căng tĩnh mạch.

Về phía bác sĩ

Có nhiều cách để chữa bệnh này, như là:

- 1- Chích thuốc làm teo mạch máu bị dẫn;
- 2- Dùng tia laser đốt tĩnh mạch bị dẫn;
- 3- Cắt bỏ tĩnh mạch dẫn nổi ở chân;

4- Với tĩnh mạch dẫn lớn, bác sĩ có thể đưa một dụng cụ vào tĩnh mạch, dùng nhiệt để đốt chỗ dẫn quá lớn.

Thêm vào đó, phụ nữ không nên mang giày guốc với gót quá cao và không nên ngồi chéo chân để máu lưu thông dễ dàng.

Xin để ý là trong bệnh dẫn tĩnh mạch, các tĩnh mạch nằm sâu dưới da chân vẫn làm việc như thường lệ: các van tĩnh mạch vẫn khép kín, chặn không cho máu dội ngược xuống phía dưới.

Nổi gân ở cổ tay có thể cũng là do các tĩnh mạch bị dẫn ra, máu tụ nhiều, gây ra hơi nặng và đau đau. Nên nói với bác sĩ làm siêu âm hoặc khám coi xem có bị bệnh nào khác ngoài dẫn tĩnh mạch

Làm siêu âm là để coi xem các van tĩnh mạch có hoạt động tốt hơn cũng như để coi xem có cục máu nằm trong đó. Siêu âm không gây đau và được thực hiện dễ dàng bởi một người chuyên về xét nghiệm này. Trong khi chờ đợi, nên thực hiện các phương thức cá nhân tự chữa như đã nói ở trên.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

www.nguyenyduc.com



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

HÁ CẢO CHAY

Món chay chắc hẳn không xa lạ gì với người Việt chúng ta. Các bạn đã từng ăn qua món há cảo với phần nhân có thành phần chính từ thịt heo băm nhuyễn, cùng một số loại rau củ phụ để tăng mùi vị. Vậy bạn đã ăn qua há cảo chay đặc biệt được làm từ rau củ và nấm chưa? Mặc dù không được làm từ thịt heo, nhân bánh vẫn có mùi vị rất đặc biệt và thơm ngon, đảm bảo chất dinh dưỡng cho người ăn chay. Cách làm cũng vô cùng đơn giản như sau:

Thành phần nguyên liệu:

- 1 muỗng dầu thực vật
- 3 củ tỏi
- 2 củ hành lá
- 1 bắp cải thảo
- 1 củ cà rốt nhỏ
- 50 gram nấm đông cô
- 450 gram măng tươi
- 1 muỗng nước tương
- ½ muỗng cà phê muối
- 30 lá bột gow gee (để gói bánh)

Chuẩn bị:

Tỏi bóc vỏ, băm nhuyễn. Hành lá rửa sạch, bóc vỏ và cắt lát mỏng. Bắp cải bào sợi nhỏ và rửa sạch.

Nấm đông cô cắt hạt lựu. Măng tươi cắt sợi nhỏ.

Cách thực hiện:

Bước 1: Bật chảo dầu lên bếp, vặn lửa vừa. Cho tỏi và hành vào phi thơm và chín vàng, sau đó, cho cà rốt và nấm vào chảo và xào trong khoảng 5 phút.

Bước 2: Cho bắp thảo vào hỗn hợp rau củ và tiếp tục xào thêm 5 phút để bắp thảo chín đều. Gia vị ½ muỗng cà phê muối và nước tương vào chảo. Trộn đều và tắt bếp. Để nguội trong vòng 10 phút.

Bước 3: Xếp các lá bột gow gee lên mâm hoặc đĩa lớn. Cho 2 muỗng cà phê nhân há cảo trên ½ lá bột. Gấp đôi lá bột lại để tạo thành hình bán nguyệt. Thoa nước vào các góc của miếng há cảo và nén chặt lại để cố định nhân của bánh. Đặt các miếng há cảo đã gói vào vỉ hấp đã được lót giấy nướng bánh.

Bước 4: Cho nước vào nồi hấp, lượng nước bằng ¼ thể tích của nồi. Bật nồi hấp lên bếp và nấu trong khoảng 15 phút cho đến khi các miếng lá cảo được nấu chín, bột bánh chuyển sang màu trắng trong, có thể nhìn thấy nhân bên trong mờ.

Bước 5: Thường thức món bánh há cảo chay với nước tương, pha ít giấm và ớt tương cay.

(Nguồn: mevaobep)



Há cảo hấp là món ăn chay được rất nhiều người yêu thích vì vị ngon đậm đà lạ miệng.

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

PHẬT PHÁP CÓ THỂ GIÚP GÌ CHO TRẺ EM?

THUBTEN CHODRON
DIỆU LIÊN LÝ THU LINH *chuyển ngữ*

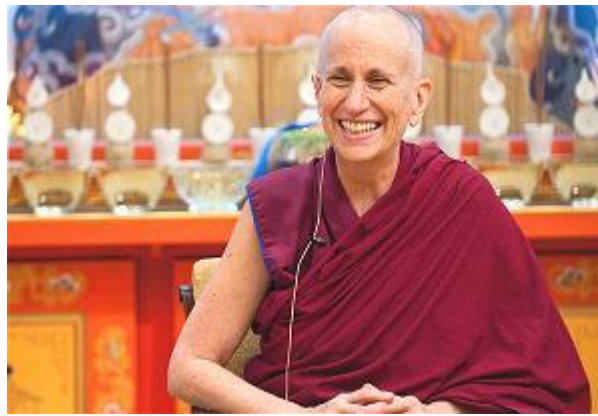
ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Giao lý của Đức Phật căn bản là để dạy ta tránh làm hại và giúp đỡ người khác càng nhiều càng tốt. Đây là những giá trị mà các bậc cha mẹ - dù là Phật tử hay không - đều muốn dạy dỗ cho con cái để chúng có thể sống hòa thuận với người. Vì trẻ em phần lớn học theo gương người lớn, nên cách tốt nhất để cha mẹ dạy con cái các phẩm hạnh là tự họ phải sống như thế. Dĩ nhiên, điều này không phải luôn dễ dàng! Nhưng nếu cha mẹ thực hành tốt điều ấy thì con cái họ sẽ được hưởng lợi trực tiếp từ đó.

Được lớn lên trong một gia đình Phật giáo rất có ích cho trẻ em. Nếu trong gia đình có bàn thờ Phật, con cái có thể giữ vệ sinh bàn thờ và dâng cúng hoa quả. Cô bạn tôi và đứa con gái ba tuổi của cô mỗi sáng đều lạy ba lạy trước bàn thờ Phật. Cô bé sau đó dâng cúng lên Phật bánh trái và người mẹ cũng lấy trên bàn thờ Phật cho lại bé cái bánh hay viên kẹo (thường là phẩm vật cúng ngày hôm trước). Cô bé rất thích nghi thức này.

Con trẻ thích âm nhạc, và sự trầm bổng của những lời kinh, câu chú và các bài hát Phật giáo có thể thay thế các bài hát và lời ru thông thường. Nhiều bậc phụ huynh đọc các bài chú cho con nghe khi đứa trẻ quấy hay buồn ngủ, thì thấy đứa trẻ phản ứng rất tích cực. Trong một gia đình khác mà tôi biết, trước khi ăn, cậu con trai năm tuổi của họ sẽ là người xướng kinh. Đây là những phương cách đơn giản nhưng hữu hiệu để giúp cho cha mẹ và con cái chia sẻ cuộc sống tâm linh.

Các gia đình Phật tử cũng có thể họp mặt



Ni sư Thubten Chodron, người Mỹ, xuất gia theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng.

nhau mỗi tuần hay mỗi tháng để cùng nhau tu học. Thay vì chỉ dẫn con đến trường học đạo và để người khác dạy chúng, thì việc cùng nhau thực hành sẽ mang đến cơ hội để cha mẹ và con cái với thời khóa biểu bận rộn của mình, vẫn có thể trải qua những khoảng thời gian yên tĩnh bên nhau. Ngoài ra, việc làm này cũng giúp các gia đình Phật tử có thể gặp gỡ và hỗ trợ lẫn nhau. Một số hoạt

động có thể chuẩn bị cho trẻ như là tập các bài hát Phật giáo, các bài kinh chú, học lạy Phật và dâng cúng phẩm vật trên bàn thờ, và tập thiền quán niệm trong một thời gian ngắn.

Cha mẹ và con cái ở tuổi đi học có thể chơi đồng tuồng với nhau, tạo ra những hoạt cảnh trong đó tất cả các nhân vật chỉ nghĩ đến hạnh phúc riêng của mình hơn là của người khác, sau đó lặp lại vở tuồng với một trong những nhân vật nghĩ đến hạnh phúc của người khác. Các hoạt động như thế dạy các em cách giải quyết vấn đề và giúp chúng thấy được kết quả của những hành động khác nhau. Các gia đình cũng có thể đến các chùa và trung tâm Phật giáo ở trong cộng đồng với nhau.

Đọc các sách về Phật giáo dành cho trẻ em và xem các video về Phật giáo là những hoạt động khác mà cha mẹ có thể chia sẻ với con cái. Có rất nhiều phim hoạt hình về cuộc đời của Đức Phật và nhiều sách Phật giáo dành cho trẻ em. Thảo luận một cách thân mật với trẻ em vừa có tính giáo dục, vừa mang lại không khí vui vẻ, và cha mẹ sẽ khá ngạc nhiên khi thấy con cái họ cởi mở như thế nào đối với các quan niệm như là tái sinh, nghiệp,



và lòng từ bi đối với thú vật.

Nhiều bậc cha mẹ than phiền, “con tôi không thể ngồi yên!” Tôi đoán là những đứa trẻ này cũng ít khi thấy cha mẹ chúng ngồi yên! Khi con trẻ thấy người lớn ngồi một cách yên lặng, chúng cũng có thể làm theo. Đôi khi con cái và cha mẹ có thể cùng chia sẻ khoảng thời gian yên tĩnh ấy. Thí dụ, đứa trẻ có thể ngồi trên đùi cha mẹ khi họ đọc kinh. Lúc khác, khi hành thiền có thể cha mẹ không muốn bị quấy rầy, và con cái phải biết tôn trọng ý muốn được yên tĩnh của cha mẹ.

Đối với trẻ vị thành niên thì tổ chức thảo luận nhóm sẽ tốt hơn. Người lớn có thể điều khiển một buổi thảo luận về tình bạn hay những đề tài khác liên quan đến tuổi vị thành niên. Điểm đặc biệt của Phật giáo là giáo lý của Đức Phật có thể áp dụng cho mọi khía cạnh của đời sống. Con cái càng thấy sự quan trọng của các giá trị đạo đức và tình thương yêu trong cuộc sống của chúng, thì chúng càng tôn trọng các đức tính này hơn.

Có lần tôi điều khiển một cuộc thảo luận nhóm cho hai mươi thanh thiếu niên về sự quan hệ giữa trai gái. Mỗi em đều lần lượt bày tỏ ý kiến, và mặc dù chúng chỉ nói về cuộc đời và tình cảm của chúng, nhưng có rất nhiều pháp trong những điều chúng nói. Thí dụ, chúng nêu ra sự quan trọng của việc sống có đạo đức. Là người điều khiển, tôi không có dạy hay giảng pháp. Tôi chỉ lắng nghe và tôn trọng những điều chúng nói. Sau đó một vài em đã đến nói với tôi, “đây là lần đầu tiên chúng con nói những chuyện này với một sư cô!”. Không chỉ là chúng có thể nói một cách cởi mở về một đề tài nhạy cảm trước sự chứng kiến của một người lớn, nhưng chúng cũng hiểu rằng các vị thuộc tôn giáo cũng ý thức và thông cảm với các mối quan tâm của thanh thiếu niên. Hơn nữa, chúng cũng thấy những gì là quan trọng trong cuộc đời của chúng.

Làm thế nào để hướng dẫn trẻ hành thiền?

Trẻ em thường tò mò khi thấy cha mẹ của chúng hàng ngày hành thiền. Đây có thể là cơ hội để dạy chúng hành thiền quán sát hơi thở một cách đơn giản. Trẻ em thường thích ngồi yên lặng bên cha mẹ trong

khoảng năm hay mười phút. Khi sự chú tâm của chúng giảm, chúng có thể nhẹ nhàng đứng dậy và qua phòng khác trong khi cha mẹ tiếp tục hành thiền. Nếu cha mẹ cảm thấy việc bỏ đi của con làm phiền mình, họ có thể thực hiện việc hành thiền hàng ngày một cách kín đáo và hành thiền chung với con cái ở một lúc khác.

Trẻ em cũng có thể tập thiền bằng cách mượn tượng (visualization). Phần lớn trẻ em thích giả bộ và có thể dễ dàng mượn tượng sự vật. Cha mẹ có thể dạy con cái nghĩ tượng đến Đức Phật làm bằng ánh sáng. Sau đó, khi ánh sáng tỏa ra từ Đức Phật đến chúng và tất cả những người quanh chúng, chúng có thể trì tụng kinh chú. Nếu đứa trẻ có bạn, người thân, hay thú cưng bị bệnh, hay một người bạn có vấn đề, đứa trẻ có thể đặc biệt nghĩ đến người đó và mượn tượng rằng Đức Phật chiếu ánh sáng đến bạn nó. Bằng cách đó, trẻ em tăng trưởng tâm từ bi và cảm thấy quan tâm đến việc giúp đỡ những người mà chúng thương yêu.

Nếu con cái không quan tâm đến Phật giáo thì sao? Có nên cho phép chúng đi nhà thờ với bạn chúng không?

Không nên áp đặt tôn giáo đối với ai. Nếu con cái không quan tâm đến Phật giáo, cứ để chúng tự nhiên. Chúng vẫn có thể học làm người tử tế như thế nào bằng việc quán sát cách cư xử và hành vi của cha mẹ.

Bạn bè thường rủ nhau đi nhà thờ. Vì chúng ta sống trong một xã hội đa văn hóa, đa tôn giáo, để con cái được biết về các truyền thống khác khi đi lễ ở nhà thờ hay chùa với bạn bè cũng là điều tốt. Khi điều đó xảy ra, chúng ta cần chuẩn bị cho con cái bằng cách nói cho con biết là người ta có những niềm tin khác nhau, vì thế việc tôn trọng và chấp nhận tôn giáo của nhau là điều quan trọng. Con cái của chúng ta cũng có thể mời bạn đến các trung tâm Phật học hay các hoạt động tôn giáo, qua đó tạo sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

Nếu bạn nghĩ rằng con mình bị rủ rê hay áp lực phải chuyển đạo theo bạn chúng, thì bạn cần can thiệp sớm. Giải thích với chúng người Phật tử tin vào điều gì và tại sao. Hãy mô tả các phương cách qua đó niềm tin và các giá trị Phật giáo có thể giúp con cái giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của chúng. Hướng dẫn chúng cách trả lời các câu hỏi về Phật giáo của bạn bè, cũng như dạy chúng cách đặt câu hỏi về niềm tin của các tôn giáo khác. Tóm lại, dạy con bạn phương cách để tự phán xét.

Làm thế nào để quan hệ tốt với con cái, nhất là khi chúng bước vào tuổi vị thành niên?

Có được mối liên hệ cởi mở đối với con cái ở độ tuổi mới lớn rất quan trọng. Điều này phụ thuộc vào cách cha mẹ đã đối xử như thế nào

với chúng khi chúng còn nhỏ. Và cách đối xử này, ngược lại, tùy theo thời gian cha mẹ dành cho con cái cũng như có thái độ tích cực đối với chúng như thế nào.

Khi cha mẹ luôn bận rộn, họ thường coi con cái là gánh nặng - một công việc khác phải đảm nhiệm trước khi họ kiệt lực sau một ngày làm việc mệt nhọc. Con cái cảm nhận được điều này, thường có cảm giác là cha mẹ không quan tâm đến mình hay không có thời gian dành cho mình dầu sự thật không phải thế.

Cần khẳng định điều gì là ưu tiên trong vấn đề thiết lập một mối quan hệ tốt đẹp với con cái. Điều này có thể có nghĩa là chấp nhận một công việc với lương thấp nhưng không phải làm nhiều giờ hay từ bỏ việc thăng chức có nhiều tiền hơn cho gia đình nhưng phải chịu nhiều áp lực hơn và ít thời gian ở nhà hơn.

Đối với con trẻ, tình thương yêu quan trọng hơn những sở hữu vật chất. Con cái cần tình thương và sự quan tâm của cha mẹ nhiều hơn là việc sở hữu máy tính riêng, iPod hay truyền hình. Chọn công việc có nhiều tiền hơn dầu mất đi những mối liên hệ tốt trong gia đình có nghĩa là sau này chúng ta có thể phải bỏ nhiều tiền hơn cho trị liệu và tư vấn cho cả hai: cha mẹ và con cái!

Hãy trao đổi, tâm sự với các cô cậu thanh thiếu niên đó về những điều chúng quan tâm, dầu những thứ đó bạn không màng tới. Đừng chỉ nói với chúng việc phải học giỏi, phải giữ gìn nhà cửa sạch sẽ. Hãy nói với chúng về thể thao hay thời trang hiện đại. Hãy để cánh cửa truyền thông rộng mở.

Trẻ con có cần kỷ luật không? Ta phải kỷ luật chúng như thế nào mà không có thái độ nóng giận?

Con cái thường tạo cho chúng ta những cơ hội tốt nhất - mà cũng khó nhất - để thực hành kham nhẫn! Vì lý do đó, các bậc cha mẹ thường được khuyên phải biết các phương cách đối trị sân giận mà Đức Phật đã dạy.

Kham nhẫn không có nghĩa là để mặc con cái muốn làm gì thì làm. Thực ra, làm thế là ác với con cái, vì điều đó khiến chúng sinh ra những tật xấu, khiến chúng khó hòa hợp với người khác. Một trong những khả năng giá trị nhất mà cha mẹ có thể dạy cho con trẻ là ứng xử như thế nào khi không có được điều mình muốn. Khi các yêu cầu của chúng không được thỏa mãn, chúng cần phải học chấp nhận điều đó. Chúng cần được hướng dẫn để biết các giới hạn và biết vị trí của mình. Chúng cần phải biết hậu quả của các hành động, và biết cách phân biệt tốt, xấu. Cha mẹ cần tránh để bị con trẻ gây áp lực trong việc phải mua những thứ chúng không cần hay tham gia vào các hoạt động mà chúng chưa đủ sức làm. Tuy nhiên, nếu ta chỉ nói "không", là ta đã bỏ qua cơ hội để dạy trẻ



biết suy nghĩ trong những trường hợp như thế. Khi trẻ đủ lớn, bạn phải giải thích cho chúng hiểu lý do.

Biết đủ là một nguyên tắc cốt yếu trong Phật giáo. Làm thế nào chúng tôi có thể dạy cho con cái điều này?

Biết đủ, biết bằng lòng, giúp ta thấy an vui với cuộc sống hơn và trải nghiệm được nhiều hạnh phúc hơn. Tôi nghĩ một trong những lý do khiến trẻ con không biết bằng lòng, không biết chấp nhận là vì chúng được có quá nhiều lựa chọn trong các dịp lạc. Từ nhỏ, chúng đã được hỏi: "Con uống nước táo hay nước cam?", "Con muốn xem đài này hay đài kia trên truyền hình?", "Con muốn loại xe đạp này hay loại kia?", "Con muốn món đồ chơi màu đỏ hay màu xanh?"...

Trẻ em - còn chưa nói đến người lớn - trở nên lúng túng khi dồn dập có quá nhiều lựa chọn. Thay vì tập bằng lòng với bất cứ thứ gì mình có, chúng luôn buộc phải nghĩ, "Thứ nào sẽ đem lại cho tôi hạnh phúc hơn? Tôi còn cần gì thêm nữa để được hạnh phúc?". Kết quả là ta làm tăng thêm tâm tham, tâm si của chúng.

Để sửa đổi điều này không có nghĩa là cha mẹ phải trở nên độc đoán. Thay vào đó, cha mẹ nên tránh đặt nặng những vấn đề này trong gia đình. Dĩ nhiên, điều này còn tùy thuộc vào việc cha mẹ có thay đổi thái độ đối với các dịp lạc và sở hữu vật chất. Nếu cha mẹ biết vun trồng tính biết đủ, biết bằng lòng, con cái của họ sẽ thấy dễ dàng hơn khi làm theo.

Con cái ở tuổi vị thành niên thường về nhà không đúng giờ giấc. Là cha mẹ, tôi biết mình không kiểm soát được chúng, nhưng làm sao để tôi không tự trách rằng đó là hậu quả của những hành động thiếu trách nhiệm của mình?

Là cha mẹ, bạn đã dưỡng nuôi con cái từ lúc chúng không biết gì, phải hoàn toàn dựa vào bạn. Lúc đó, bạn chịu trách nhiệm về mọi khía cạnh trong cuộc sống của đứa trẻ. Nhưng khi con bạn đã lớn, trở nên tự lập hơn, chúng dần dần nhận lãnh trách nhiệm của riêng chúng và bạn không còn phải chịu trách

nhệm cho mọi khía cạnh trong cuộc đời của con. Biết buông bỏ cũng là một thử thách trong vai trò làm cha mẹ.

Làm cha mẹ, ai cũng muốn con mình được hạnh phúc, không phải khổ. Vì thế bạn dạy chúng các kỹ năng để đối phó với mọi hoàn cảnh. Nhưng bạn không thể theo chúng suốt đời để bảo vệ chúng khỏi khổ đau. Điều đó là không tưởng, và cũng khá đau đớn nữa! Bạn có muốn đi theo canh chừng con suốt 24 tiếng một ngày không? Cha mẹ ta cũng muốn ta được hạnh phúc, nhưng họ cũng phải để ta sống cuộc đời của mình. Họ đã dạy ta các kỹ năng, nên dẫu ta có làm bao lầm lỗi, ta vẫn sống còn. Chúng ta đã biết đối phó với các lỗi lầm, biết học hỏi từ chúng, và rồi bước tới. Con cái chúng ta cũng phải như thế.

Thật đau lòng khi thấy người ta thương - con cái, người yêu, cha mẹ, bạn bè - phạm sai lầm. Đôi khi chúng ta không thể làm gì để ngăn cản điều đó. Chúng ta chỉ cần có mặt ở đó, và giúp họ học hỏi từ sai lầm của mình.

Đôi khi cha mẹ đi tới chỗ cực đoan khi dạy dỗ trẻ vị thành niên ương bướng. Đó là họ trở thành giống như một huấn luyện viên trong quân đội, chất vấn con cái họ với bao câu hỏi như đi đâu với ai, về nhà mấy giờ. Trẻ vị thành niên coi đó như xâm phạm quyền tự lập của chúng và dễ trở nên ương ngạnh hơn nữa.

Một cực đoan khác nữa là để cho con muốn đi hay về tùy ý, coi nhà như khách sạn, để cha mẹ phải giặt đồ, dọn dẹp nhà cửa, cơm nước cho chúng. Muốn tránh điều này, ta cần phải dạy con từ lúc nhỏ rằng các thành viên trong gia đình phải nương tựa lẫn nhau. Phải giao chúng làm việc nhà. Khi chúng lớn hơn, hãy để chúng tự giặt đồ, vệ sinh nhà cửa, nấu ăn. Các bốn phạm này không chỉ giao riêng cho con gái. Con trai cũng cần phải biết tự chăm sóc bản thân.

Thubten Chodron

Diệu Liên Lý Thu Linh chuyển ngữ
(theo sách *Dealing With Life's Issues*
- *A Buddhist Perspective*)

NGÔI SAO SÁNG TRÊN NỀN TRỜI PHẬT GIÁO

Kính dâng Giác Linh
ĐLHT Thích Trí Quang

*Ngôi sao sáng trên nền trời Phật Giáo
Suốt thời gian tĩnh lặng chốn Từ Đàm
Giờ đây Ngài vĩnh biệt cõi trần gian
Về thế giới của muôn vàn tịnh cảnh.*

*Bao Tăng Ni đều nhớ thương kính lặn
Một nén hương xin nguyện kính dâng Ngài
Chẳng cần chi phúng điệu giữa thời nay
Sống đơn giản chết nhẹ nhàng thoáng đẹp.*

*Khí phách Ngài một thời như sắc thép
Nhớ những ngày tranh đấu sáu mươi ba
Tâm nguyện Ngài muốn đẹp kẻ ác ma
Một chế độ phải dừng chân lùi bước.*

(Dallas Texas, 8-11-2019)

NGƯỜI LÀM RUNG RINH NƯỚC MỸ

Thành kính dâng lên Giác Linh Ôn Trí Quang
tân viên tịch

*Người Làm Rung Rinh Nước Mỹ
Một đời trải nghiệm niềm tin
Sống không mưu cầu lợi dưỡng
Chết không màng đến hiển linh.*

*Người làm rung rinh nước Mỹ
Suốt đời sống đạo hy sinh
Tăng Ni muôn người thương kính
Hướng theo hạnh nguyện chí tình.*

*Người làm rung rinh nước Mỹ
Dấn thân cứu khổ sinh linh
Nguyện vì Pháp nạn Phật Giáo
Sá gì những chuyện nhục vinh.*

*Người về rũ bỏ Sắc Không
Thành thoi cùng với mây hồng nhẹ bay.*

(Dallas Texas, 10-11-2019)

thơ **TÁNH THIÊN**

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ

Tổ Chức **LỄ TRUY TÁN CÔNG HẠNH** **CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ QUANG**

TIN TỨC / SỰ KIỆN

SANTA ANA (Bình Sa) -- Tại Chánh Điện Chùa Bát Nhã, Văn Phòng Thường Trụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH (4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703) vào lúc 02 giờ chiều, thứ Bảy, ngày 16 tháng 11 năm 2019, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNKH) đã long trọng Tổ chức Lễ Truy Tán Công Hạnh của Đức Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Trí Quang, nguyên Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống; nguyên Cố Vấn Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo GHPGVN Thống Nhất, đã viên tịch vào lúc 09 giờ 45 tối thứ Sáu, ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Chùa Từ Đàm, Huế, Việt Nam, trụ thế 97 năm, 72 hạ lạp.

Tham dự lễ truy tán gồm có hơn 150 chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức tăng ni và hàng trăm đồng hương Phật tử.

Chư tôn Giáo Phẩm có: Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH; Trưởng Lão HT. Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới; HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH; HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH; HT. Thích Minh Tuyên, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ, Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH; HT. Thích Chơn Trí, Phó Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành, Tăng Đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại; HT. Thích Minh Dung, Phụ Tá Chánh Thư Ký Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH; HT. Thích Minh Mẫn, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNKH; HT. Thích Như Minh, cùng quý HT. phụ trách các Tổng Vụ, các chùa và tự viện đến từ Bắc Cali, San Diego và Nam California trong đó có quý HT. Thích Thiện Long, HT. Thích Thích Huệ Minh, HT. Thích Tâm Vân, HT. Thích Giác Pháp, HT. Thích Minh Trí, HT. Thích Minh Hồi, HT. Thích Quảng Mẫn, HT. Thích Tuệ Uy, HT. Thích Nhật Huệ... Ni Trưởng Sư Bà Thích Nữ Như Hòa, Ni Sư Diệu Tánh, Ni Sư Chân Thiện, NS. Chân Diệu cùng quý chư tôn đức Tăng, Ni cùng quý huynh trưởng các cấp Gia Đình Phật Tử, ông Chánh An Nguyễn Trọng Nho và phụ nhân, cùng các vị nhân sĩ trí

thức Phật giáo, một số các cựu viên chức chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, một số quý vị đại diện hội đoàn, đoàn thể, các cơ quan truyền thông.

Điều hợp chương trình buổi lễ do HT. Thích Nguyên Siêu, HT. Thích Minh Dung, Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê.

Trước khi vào lễ chính thức tất cả cùng đứng lên niệm hồng danh Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tiếp theo HT. Thích Nguyên Trí thay mặt ban tổ chức lên tuyên bố lý do buổi lễ, mở đầu HT. ngỏ lời chào mừng và cảm ơn Chư Tôn Giáo Phẩm, chư tôn đức Tăng Ni đã quang lâm chứng minh tham dự buổi lễ, cảm ơn đồng hương Phật tử cùng quý quan khách, các cơ quan truyền thông. Trong dịp này HT. cũng đã nhắc lại công hạnh của Cố Đức Đại Lão HT. Thích Trí Quang.

Sau đó HT. Thích Minh Dung và Đạo Hữu Huỳnh Tấn Lê lên giới thiệu thành phần tham dự.

Tiếp theo HT. Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK lên cung tuyên tiểu sử của Cố Đại Lão HT. Thích Trí Quang trong đó có đoạn cho biết:

1/ Thân Thế:

Đại Lão Hòa thượng Thích Trí Quang, thế danh Phạm Quang, sinh vào giờ Thìn ngày 21/12/1923 (Quý Hợi) tại làng Diêm Điền, tỉnh Quảng Bình. Ngài là người con thứ tư trong gia đình gồm 6 anh chị em. Thân Phụ Ngài pháp danh Hồng Nhật, Thân Mẫu pháp danh Hồng Trí. Thân Phụ của Ngài từng là nhân viên mật vụ nghĩa quân Phan Đình Phùng ở Quảng Bình, về sau Cụ ông xuất gia với Đại Sư Đắc Quang, là vị Tăng Càng Chùa Linh Mục, Huế.

2/ Xuất gia tu học:

Ngài xuất gia năm 1938 (Mậu Dần) với Đại sư Hồng Tuyên ở chùa Phổ Minh, Tỉnh Quảng Bình, thuộc dòng Thiền Lâm Tế Thiên Đồng Đạo Môn.

Từ năm 1939 đến 1944, Ngài được Bổn Sư cho theo học tại Trường An Nam Phật Học do Hội An Nam Phật Học thành lập năm 1932 tại Cố đô Huế được Đại Sư Giác Tiên làm giám đốc và Đại Sư Trí Độ làm đốc giáo, Giáo Thọ còn có



Bác Sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám. Phật Học Đường có học trình 10 năm: ba năm sơ đẳng, ba năm trung đẳng, hai năm cao đẳng và hai năm siêu đẳng. Kỳ thi tốt nghiệp vào năm 1944, Hòa Thượng đạt số điểm cao nhất.

3/ Thời Kỳ Hành đạo:

Sau kỳ thi năm 1944 (Phật Lịch 2487), Phật Học Viện tổ chức lễ phát nguyện cho Sa Di giới do Đại Sư Đắc Quang chứng minh, Đại Sư Trí Độ cho mỗi vị một pháp hiệu với chữ Trí đứng đầu. Đạo hiệu Trí Quang của Ngài được dùng từ đó. Mùa hè năm ấy, Đại Sư Hồng Tuyên ban cho Ngài pháp tự là Trí Hải, và tập chúng cử Ngài làm Trụ trì Chùa Phổ Minh.

(xem tiểu sử trang 31)

Tiếp theo, HT. Thích Minh Dung lên tuyên đọc Điều Văn do Đại Đức Thích Chúc Hiền soạn để kính dâng lên cố Đại Lão HT. Thích Trí Quang với lời văn như sau:

Than ôi!

Trời Cổ Đô sao mờ trắng khuyết,
Đất Thành Kinh mây phủ mưa giăng

Chùa Từ Đàm cây lặng gió yên
Dòng Hương Giang sóng lan hình quyện

Thế là: Củi hết lửa tắt, nhật vắng nguyệt lai
Tử biệt sanh ly, Ta Bà cõi tạm, Tịnh Độ quê chơn.

Sống gởi thác về, Tịch nhi phi tịch.

Nhớ giác linh xưa:

Tại làng Diêm Điền bên bờ Tây dòng Nhật

Lệ: tùy duyên xuất thế,

Ở nước Việt Nam nơi miền Bắc tỉnh Quảng Bình: hiện hạnh sanh thân

Thơ ấu thông minh đĩnh ngộ, tánh nết ngoan hiền,

Lớn lên mẫn tuệ khiêm từ, tâm tư thuần hậu

Gia đình mộ Phật, nương Tôn sư Thích Đắc Ân học đạo

Thân phụ thương dân, dựa chí sĩ Phan Đình Phùng phò nghiệp.

...

Gặp khi pháp nạn sáu ba, gia đình nhà Ngô
độc tài kỳ thị mưu cầu tham vọng, ra tay đàn áp Phật Giáo, Tăng ni bị bắt bớ, chùa viện bị

phong toả, Ngài đã vị pháp quên mình, chung lưng đấu cật cùng với các bậc thạch trụ cao tăng, quyết bảo tồn ngọn cờ Chánh Pháp, xứng danh là bậc long tượng đầy đủ chí khí của bậc đại hùng, đại lực, đại trí, đại bi.

Khi đất nước thanh bình, Ngài lui về sống hạnh độc cư, tinh chuyên tu tập, đêm ngày lặng lẽ chuyên ngữ kinh văn, sớm tối âm thầm biên dịch luật luận. Ngài đã để lại cho nền văn hoá Phật Giáo Việt Nam kho tàng pháp bảo đồ sộ làm kim chỉ nam con đường tu tập nghiên cứu, học thuật cho Tăng Ni tín đồ và cho những ai muốn tìm hiểu đạo Phật.

Những tưởng:

TRÍ tuệ nhiệm mầu mãi xua tan màn hôn ám, diu chúng sanh thoát khỏi bến mê

QUANG huy huyền diệu hằng rạng chiếu cõi vô minh, dắt hữu tình quay về bờ giác.

Nào ngờ:

Gió vô thường thổi đến, sóng sanh tử gợn xô. Đền lưu li chợt tắt, hương mạn lị thơm lừng.

Giờ Tuất năm Hợi nơi thiên thất, bóng lạnh phòng không, chốn Từ Đàm Già Lam cây lặng gió yên. Trời Cổ Đô thành nội mưa tuôn mây phủ. Bốn biển môn đồ học chúng ngậm ngùi xót thương lãnh thọ di ngôn chu toàn hiểu sự, năm châu Giáo Hội Tăng Ni bàng hoàng tưởng niệm khắp bái tiễn biệt.

Thế là: Từ nay, môn đồ pháp quyền mất đi người Thầy khả kính, Thiên gia mất đi một thạch trụ, Phật Giáo Việt Nam khắp năm châu mất đi một bậc long tượng kỳ túc thâm uyên. Nhưng hoa đầm tuy rụng vẫn còn hương. Hoà Thượng đi vào cõi vô tung bất diệt. Gương hạnh sáng ngời và đạo phong trắc việt của Ngài mãi còn rạng soi cho hàng Tăng-tục trong khắp năm châu bốn biển.

...
(xem Điều Văn trang 16)

Sau đó là lời cảm từ của Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan.

Tiếp theo nghi thức Tiễn Cúng Giác Linh, cuối cùng lời cảm tạ của Ban tổ chức.



**HÌNH ẢNH LỄ TRUY TÁN CÔNG HẠNH
ĐỨC CỐ ĐLHT THÍCH TRÍ QUANG
TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA, NGÀY 16.11.2019**





ĐỐI DIỆN VÔ THƯỜNG

Diệu Huyền

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

"Như ảo ảnh, như chiêm bao, như ánh chớp, như hạt sương rơi"... đời người phù du như thế đấy, lời của Kinh Kim Cang còn in sâu trong tâm thức, nhưng khi đối diện vô thường không ai là không chao đảo. Trong thán sáo vừa rồi, sự ra đi bất ngờ của người thầy thương kính như một cơn địa chấn rung chuyển cuộc sống bình lặng. Những ngày cuối cùng ngài đã thị hiện cho chúng ta điều đáng sợ nhất không ai muốn nghĩ tới, nhưng sớm muộn gì cũng phải đối đầu không thể nào tránh được. Đó là sự hoại diệt của thân tứ đại quen thuộc bao lâu nay đã là cái ta độc nhất vô nhị, trong đó ta đã sống, đã cảm nhận những hỷ nộ ái ố, những kinh nghiệm cuộc đời trong vòng trời đất xoay vần, với cỏ cây hoa lá, thời tiết bốn mùa xuân hạ thu đông. Sự qua đời của một người thân, hơn thế nữa của một người thầy là sự mất mát lớn lao nhất không gì có thể bồi đắp lại được. Làm sao diễn tả được nỗi buồn thấu tận tâm can của sinh lý tử biệt? Sự ra đi của ngài như một tiếng chuông cảnh tỉnh cho thấy cái chết là một điều gì rất gần gũi, đi liền với đời sống và có thể đến bất cứ lúc nào. Hơn lúc nào hết ta phải trở về nương tựa nơi Pháp Phật để thấy tất cả chỉ là duyên hợp giả tạm, và luyện tập để có được một tâm tình giác, một thái độ vững vàng trong mọi tình huống có thể xảy ra, không chỉ cho sự sinh tử của chính mình, mà còn cho những người thân thương.

Con người ngày nay đã phát triển kiến thức khoa học đến mức thần kỳ, nhưng cái chết vẫn mãi là một bí ẩn không gì có thể kiểm chứng được. Chỉ có đạo Phật với phương pháp tu như Mật tông đã cho con người một cái nhìn thoáng qua về quá trình diễn biến của sự chết, như được nói đến trong "Tử Thư Tây Tạng" hoặc quyển "Sinh và Tử Thư Tây Tạng" (The Tibetan Book of Living and Dying) của đại sư Sogyal Rinpoche. Trong quyển Tử Thư Tây Tạng, danh từ "Bardo" được dùng để diễn tả một trạng thái trung gian của tâm thức giữa lúc chết và lúc tái sinh, thường được dịch ra tiếng Việt là "Thân trung âm". Tuy nhiên, trong quyển "Sinh và Tử Thư Tây Tạng", bardo được định nghĩa như trạng thái tâm thức hay linh thức trong mọi giai đoạn của sinh tử, được chia làm bốn loại bardo, hay có thể nói là 4 trạng

thái trung gian của thức con người trong quá trình sinh tử.

1- Bardo tự nhiên của đời sống (the "natural" bardo of this life):

Bardo tự nhiên trong hiện kiếp của chúng ta kéo dài từ lúc sống cho đến lúc chết. Tâm thức của chúng ta không chỉ bắt đầu từ lúc mới sinh ra đời, mà là sự nối tiếp của linh thức trong kiếp trước. Do đó, tuy trạng thái trung gian này là dài nhất, nhưng nếu so với thời gian vô tận của kiếp sống luân hồi, khoảng thời gian trải qua trong hiện kiếp cũng chỉ là một khoảng cách ngắn ngủi. Những gì ta làm trong đời này có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sau. Vì vậy, khi còn ở trong hiện kiếp, ta phải tận dụng tu tập tạo nhân tốt lành, xả bỏ tham sân si và chuyển hóa tâm linh, nhằm đạt đến mục đích giác ngộ Phật Tính, thoát ly luân hồi sinh tử.

2- Bardo "đau khổ" của cận tử (the "painful" bardo of dying):

Bardo cận tử bắt đầu từ giây phút mang bệnh nan y hay ở trong trạng thái sắp chết tới giây phút tắt thở. Người sắp chết cần một bầu không khí yên tĩnh, chan hòa tình thương, và nhất là có sự cầu nguyện để trợ lực. Giây phút cận tử là tối quan trọng vì lúc ấy tâm trí rất yếu đuối và dễ bị cuốn trôi theo những tư tưởng và cảm xúc cuối cùng. "Cận tử nghiệp" nói đến ảnh hưởng quyết định của niệm khởi cuối cùng đối với nghiệp tái sinh, tùy theo trạng thái tâm thức yên ổn hay xao động lúc đó mà sinh về cõi xấu hay tốt, bất kể đến những điều thiện hay điều ác đã làm trong quá khứ. Người sắp chết phải buông bỏ hết tất cả những ràng buộc luyện tiếc, những nỗi xúc cảm khởi lên từ tham sân si.. và nương nhờ nơi sự tiếp dẫn của Phật lực. Trong trạng thái này, có thể cảm thấy sự đau khổ vì chúng ta không biết được điều gì sẽ xảy ra cho mình. Ngay cả một người có tu tập cũng không thoát được điều đó, vì mất đi thân xác, xa lìa cuộc đời là cả một kinh nghiệm rất khó khăn. Tiến trình cái chết được bắt đầu qua sự ngừng hoạt động của các căn thức, sau đó là sự tan rã của các yếu tố ngũ đại trong thân: Đất, Nước, Gió, Lửa và Hư Không (quan niệm của Tây Tạng cho là ngũ đại, thay vì tứ đại). Đó là một tiến trình khó khăn, nhưng nếu chúng ta được chỉ dẫn về ý nghĩa của sự chết, ta sẽ biết rằng có rất nhiều hi vọng được giải thoát

khi thấy được “Nền Ánh Sáng Nguyên Thủy” tỏa chiếu xuống trong giai đoạn tiếp theo.

3- Bardo chiếu sáng của Tự tánh hay Pháp thân (the “luminous” bardo of Dharmata):

Trong giai đoạn này, sau khi những yếu tố vật chất của thân xác đã tan rã, những yếu tố tinh thần còn tồn đọng trong tâm bình thường của chúng ta như những điều yêu ghét, những cảm xúc tiêu cực của tham sân si v.v..cũng bị tiêu tan theo. Cuối cùng không còn lại dấu vết gì để che khuất nền tảng Tự Tánh nguyên thủy mà khi còn sống đã bị chìm lấp trong những lớp vỏ sâu dày của vọng tưởng vô minh. Lúc ấy hiện ra Tự Tánh nguyên thủy, hay Pháp Thân trong một “Nền Ánh Sáng Nguyên Thủy” (Ground Luminosity) trong suốt chói lòa, hiển thị với âm thanh, màu sắc, và ánh sáng. Đây chính là thời điểm giải thoát khỏi luân hồi sinh tử, nếu linh thức có thể hòa nhập toàn diện vào Nền Ánh Sáng Nguyên Thủy không rộng chói lòa ấy. Nhưng Nền Ánh Sáng Nguyên Thủy này hiện ra rất chớp nhoáng, hầu hết những người bình thường không nhận ra được, chỉ có những vị đã có kinh nghiệm giác ngộ, từng cảm nghiệm được Tự Tánh nguyên thủy mới có thể thấy được. Điều khó khăn là trong khi Nền Ánh Sáng Nguyên Thủy chói lòa này chiếu xuống, cũng có những luồng ánh sáng khác êm dịu hơn, quyến rũ hơn với những âm thanh và màu sắc mờ ảo như màu xám, vàng, xanh lục, xanh da trời, đỏ và trắng. Những màu sắc mờ ảo ấy chính là do tập khí trong nghiệp thức đã kết tụ để tạo thành. Màu xám là địa ngục, do lòng sân tạo ra, màu vàng là cảnh giới của nga quý, do lòng tham, màu xanh lục là cảnh giới của súc sinh, do lòng si mê, màu xanh da trời là cảnh giới của người, do lòng dục, màu đỏ là cảnh giới a-tu-la, do lòng ghen tỵ, và màu trắng là cảnh giới trời, do lòng kiêu ngạo. Khi ở trong Nền Ánh Sáng Nguyên Thủy, nếu không có đạo lực, ánh sáng chói lòa dễ làm người ta sợ hãi và bị thu hút bởi những ánh sáng êm dịu hơn, và như thế lại tiếp tục trôi lăn trong vòng luân hồi lực đạo.

4- Bardo theo nghiệp hình thành (the “karmic” bardo of becoming):

Khi không nhận ra được Pháp Thân hay Nền Ánh Sáng Nguyên Thủy, giai đoạn bardo trung gian của ánh sáng Tự Tánh hay Pháp Thân lướt qua rất nhanh, và sau đó linh thức tỉnh dậy trong trạng thái “Bardo theo nghiệp hình thành” của nghiệp lực tái sinh, thường được gọi là Thân Trung Âm, trạng thái trung gian kéo dài từ lúc chết cho đến giây phút tái sinh. Trong trạng thái này, những yếu tố tinh thần của linh thức sống dậy mạnh mẽ, không còn bị cản trở bởi xác thân vật chất, nên phát triển tự do, rất bén nhạy, nhanh nhẹn và sáng tỏ. Tiến trình tan rã của cái chết nay được đổi ngược lại: Ngũ Đại (Đất Nước Gió Lửa Hư Không) xuất hiện, cùng với đó là những trạng thái tâm thức tồn đọng của tham, sân, si. Và

rồi ký ức tạo nghiệp trong quá khứ còn rõ nét đã tạo nên một “thân tinh thần” với những tập khí thói quen cũ.

Thân tinh thần có một số đặc điểm là: đầy đủ căn thức, nhẹ bồng và lưu chuyển không ngừng. Khả năng nhận thức của thân này có thể nói là nhanh gấp bảy lần hơn lúc còn sống. Ngoài ra nó còn có năng lực tiên tri tự nhiên, khiến cho thân tinh thần có thể đọc được tâm người khác. Thân tinh thần này có hình dạng tương tự như thân trong kiếp vừa qua, nhưng không có một khuyết điểm nào và ở trong một tình trạng đẹp đẽ nhất. Ngay cả trong kiếp vừa qua nếu có bị tật nguyền hay ốm đau, bạn cũng mang một thân tinh thần thật toàn hảo trong giai đoạn Thân Trung Âm này.

Thân tinh thần vốn do lực của vọng tưởng tạo nên, cũng được gọi là “gió nghiệp”, không thể nào dừng yên lại một chỗ, lúc nào cũng chuyển động không ngừng tùy theo niệm khởi. Và bởi vì không có một thân vật chất, nó có thể đi xuyên qua bất cứ nơi nào, kể cả xuyên tường vượt núi. Và cũng vì có sẵn 5 yếu tố ngũ đại, nên linh thức tưởng chừng như đang ở trong một thân vật chất, và vẫn cảm thấy đói. Giáo lý bardo dạy rằng thân tinh thần sống nhờ hưởng khí từ những phẩm vật cúng, nhưng chỉ có thể thụ hưởng được những đồ cúng cho chính mình.

Trong trạng thái thân trung âm, linh thức sống lại tất cả những kinh nghiệm trong kiếp vừa qua, ôn lại những kỷ niệm và về thăm lại những nơi chốn cũ. Mỗi 7 ngày linh thức lại phải trải qua kinh nghiệm chết thêm một lần, với tất cả những cảm giác đã trải qua. Nếu cái chết an bình, trạng thái an bình ấy sẽ được lập lại. Nếu có cái chết đau khổ, cảm giác đau khổ lại đến một lần nữa. Nên nhớ là kinh nghiệm chết được lập lại này trong linh thức có cường độ mạnh gấp 7 lần khi còn sống, và trong khoảng thời gian chớp nhoáng của thân trung âm tất cả những nghiệp xấu của các tiền kiếp đều trở lại như cơn bão dữ. Nhưng mỗi lần quá trình chết này được lập lại cũng cho một tia hy vọng rất lớn để được giải thoát, khi Nền Ánh Sáng Nguyên Thủy trở lại chiếu sáng cho những người đã tu tập giác ngộ có cơ hội hòa nhập vào nền Pháp Thân nguyên thủy này.

Cuộc hành trình lang thang đầy bất an của linh thức qua cõi giới của thân trung âm có thể ví như một cơn mộng, và cũng như trong mộng, ta nghĩ rằng ta có một thân vật chất thực sự hiện hữu. Nhưng tất cả những kinh nghiệm trong thân trung âm này đều chỉ là hiện tượng của những gì khởi lên từ tâm thức, được tạo nên do nghiệp lực mà thôi. Toàn thể những cảnh giới chung quanh được kết hợp bằng nghiệp lực, cũng như những hình ảnh dễ sợ như ác mộng trong thân trung âm là do ảo tưởng của chúng ta tạo nên. Một người có đời sống đạo đức tốt đẹp lúc sinh tiền sẽ kinh nghiệm niềm vui hạnh phúc, còn nếu có cuộc đời bất lương xấu ác, sẽ kinh nghiệm sự đau

khổ sợ hãi. Tất cả những gì đã làm trong kiếp sống vừa qua đều được phơi bày, và linh thức sẽ gánh chịu trực tiếp hậu quả khổ đau mình đã gây ra cho người khác.

Thời gian của thân trung ấm kéo dài trung bình trong vòng 49 ngày, và nhanh nhất là một tuần. Nhưng thời gian này có thể biến đổi tùy theo nghiệp nặng hay nghiệp nhẹ. Linh thức phải ở lại trong tình trạng thân trung ấm này cho tới khi có duyên nối kết với cha mẹ tương lai của kiếp sau.

Trong tình trạng thân trung ấm, linh thức rất nhẹ nhàng, năng động và mong manh, nên bất cứ tư tưởng nào khởi lên, xấu hay tốt, cũng đều có mãnh lực và ảnh hưởng rất sâu đậm. Không có thân vật chất để chế ngự, tư tưởng trở thành thực tại. Hãy tưởng tượng nỗi buồn hay cơn giận sẽ nổi lên mạnh mẽ như thế nào khi thấy đám tang được cử hành một cách cầu thả, những người thân trong họ cãi vã nhau tranh dành tài sản, hay những người bạn thân thương giờ đây nói xấu hay coi thường ta. Những tình huống như thế rất nguy hiểm, vì phản ứng dữ dội trong linh thức có thể đưa đến một sự tái sinh bất hạnh.

Như vậy, năng lực áp đảo của tư tưởng là vấn đề chủ chốt trong tình trạng thân trung ấm. Trong thời điểm quan trọng này những tập khí và khuynh hướng huân tập trong quá khứ khởi lên tràn ngập. Nếu trước đây những tập khí và khuynh hướng này không được kiểm soát và ngăn chặn, ở trong tình trạng thân trung ấm linh thức sẽ trở thành nạn nhân bất lực, bị xô đẩy theo sự cuốn hút của chúng. Chỉ trong một niệm, năng lực của tư tưởng có thể đưa người ta đến chỗ lành hay chỗ dữ. Do đó, sự tu tập trong lúc còn sinh tiền là rất quan trọng. Trong trạng thái thân trung ấm, bất cứ lúc nào có sự tỉnh giác trong linh thức, dù chỉ là thoáng qua, hoặc một niệm tập trung hướng về Phật, ta cũng có thể ra khỏi được những cảnh giới không tốt.

Tái Sinh:

Trong thân trung ấm, khi thời điểm tái sinh đến gần hơn, linh thức càng ngày càng thêm muốn có được một thân xác vật chất, và đi tìm kiếm cơ hội tái sinh nơi một người nào đó. Những dấu hiệu khác nhau bắt đầu hiện ra báo cho biết cảnh giới có thể tái sinh. Những màu sắc khác nhau chiếu sáng từ sáu cõi luân hồi, và linh thức có thể bị thu hút vào một cảnh giới tùy theo cảm tính tiêu cực nào đang dâng cao lúc đó. Một khi đã bị cuốn vào một trong những ánh sáng này, rất khó mà quay trở lại được.

Thế rồi những hình ảnh bắt đầu hiện ra, liên kết với các cõi giới khác nhau. Có những lý giải khác nhau về những hình ảnh đó, tùy theo giáo lý khác nhau. Ví dụ như có lý giải cho rằng nếu được sinh vào cõi trời, bạn sẽ thấy mình đang đi vào một tòa lâu đài tráng lệ có nhiều tầng. Nếu tái sinh vào cõi súc vật, bạn sẽ thấy mình đang ở trong một cái hang, một cái lỗ

dưới đất, hoặc một tổ rơm. Nếu tái sinh vào cõi địa ngục sẽ thấy đang bị kéo đi vào trong một hố đen xuống một con đường đen, một vùng đất âm đạm với những nhà màu đen hay đỏ, và tiến về một thành phố sắt.

Cũng có những dấu hiệu khác như là cách linh thức nhìn hay cử động như thế nào để đoán biết cảnh giới đang hướng đến. Nếu sẽ được tái sinh nơi cõi trời người, linh thức sẽ nhìn lên; nếu vào cõi súc sinh, sẽ nhìn thẳng như con chim, và nếu vào cõi ngạ quỷ hay địa ngục sẽ nhìn xuống, giống như là đang lao xuống vậy. Nếu bất cứ dấu hiệu nào như vậy hiện ra, phải cẩn thận để không rơi vào những cảnh giới xấu.

Cũng có trường hợp là linh thức có một ước muốn mãnh liệt đến một cảnh giới nào đó, và bị cuốn hút vào đó theo cảm tính. Những lời dạy cảnh cáo rằng ở thời điểm này có nguy cơ rất lớn là trong ước muốn nồng nhiệt được tái sinh, linh thức có thể hấp tấp đi vào bất cứ một cảnh giới nào trông có vẻ an lành, để rồi nếu không được như vậy, cơn giận dữ nổi lên sẽ làm cho linh thức ra khỏi tình trạng thân trung ấm một cách đột ngột và bị lôi cuốn vào sự tái sinh bởi làn sóng xúc cảm tiêu cực ấy. Như vậy ta thấy tái sinh được quyết định trực tiếp bởi lòng ước muốn (tham), sự giận dữ (sân) và si mê.

Cũng có khi linh thức muốn thoát ra khỏi tình trạng thân trung ấm và vội vã đi tìm một nơi trú ngụ nào đó, để rồi trong sự sợ hãi, đành cam chịu tái sinh bất cứ ở đâu. Cũng có khi linh thức trở nên lẩn lộn, tưởng lầm nơi tái sinh tốt là xấu, hay nơi xấu là tốt, hoặc nghe những lời kêu gọi, nghe tiếng hát lôi cuốn, để rồi thấy mình bị dụ dỗ xuống cảnh giới xấu hơn. Phải cẩn thận để không bước vào một trong những cảnh giới không tốt. Nhưng cũng như đang ở trong mộng chợt biết rằng đó là mộng liền ra khỏi mộng, điều tuyệt vời là ngay khi chợt tỉnh trước những gì đang xảy ra trước mắt, linh thức sẽ có năng lực chống trả và thay đổi vận mệnh của mình.

Bị cuốn theo cơn gió nghiệp, linh thức sẽ đến được một nơi chốn trong đó cha mẹ tương lai đang giao hợp. Khi thấy họ, linh thức bỗng cảm thấy xúc động, và do những nhân duyên nghiệp quả trong quá khứ, có thể dâng trào cảm giác thương hay ghét. Nhưng nếu để những tình cảm mãnh liệt chi phối, linh thức sẽ bị tái sinh vào nơi cõi giới thấp hơn.

Làm thế nào để thoát ly sinh tử hay lựa chọn sự tái sinh của mình?

Giáo lý thân trung ấm dạy rằng, có hai cách: một là ngăn chặn sự tái sinh, hai là nếu làm điều đó không được, chọn cõi giới tốt để tái sinh.

1- Thoát ly sinh tử: cách tốt nhất là buông xả hết những cảm xúc như tham sân si, ghen tỵ v.v.. và nhận ra rằng tất cả những kinh nghiệm thân trung ấm đều không có thực. Nếu

có thể làm được như vậy và an trụ tâm nơi tự tánh không rỗng, điều này sẽ ngăn ngừa được sự tái sinh. Tử Thư Tây Tang viết:

"Than ôi! Nào cha nào mẹ, cơn bão dữ, cơn lốc điên cuồng với những sấm sét, những cảnh tượng đáng sợ hiện ra đều chỉ là huyền hóa trong bản chất. Dù chúng hiện ra như thế nào đi nữa, cũng đều là không thật. Tất cả mọi hiện tượng trước mắt đều là giả tạo và không thật. Chúng giống như những ảo ảnh, không thường tồn, và không kiên cố. Ham muốn làm gì? Sợ hãi làm gì? Đó chỉ là thấy cái không thật như có thật..."

Nếu không làm được điều đó, cách thứ hai để ngăn ngừa sự tái sinh là thấy cha mẹ sắp tới của mình như là Phật hay Bồ Tát. Ít nhất bạn phải cố chống lại những ham muốn dăng trào và nhất tâm quán chiếu về cõi tịnh độ của chư Phật. Điều này có thể như ngăn được sự tái sinh trong luân hồi và đưa đến sự vãng sinh vào một cõi giới Phật.

2- Nếu không thể an trụ tâm để làm được những điều trên, chỉ còn cách là chọn sự tái sinh vào cõi giới tốt. Nếu phải tái sinh, hay muốn được tái sinh để thực hiện một đại nguyện, cõi giới duy nhất để chọn tái sinh là cõi người. Chỉ ở nơi cõi người mới có những nhân duyên thuận lợi cho sự thăng tiến tâm linh. Nếu bạn được tái sinh về cõi người với nhiều thuận lợi, bạn sẽ cảm thấy như đang đến một tòa nhà đẹp lộng lẫy, hay ở trong một thành phố, giữa một đám đông, hay thấy một đôi nam nữ đang làm tình với nhau.

Khi đã vào được tử cung của mẹ, bạn đã đi trọn một vòng luân hồi, ra khỏi thân trung ấm và sẵn sàng cho bardo tự nhiên của đời sống kế tiếp.

Nếu có phải tái sinh vào cõi giới xấu hơn, cũng không còn sự chọn lựa nào khác. Chúng ta bị nghiệp lực cuốn trôi vào cõi giới tái sinh không có cách gì chống trả, như con chim bị lừa vào trong chuồng, như cỏ khô bén lửa, hay như con vật bị lún sâu vào sình lầy.

Nhưng theo như lời dạy, niềm hy vọng lúc nào cũng còn đó. Nếu chúng ta biết thiết tha nguyện cầu với một tâm chân thành, dù có phải tái sinh vào một cõi giới nào đó, ước nguyện được giải thoát cũng sẽ đưa đến cơ duyên nhiệm mầu chuyển đổi được vận mệnh sau này.

Diệu Huyền

The Story of the Baddiya Bhikkhus

Dhammapada Verses 292 and 293

While residing near the town of Baddiya, the Buddha uttered Verses (292) and (293) of this book, with reference to some bhikkhus.

Once, some bhikkhus who were staying in Baddiya made some ornate slippers out of some kinds of reeds and grasses. When the Buddha was told about this he said, "Bhikkhus, you have entered the Buddhist Order for the sake of attaining Arahatta Phala. Yet, you are now striving hard only in making slippers and decorating them."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 292: In those who leave undone what should indeed be done but do what should not be done, who are conceited and unmindful, moral intoxicants increase.

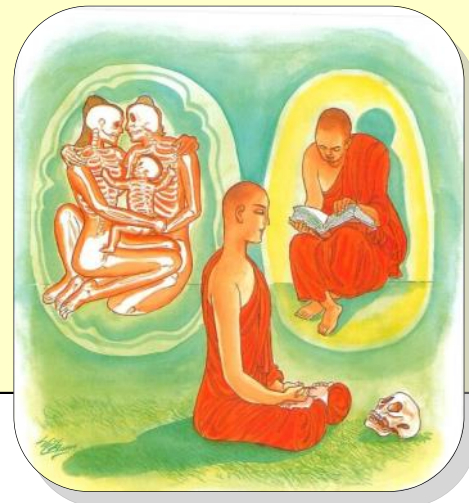
Verse 293: In those who always make a good effort in meditating on the body, who do not do what should not be done but always do what should be done, who are also mindful and endowed with clear comprehension, moral intoxicants come to an end.

At the end of the discourse, those bhikkhus attained arahatship.

RIGHT DIRECTION

They who are devoted to meditation on the body, who leave undone, what should not be done, who diligently do, what should be done, who by so paying rational & well directed attention, will gradually clear themselves of all impurity.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.





GIẾT NGƯỜI DẪN ĐƯỜNG

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Ngày nay biết bao kẻ đi chùa lễ Phật, in kinh đúc tượng, bỏ ra một số tài sản rất lớn để xây chùa dựng tháp để mong cầu phúc lợi thọ trường; nhưng trong cuộc sống lại không từ nan một việc gì nếu nó đem lại cho họ tiền tài, công danh và địa vị. Thật đáng thương.

Kinh Bách Dụ có câu chuyện giết người dẫn đường. Xin kể lại để đoàn sinh cùng huynh trưởng suy gẫm.

Thuở xưa, có một đoàn thương gia dự định đến phương xa để tìm thị trường buôn bán làm ăn. Lộ trình đi phải vượt qua một cánh đồng hoang vu khó có thể xác định được phương hướng. Đồng hoang nhiều thú dữ và thảo khấu, cướp của giết người. Nên sau khi thảo luận học mướn được một thổ dân địa phương rất rành đường làm kẻ hướng đạo.

Cuộc hành trình bắt đầu. Sau một thời gian họ gặp một miếu thần nằm sâu trong hoang mạc. Theo tục lệ ở đây, các đoàn lữ hành đều phải giết một người tế thần thì cuộc đường mới bình an vô sự.

Trước tình thế như vậy họ hội kiến với nhau và chọn người dẫn đường làm vật tế phải giết đi. Kết quả họ đã lòng vòng trong hoang mạc và không còn ai sống sót để trở về hay vượt được hoang mạc đến vùng đất hứa như mong ước.

Tu đạo là chọn cho mình một người thầy dẫn đường (bậc đạo sư). Bậc đạo sư phải là kẻ tử bi, hoà ái đầy đủ trí tuệ. Hành động bạc ác bạo ngược tham đắm mê chấp là mở lối vào ba đường ác là khoá cửa néo về cực lạc an vui, là tự giết kẻ dẫn đường như bọn thương nhân ngu xuẩn vậy. Lại nữa, bần an tự tại vô nhiễm là Phật.

Dấy động tâm tà, đắm say ngũ dục, tà kiến, bạc ác, hung hăng là giết Phật, bởi niệm lành không đến.

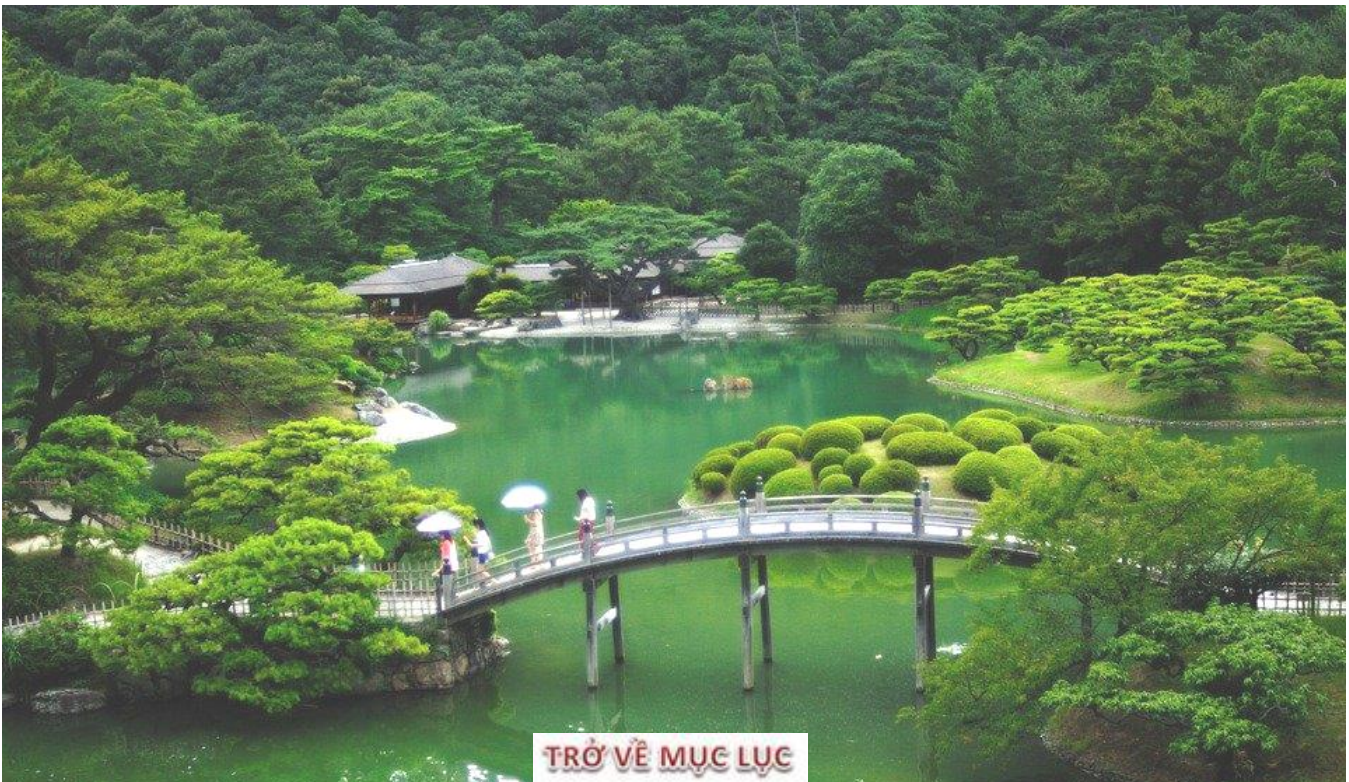
Suy nghĩ cạn mông không hướng về mục đích cao cả, thoát ly sanh tử mê lầm tìm đến cội nguồn giải thoát giác ngộ là Phá Pháp.

Không có tâm tam quy, sám hối, ăn năn, đến lúc sắp mạng vong cũng không hồi đầu cải hoá đó là kẻ Giết Tăng.

Bọn thương nhân và người tà kiến không học không tu, giết Phật Phá Pháp, phá hại tăng nào có khác chi nhau.

Phật tử muốn là kẻ xứng đáng nên người chân chánh chớ có thân gần những hạng người như vậy. Ít nhất là trong giai đoạn sơ tâm học đạo hành đạo như chúng ta hôm nay.

(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi)



TRỞ VỀ MỤC LỤC

Tôn giả Phú Lô Na - Tinh tấn vì Đạo

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Mùa Đông đã tàn, khí trời dần dần ấm áp. Dưới ánh sáng bình minh, muôn cánh hoa đang vươn mình phô sắc. Trên cành, chim chóc đã rời tổ cất tiếng hát trong trẻo, như để chào mừng ánh sáng đã trở về, hay để tiễn chân nhà Đạo sĩ sắp lên đường quên mình vì Đạo.

Trong thành Ba La Nại ngôi Tịnh xá Trúc Lâm kiến trúc trên một canh đồi rộng rãi, cây cối um tùm tĩnh mịch dần dần hiện rõ trong đám sương mù.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đang an tọa trong Tịnh xá Trúc Lâm, dùng đạo nhãn thấy dân chúng ở nước Rô-Na-Ba-Răn-Ta đang chịu nhiều điều thống khổ dưới quyền thống trị của nhà cầm quyền Kê-Hoa-Đà người Bà La Môn giáo. Người ấy đã dùng bạo lực sẵn có trong tay, ép buộc dân chúng phải tôn thờ Phạm Thiên và ngược đãi bắt bớ những người chống đối lại.

Trước hành động bạo ác và bất công ấy, Đức Thế Tôn thương hại cho Kê-Hoa-Đà là một nhà trí thức mà hiện tại không có người hướng dẫn sáng suốt, tương lai không tránh khỏi ác báo trong ba đường.

Bấy giờ Đức Thế Tôn thấy trong hàng đệ tử, chỉ có Tôn giả Phú Lô Na là người có thiện duyên với Kê-Hoa-Đà và dân chúng xứ ấy nên sai đến đó để giáo hóa.

Đức Thế Tôn biết rằng: Trên con đường truyền bá

Chánh Pháp dắt người trở về con đường tươi sáng của ánh đạo Từ bi, tôn giả Phú Lô Na sẽ gặp nhiều trở ngại thử thách của đời sống.

Biết vậy, nên Đức Thế Tôn gọi Tôn giả Phú Lô Na đến dạy rằng:

- Dân xứ ấy và Kê-Hoa-Đà độc ác lắm, ta sợ người không đủ can đảm để chịu đựng.

- Bạch Thế Tôn, con nguyện đem hết năng lực để làm tròn sứ mạng.

- Nếu đến đó bị chửi mắng, thì người nghĩ sao?

- Con nghĩ: những lời chửi mắng kia cũng như những tặng phẩm nếu họ đem đến tặng cho con, con không nhận, họ sẽ mang về; và con nghĩ rằng: những người ấy còn hiền từ lắm, vì họ chỉ chửi mắng mà không nhận nước con.

- Nếu họ đem nhận nước người?

- Con nghĩ rằng: họ là những người tồi tệ, và chỉ nhận nước mà không lấy đá ném vào đầu con.

- Nếu họ dùng đá ném vào đầu người?

- Con nghĩ rằng: họ rất tốt vì chỉ lấy đá ném vào đầu mà không dùng gậy đập con.

- Nếu họ dùng gậy đập người?

- Con nghĩ rằng: họ rất hiền từ vì chỉ dùng gậy đập mà không giam cầm, ngăn cản bước đường truyền đạo của con.

- Nếu họ giam cầm người?

- Con nghĩ rằng: những người ấy rất tử tế, vì họ giúp con có thời gian tịnh dưỡng tinh thần để nung luyện thêm ý chí, mà không dùng gươm đâm chém con.

- Nếu họ lấy gươm đâm chém người?

- Con nghĩ rằng: họ rất tốt dạ, vì chỉ đâm chém mà không giết chết con.

- Nếu họ giết chết người?

- Bạch Thế Tôn, con rất vui mừng, vì những người kia đã dùng tâm từ bi giúp cho con sớm thoát khỏi tam thân giả tạm đau khổ này, để chóng thành quả vị Vô Thượng Giác.

Đức Thế Tôn dạy: "Hay thay! Hay thay! Phú Lô Na người đã có một ý chí mạnh mẽ. Người đã biết khinh thường thân mạng để phụng sự chân lý. Người thật là một người đệ tử trung kiên của ta, đáng thay ta đến xứ ấy truyền bá Chánh pháp hướng mọi người trở về con đường sáng đầy an lạc và giải thoát."

Tôn giả Phú Lô Na đành lễ, vâng lời Phật dạy rồi từ giả lên đường sang xứ Rô-Na-Ba-Răn-Ta.

Thiện Bình

*"Chúng sanh cần con đến
Đạo pháp cần con đi
Không nề gian lao,
Không từ khó nhọc,
Quyết tâm làm tròn nhiệm vụ
của vị NHƯ LAI SỨ GIẢ."*

Đi tìm tiếng vọng

NGUYỄN CẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

HT Trí quang là một nhân vật lịch sử. Cuộc đời và hành trạng cũng như quan điểm của ông vẫn là một chủ đề gây nhiều tranh luận trước, trong và sau cuộc chiến. Giờ đây người đã viên tịch, thôi thì hãy gác sang một bên những thị phi, nhớ lại những công trình mà ông đã để lại cho Phật giáo về mặt trước tác và phiên dịch. Riêng người viết có một lần gặp gỡ HT tại chùa Già Lam và cuộc trò chuyện đã gợi cảm hứng cho tác phẩm "Đi tìm tiếng Vọng" in năm 2018. Xin đăng lại đây lời phi lộ cho tác phẩm ấy.

LỜI PHI LỘ

(cho *Đi tìm tiếng vọng*)

Trong một buổi chiều được hầu chuyện Hòa Thượng Thích Trí Quang, cách đây để chừng hơn 10 năm, người viết trong câu chuyện lan man nhiều chủ đề, được nghe bậc tôn đức truyền đạt một số kinh nghiệm về dịch thuật. HT nói: "Anh có biết ngày trước, khi chúng tôi dịch kinh, phải nhập thất 3 tháng ròng rã, tập trung tinh thần, ý lực để dịch vì thân và tâm đều phải "tịnh." Tôi nói ví dụ, có lần câu nói "Tất cả những pháp ấy đều là đạo cả." Chữ 'cả' ở đây bị hiểu sai là trạng từ, nghĩa là cũng là cả hai, trong khi chữ 'cả' đúng ra phải hiểu là tính từ với nghĩa 'chính yếu, bao trùm cả vũ trụ vạn hữu, nhưng không ngoài bản tâm thanh tịnh.' Ngoài ra có lần chính tôi đã phải cho in lại cả 5000 cuốn kinh chỉ vì sai phần luận giải vì cái câu 'Đĩ khổ vi lương,' lấy đau khổ làm lương thực. Mình nói thế ai hiểu được, phải sửa lại, xem như 'phương tiện, chất liệu để tu tập, chuyển hóa thăng hoa, là lấy khổ đau làm lẽ sống, làm lý tưởng phấn đấu để vượt lên chính mình và cứu giúp cuộc đời.' Thế nên tôi phải cho in lại."

Như vậy thì xem ra dịch không phải là công việc đơn giản như một số người trong chúng ta nghĩ. Lại càng không thể nghĩ rằng với phương tiện hiện đại như Google, máy dịch thì có gì làm rào cản giữa các dân tộc nếu họ muốn hiểu nhau. Còn nói đến phiên dịch văn chương mà có người từng khẳng định: "Không bao giờ bản dịch lột tả hết cái thần thái, cái uyên áo, súc tích của nguyên bản, chỉ may mắn là tiệm cận, còn không thì hơi hợt ngoài da thôi. Nghĩa là qua một phương tiện khác để hiểu về ý thôi chứ cái hay của bản dịch làm sao lột tả được.

Những vần Bằng trong thơ Bích Khê:

Nàng ơi! Tay đêm đương giăng mềm

Tay đan qua cành muôn tơ êm

Hay "chơi chữ" như Bùi Giáng:

Đi về đi ở đi đi

Đi là đi biệt từ khi chưa về

Thì sự trùng âm ấy làm sao chuyển tải nổi! Nhưng chúng ta chớ nên bi quan quá vì văn hóa có những không gian giao thoa với nhau vì chính Bích Khê đã từng viết "Vài chút trắng say mộng ở làn môi" nghe mơ hồ như câu thứ 14 trong bài "Les Vaines Danseuses" của Valéry "Un peu de lune dort sur lèvres pieuses" hay hai câu thơ Xuân Diệu:

Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm

Đem gửi hương cho gió phũ phàng

(Gửi hương cho gió)

Nghe có chút gì của Thomas Gray (1716-1771)

Full many a flower is born to blush unseen

And waste its fragrance on the desert air

(Elegy)

Như vậy Đông Tây xem chừng người thơ hay nhà thơ cũng có thể gặp nhau vượt qua không gian và cả thời gian như có người khẳng định. Khi đọc bài "Thi vị" của Bích Khê, chúng ta liền liên tưởng đến bài "La Bonne Chanson". Còn trong bài "Tỳ Bà" chúng ta nhận thấy có cả Verlaine với "Romances sans Paroles" lẫn Baudelaire với "Harmonie du soir," "Reservisibilité" (Bích Khê - Nhà thơ tiền chiến - Hoàng Diệp)

Trước đó những nhà thơ Đường đã có những câu như:

Sơ nghi tấp tấp lương phong động

Hựu tự tiêu tiêu mộ vũ linh

Cận nhược lưu truyền lai bích chướng

Viễn như huyền hạc hạ thanh minh

(Cầm - Đường thi)

Nghe phảng phất như Nguyễn Du tả tiếng đàn Thúy Kiều:

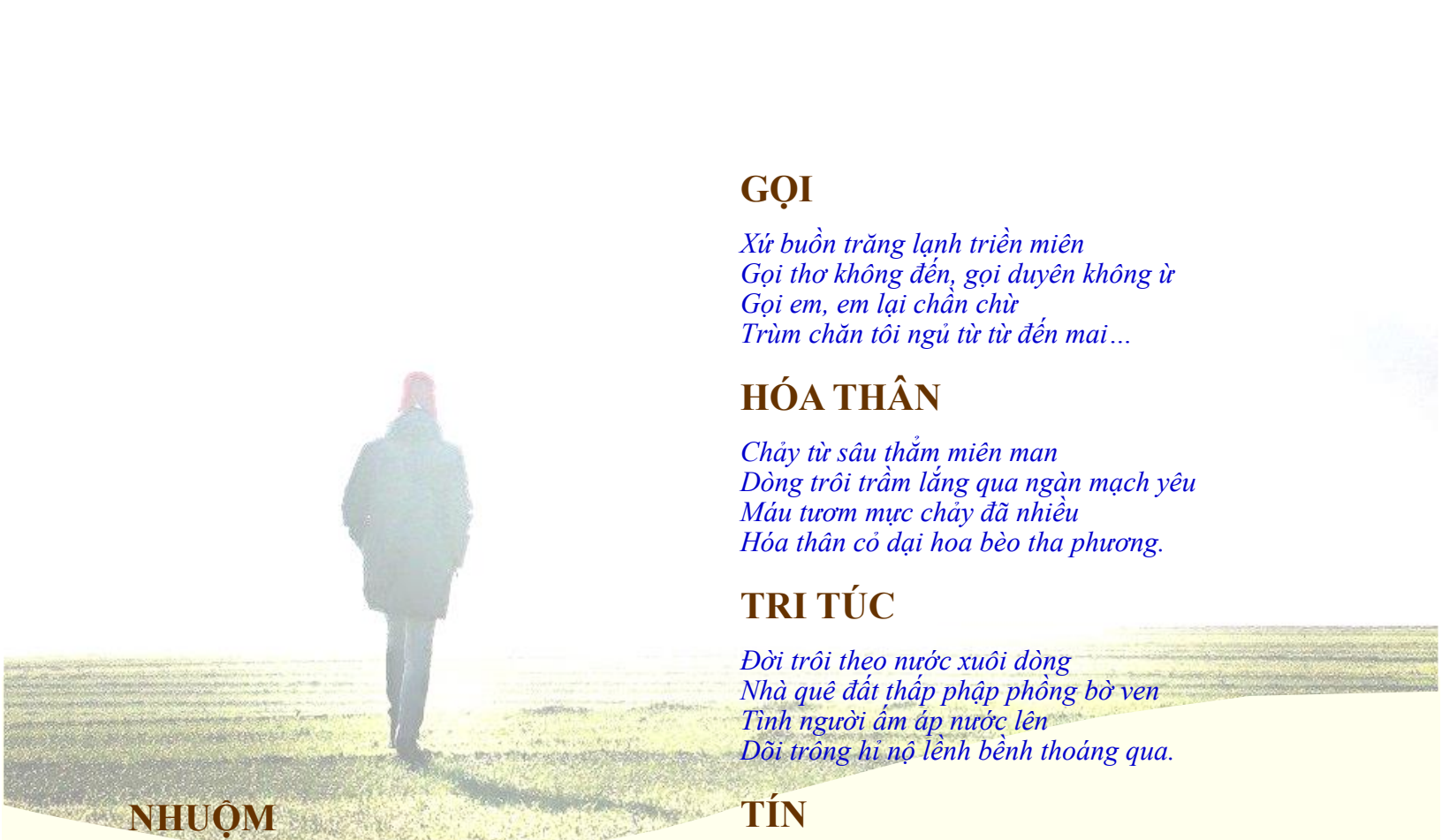
Trong như tiếng hạc bay qua

Đục như tiếng suối mới sa nửa vời

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa

Vậy thì chúng ta hãy cùng nhau làm một cuộc hành trình vào cõi thơ và xem đây như một cuộc chơi gai góc và đầy hào hứng, khi phải vượt qua hàng rào không chỉ ngôn ngữ mà âm thanh và văn hóa!



NHUỘM

Một thời đã nhạt yêu đương
Mang về ngậm với đậu tương, xì dầu
Một mai tóc đã trắng đầu
Một thời đen nhánh nhuộm màu hồi sinh!

VỀ CỘI

Đất cha vườn tổ chưa về
Bóng cây lẻ bạn chiều quê mơ màng
Nấp nương dưới ánh đạo vàng
Ngày mai quẩy gánh lên đàng vượt qua...

TIỀN

Tiếng trâm nghe nhỏ Mi Fa
Tiếng thặng nghe rõ Đô La đồng tiền
Tiếng trâm nghe hiểu chết liền
Tiếng thặng nghe mãi muốn ghiền quanh năm.

NGỘ

Thấp đèn xem truyện Tây Du
Xem xong ngộ thấy mình ngu lâu ngày
Trí tâm bừng sáng nhờ Thấy
Vô ngôn mặt ý đắp đầy kiến tri!

GỌI

Xứ buồn trăng lạnh triền miên
Gọi thơ không đến, gọi duyên không ừ
Gọi em, em lại chân chừ
Trùm chăn tôi ngủ từ từ đến mai...

HÓA THÂN

Chảy từ sâu thẳm miên man
Dòng trôi trầm lắng qua ngàn mạch yêu
Máu tươm mực chảy đã nhiều
Hóa thân cỏ dại hoa bèo tha phương.

TRI TÚC

Đời trôi theo nước xuôi dòng
Nhà quê đất thấp phấp phỏng bờ ven
Tình người ấm áp nước lên
Đôi trông hi nộ lệnh bênh thoáng qua.

TÍN

Tín thời Chánh Tín ghi tâm
Mê thời mê muội bái Thần lễ Ma
Trí Tuệ rõ biết gần xa
Bước chân vững chãi khỏi sa néo mù!

BAO GIỜ?

May thay buông xả vẫn còn
Buông tâm xả thủ, lưu tồn làm chi?
Bụng còn ghim gút chua cay
Bao giờ thanh thân đập mây phiêu bồng?

BƯỚI TRO

Tìm xưa, tìm cái lỗi thời
Mắt sâu hoài cổ nhìn đời tân trang
Tìm xưa, bươi đồng tro than
Hữu duyên nhật được miếng vàng biết đâu?!

OAN CHƯỚNG

Oan khiên ngang trái trên đường
È lưng mà gánh khổ buồn trả vay
Nửa đời đi, sống lắt lây
Trả xong nghiệp chướng nhẹ bay giang hồ.

thơ MÃN ĐƯỜNG HỒNG

Bụi đường

(tức Phương Trời Cao Rộng 2)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương Mười Lăm

(tiếp theo và hết)

Tắm xong, tôi thấy thật tỉnh táo và tươi mát trong lòng, không còn sợ hãi hay ớn lạnh giấc mộng kinh tởm vừa qua. Ngang qua phòng khách của viện, thấy đồng hồ chỉ năm giờ chiều, tôi nhớ đến giờ hẹn bảy giờ tối nay với Như Như tại phòng. Cái hẹn này, là một sự thực, không phải là mộng nữa. Nó sắp đến với tôi rồi. Tôi phấn khởi về phòng, lau quét, dọn dẹp sợ. Rồi tôi leo lên gác trên, kiểm tra lại xem nơi đây còn cần gì nữa không, vì đêm nay, Như Như và tôi sẽ ngồi nói chuyện bên nhau, sau đó tôi xuống đi vắng để nàng ngủ trên gác này hay ngược lại. Mà cũng có thể là hai đứa nằm chung trên gác. Gác này đâu có bàn ghế hay vật dụng gì nên rộng rinh, đứa góc này, đứa góc kia, có sao đâu. Năm nói chuyện suốt đêm, suốt ngày. Đói, tôi đi kiểm thức ăn. Có thể hai đứa ăn chung một tô cơm, uống chung một ly nước. Chẳng gì thú vị bằng.

Xong xuôi mọi sắp đặt cần thiết cho cuộc gặp gỡ thơ mộng trên căn gác, tôi ra ngồi chơi ở cột cờ. Nơi đây, đã lâu rồi, từ khi nghe thầy Tuệ Sỹ

đọc câu thơ trong *Đặng Vương Các Tự* của Vương Bột, tôi đã không còn ngồi nhìn ngắm, theo dõi những con cò trắng bay qua cánh đồng rộng mỗi chiều. Lúc đó, tôi sợ hãi cô đơn, muốn trốn chạy cô đơn. Câu thơ ấy, hình ảnh con nhạn lẻ ấy, làm tăng thêm nỗi cô đơn trong tôi, thúc đẩy tôi tìm kiếm những gì tôi không nên tìm kiếm. Bây giờ, tôi biết tôi sắp có Như Như đêm nay, tôi không còn biết sợ cô đơn là gì. Tôi mạnh dạn ngồi đây, chờ đợi những đàn cò và con cò nghịch ngợm cô lẻ lúc nào cũng bay muộn màng phía sau. Bao rộn rã bùng dậy làm tươi mát trái tim khắc khổ vì nếp sống kinh viện của tôi, tràn lấp hết mọi nỗi sợ. Tôi sẽ có Như Như đêm nay. Trong vòng hơn một giờ đồng hồ nữa, khi màn đêm buông xuống, nàng sẽ đến bên tôi. Tháp trống kia, cái tháp cổ gần trăm năm phơi mình giữa nắng sương để lắng nghe ngàn lần kinh kệ sớm chiều kia, đêm nay sẽ là nơi tình tự của đôi trẻ, sẽ như cái chuông bồ câu, hay như cái tổ của một cặp uyên ương...

Vừa nghĩ đến đó, bất chợt, một nỗi rạo rức kỳ lạ bốc dậy trong tôi. Tôi rùng mình, nhớ lại giấc mơ ban nãy. Ôi, già thanh niên vô lại

xấu xa kia, hửn là ai, sao lại đến quấy phá tôi trong giấc mộng vậy kia? Gương mặt hửn thật là đáng sợ. Ngón gữ hửn thật táo bạo. Nhưng... hình như hửn có nét gì phảng phất giống tôi. Ừ, phải rồi, đôi mắt hửn, cái mũi hửn, cái miệng hửn, giống tôi y hệt, chỉ khác là da mặt hửn nhăn nheo, đầy sẹo và hửn hay liếc liếc ngang, khịt mũi, nhếch miệng, bĩu môi, liếm môi... Hửn là ai vậy? Phải chăng tôi đã bắt gặp hửn ít nhất một lần trên đời nên mới trông thấy hửn rõ ràng trong giấc mộng? Tôi không sao nhớ nổi đã gặp hửn lúc nào và ở đâu. Thôi, không cần nghĩ đến hửn nữa, Như Như sắp đến rồi. Và, ô kìa, tôi nhớ rồi, tôi thật xấu hổ nhớ lại là trong giấc mơ, tôi và Như Như đã làm cái chuyện bậy bạ ấy... Ô, không thể được! Không thể được!

Tôi vùng đứng dậy, quay vào trong. Đi đi lại lại trước thềm chánh điện. Không thể để cho chuyện ấy xảy ra được. Điều đó, không phải chỉ vì vấn đề giới luật, mà còn là một lý do khác nữa: để giữ cho cái mộng kia không bao giờ có thể trở thành sự thực. Như Như cứ đến, vắng, dù sợ hãi, tôi vẫn muốn nàng đến với tôi đêm nay, nhưng tôi sẽ cố gắng giữ sao cho cuộc gặp gỡ

này là một sự thực trôi trên một giấc mộng đẹp, sẽ không có gì quá đáng và phạm tục xảy ra.

Tôi bước trở lại về phía cột cờ.

Hay là, tốt hơn hết, Như Như đừng đến. Như Như, xin đừng đến. Em sẽ bị trở ngại và em không đến được. Vậy đi, vậy sẽ tốt hơn cho chúng ta. *Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé (1)*. Ô, nắng chiều sắp tắt và đàn cò trắng đang bay ngang cánh đồng ruộng xanh ngắt. Và kia, con cò ương ngạnh, kiêu kỳ, một mình bay sau kéo theo cả một khung trời cô tịch xám ngắt.

Như Như ơi, hãy đến, vâng hãy đến. Anh không chịu đựng nổi niềm cô đơn khủng khiếp này. Hãy đến, Như Như. Em đã hẹn và anh cũng đã chờ đợi ba ngày rồi. Đêm nay sẽ là đêm quan trọng nhất, quyết định cái chung cục của cuộc tình chúng ta. Anh sẽ trả lời với em ngay trong đêm nay những gì em mong đợi. Anh cũng sẽ nói với em ba chữ mà anh mắc nợ em. Tất cả sẽ được trả lời, được quyết định trong đêm nay mà thôi. Vậy thì em hãy đến. Có thể anh được em, em được anh, có thể chúng ta sẽ chia tay mãi mãi để anh lại tiếp tục vỗ cánh trên vòm trời mệnh mông hiu quạnh của đời anh. Đến đi Như Như, vì dù sao, cả anh và em đều sẵn sàng chấp nhận bất cứ cái giá nào cho cuộc gặp gỡ đêm nay.

Còn một giờ đồng hồ nữa nàng sẽ đến. Tim tôi đập bắn loạn. Lật một cuốn kinh, tôi xé trang cuối có hình vị hộ pháp, đem lên gác, dán lên vách. Tôi chấp tay bái ông hộ pháp một cái, rồi cười nói: "Ngài phải canh chừng nhắc nhở giùm tôi đó nha. Nếu có chuyện gì đáng tiếc xảy ra nơi tháp này thì khổ cho tôi suốt đời, nhưng ngài cũng chịu trách nhiệm một phần đó."

Còn nửa giờ đồng hồ nữa nàng sẽ đến. Tôi bắt đầu run. Như Như ơi, có phải em sẽ đến với anh đêm nay không? Phải, em sẽ đến. Anh nhớ rồi, em

đã sắp đặt mọi thứ, và em nhất quyết sẽ đến, trong chốc lát nữa thôi. Rồi chúng ta sẽ nói gì, chúng ta sẽ làm gì, suốt một đêm và một ngày kế tiếp? Chúng ta sẽ ôm nhau, sẽ hôn nhau, như những cặp tình nhân mông muội của trần gian, như trong giấc mộng ban trưa mà anh đã thấy. Sau đó, chúng ta sẽ đi nhau đến chiếc đi-văng này. Và rồi chúng ta nghe lời cái tên lưu manh kia, quần lầy nhau, thực hiện khát vọng đồng nhất bằng xúc cảm nhục dục.

Không, không thể được. Như Như, chưa bao giờ anh hiểu được anh như lúc này. Anh hiểu được rằng, anh sẽ không có một chút sức lực hay ý chí nào để cưỡng chống lại cơn đói khát dục vọng điên cuồng của anh. Anh sẽ không thể nào kềm chế được anh đâu. Nhất là trong một hoàn cảnh thuận lợi như thế này, sẽ không sức nào ngăn cản được anh, dù có cả ngàn vị hộ pháp dán đầy trên bốn vách...

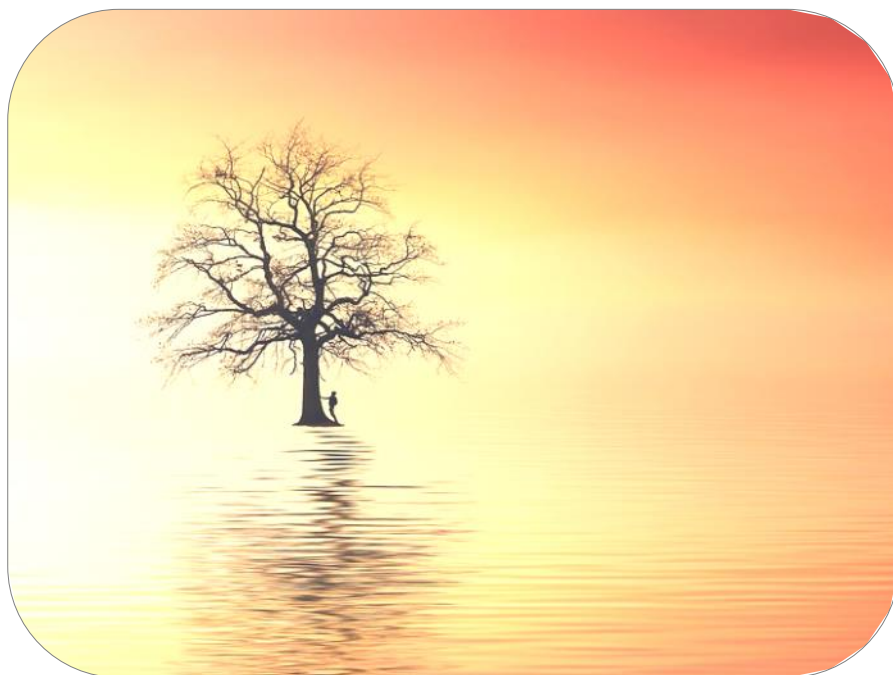
Hốt nhiên, trong một khoảnh khắc bừng sáng của trí tuệ, tôi sức hiểu, sức biết rằng, cái gã mặt theo nham nhở kia, thực ra, chẳng phải ai xa lạ: hẳn chính là tôi, là

dục vọng của tôi, là cái bản ngã của tôi mà thôi. Tôi kinh hãi chộp vội cái dây, vợ quần áo và tấm ca-sa, cây bút và tập thơ, hấp tấp nhét cả vào. Rồi tôi đóng cửa, khóa lại. Chạy.

Như những người vượt biên, trốn khỏi đất nước dưới sự kềm chế của một thể lực mà mình không đủ sức chống lại, tôi trốn ra khỏi một cuộc tình mê muội của mình. Tôi không muốn chuốc lấy thất bại. Tôi cũng không cần sự chiến thắng vinh quang nào trong cuộc tình ấy cả. Tôi chỉ muốn tồn tại.

Và tôi chạy thực mạng trên con đường Hoàng Hôn ngoằn ngoèo giữa lưng đồi Trại Thủy. Màn đêm lúc ấy đã buông. Con đường đá lờm chờm làm tôi suýt vấp té mấy lần. Khi đã cách xa căn gác của mình gần nửa dặm chim bay rồi, tôi mới dừng chân đứng lại giữa lưng đồi, thở hồng hộc.

Từ vị trí này, tôi có thể nhìn thấy ngôi chùa Linh Phong xa xa phía trái, ẩn mình dưới những cây me cổ thụ, và cùng một khoảng cách ấy ở phía phải là ngôi chánh điện chùa Hải Đức với hai cái tháp vươn lên giữa những tàng cây



sứ. Một trong hai cái tháp quét vôi trắng ấy là căn gác nhỏ của tôi, sáng lên nhờ nhờ trong bóng đêm. Tôi bỗng bật cười lên một mình. *Vô trú. Đi về phương Nam. Tiếc thay, cái nhỏ nhất cái lớn!* Chẳng phải thầy tôi đã từng ngắm ngắm dạy tôi thực hiện con đường thoát ly qua những ẩn ngữ ấy sao? Trên thực tế đời sống cũng như trong áo nghĩa của con đường giải thoát, nếu đứng dừng lại một chỗ tất sẽ có chỗ vướng mắc. Không cần *thường trú*, không cần *tạm trú*. Phải *vô trú*.

Giã từ ngôi viện Hải Đức thân yêu với thầy bốn sư, người cha uy nghiêm đạo hạnh đã dẫn dắt tôi từng bước trên đường học đạo và mở cho tôi con đường *vô trú* đêm nay.

Giã từ ngôi chùa Linh Phong và vị Bồ tát mật hạnh Trừng Hùng đã từng bảo vệ tôi, nuôi lớn chất liệu nhân nhục trong tôi bằng bao thử thách và sự nghịch ý.

Và em nữa, Như Như, vĩnh biệt tình em. Nếu em hiểu rằng con đường dẫn thân của anh không thể khởi đầu bằng một đêm chìm đắm, có thể em

sẽ tha thứ cho anh. Riêng anh, mỗi khi nghĩ đến nỗi đau khổ tột cùng của dân tộc, của chúng sinh, anh sẽ không bao giờ quên rằng đã nhiều lần anh cam tâm làm khổ em, và bỏ em đứng lại trên đời Trại Thủy đêm nay mà không một lời giã từ hay giải thích...

Tôi vừa dậm chân bước thì tự dừng nhớ sự rằng vì Như Như đã nghịch ngợm bắt tôi phải mắc nợ nên đến tận giây phút này, tôi hãy còn ba chữ chưa kịp nói ra với nàng. Bây giờ, quyết định rời bỏ thành phố Nha Trang, tôi sẽ không sao có thể trả được cái nợ ấy. Tôi tần ngần đứng yên một lúc. Cuối cùng, hướng về phía ngôi tháp cổ, căn phòng nhỏ của tôi mà có lẽ giờ này Như Như đang tiến đến, tôi bụm hai tay lên miệng gọi lớn:

"Như Như ơi...!" (2)

Gọi xong, tôi bắt đầu cất bước. Và khi bước đi, tôi có cảm tưởng là tiếng gọi ấy đã dội mạnh trong lòng tôi làm rung cả phần ngực phía trái. Tôi ôm ngực, lồm lũi bước vào đêm đen. Sau lưng tôi, âm hưởng của tiếng gọi ấy va vào

vách núi, lan đi qua lá cỏ cây rừng như những đợt sóng trùng trùng nối tiếp nhau, lẫn xô nhau, xé toang màn đêm mịt mù để rồi vỡ nát và tan vụn dần thành những hạt bụi li ti, lãng đãng rơi vào vô cùng.

HẾT

Vinh Hào

North Hills, California, 1995.

(1) Câu mở đầu bài thơ *Ngập Ngừng* của thi sĩ Hồ Dzếnh.

(2) Như Như là tên gọi khác của Chân Như, Chân Tâm, Phật Tâm, Phật Tánh, Như Lai Tạng Tánh...

*(mời đón đọc truyện vừa **Núi Xanh Mây Hồng** — một giai đoạn đời của chú Vinh Khang khi rời Chùa Hải Đức Nha Trang. Tác phẩm gồm 8 chương, của Vinh Hào viết từ năm 1980 tại Tu viện Quảng Hương Già Lam, Gò Vấp)*



Chùa Hải Đức nhìn từ đường Hoàng Hôn
(ảnh Võ Văn Tường)

GIÁC MỘNG ĐẦU ĐÔNG

*Thiên nhiên nhẹ nhàng chuyển động
Mặt trời chậm chạp quay vòng
Trong cái bóng quá lớn của mùa thu*

*Bên cửa sổ,
Hương vào khu vườn bóng tối
Ánh sáng tinh khiết lạ thường
Tôi thiếp ngủ*

*Ngoài xa một người chăn ngựa đi đến
Chàng mở cửa chiếc chuồng của những giấc mơ
Bầy ngựa trắng tự do
Lao ra ngoài thế giới
Với tiếng hí vang vọng tới bên kia vùng thảo
nguyên rộng lớn
Kêu gọi giờ phút nghỉ ngơi cho cuộc đời*

*Có tiếng sấm động trên bầu trời
Bầy ngựa trắng vội vàng quay trở lại
Bên trong những giấc mơ
Nhưng con bé nhất chậm chân không về kịp
Trước khi tôi thức giấc*

*Nó chồm lên trong dáng vẻ hãi hùng
Rồi hoá thành bông tuyết đầu tiên rơi vào bầu
trời mùa đông*

thơ **PHÁP HOAN**

Deutschland, từ *Lịch Mùa* (Ajar press 2016)

AN EARLY WINTER DREAM

*Gently the seasons turn
Slowly the sun revolves
Beneath a giant shadow of Fall*

*By a window
Facing a garden dark
The light oddly translucent
A slumber I start*

*From afar a horse handler comes
He opens the gate to the cage of
dreams
Freed white horses
Launch themselves into the world
Across a vast steppe their whinnying
is heard
Calling for a brief respite from life*

*Distant thunders rumble
The hurried horses return
Back into dreams they go
But the smallest, its legs too slow
Gets left behind
As I wake*

*It lunges forth in fright
Then falls down from the sky
As winter's first snowflake*

- transl. by **IAN BUI**
10.2019